HỒ HỮU TƯỜNG

41 năm LÀM BÁO

trí đăng

HỒ HỮU TƯỜNG

BỐN MƯƠI MỐT NĂM LÀM BÁO

Hồi ký

TRÍ ĐĂNG

BỐN MƯƠI MỐT NĂM LÀM BÁO
Tác giả : HỒ HỮU TƯỜNG
Nhà xuất bản : TRÍ ĐĂNG
SAIGON — VIETNAM



Tựa

Gẫm tôi chưa chiếm được địa vị số một trong làng báo, địa vị này cho phép tôi viết thiên hồi ký về sự nghiệp làm báo của tôi. Gẫm tôi chưa chấm dứt đời làm báo, tức là chưa có cơ hội để đứng ngoài nhìn vào với cặp mắt vô tư hơn.. để cho lời nói mình có giá trị khách quan. Nhưng tôi có hai lý lẽ rất chủ quan khiến cho tôi cầm bút mà viết thiên hồi ký này.

Lý lẽ thứ nhứt là nhà xuất bản Khai Trí sắp cho xuất bản một tác phẩm của tôi đã viết năm 1950, xuất bản thành tập nhỏ tại Paris, trong hình thức những bài học hàm thụ về nghề làm báo. Năm 1965, tôi cho in lại cũng từng tập trong tuần báo Hòa Đồng, *rồi có in thêm, đóng thành cuốn mà bán ra dưới nhan đề là:* Những kỹ thuật căn bản của nghề làm báo. *Chẳng dè độc giả thích thú, đòi hỏi nên nhà sách* Khai Trí *mới cho in lại kỳ này. Trong những tác phẩm của tôi, sách được in lại chỉ có* Phi Lạc sang Tàu, *kế đó là* Muốn hiểu chánh trị, *hàng thứ ba mới đến* Những kỹ thuật căn bản của nghề làm báo. *Tô không biết trong số độc giả của quyển thứ nhứt, đã có a thành công rạng rỡ trong cái thuật nói dóc như anh chàng Phi Lạc chăng? Tôi cũng chẳng biết có độc giả nào của quyển thứ hai đã thành một chánh khách trứ danh chăng? Nhưng mà tôi có biết một số người, nhờ đọc quyển* Những

kỹ thuật căn bản của nghề làm báo, *mà bước qua ngưỡng cửa của làng báo và thành công trong cái nghiệp này. Tôi kết luận rằng hai tác phẩm kia chỉ « mua vui cũng được một vài trống canh » cho độc giả. Còn có giá trị thực tiễn, mới là quyển ba. Vậy viết hồi ký về bốn mươi mốt năm làm báo là phải hơn.*

Lý lẽ thứ hai là khi viết hồi ký này, tôi sẽ có dịp nhắc đến một số người, một số việc, một số cảnh vật, mà nếu tôi không nhắc đến, e sẽ bị chôn vùi trong lãng quên. Vậy thiên hồi ký này có thể kể là một chứng tích lịch sử, mà khi tôi nói đến « cái tôi », ấy không phải vì mục đích muốn khoe mình, mà là muốn tài liệu này có tánh cách nhân chứng. Thú thật, nhờ làm báo mà tôi quen biết với một số nhân vật ở hàng đầu của xã hội Việt-nam, cũng như một vài cây viết cừ trong làng báo quốc tế. Sử gia có thể lượm lặt trong thiên hồi ký này một ít tài liệu, về khoảng từ năm 1926 cho đến ngày nay. Ít nữa, công viết không hoài, đến nỗi tiếc sao đã phí phạm vô ích.

CHƯƠNG KHAI DIỄN

KHI CHƯA MỌC LÔNG

Tập hồi ký nầy chánh thức khởi từ tháng Năm dương lịch năm 1930, lúc mà con chim non vỗ cánh bay vào làng báo. Nhưng cần nhắc về lắm việc đã xảy ra trước đó. Ít lắm từ đầu năm 1926.

Tôi đã biết đọc báo từ năm 1916. Đọc trong tờ tạp chí rất khô khan của Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác là *Nam Phong*. Cha mẹ tôi là tá điền của người cậu bà con, nhà gần nhà tôi. và làm hội đồng. Vì cái chức hội đồng ấy, cậu bị nhà nước ép mua dài hạn tạp chí nầy. Nhưng trong nhà chẳng ai thèm đọc. Mỗi tháng. anh trạm thư đem đến một số. Nó liền bị ném vào góc, tha hồ ai muốn dùng cách nào thì dùng.

Đáng lẽ tờ *Nam Phong* chịu chung số phận với một tờ báo khác, mà tôi quên bẵng tên đi. Nhưng mà, những người đàn bà thấy trong *Nam Phong* có phần chữ nho, họ bảo là chữ của thánh hiền, không nên làm ô uế, nên tạp chí của Phạm Quỳnh tránh khỏi số phận bị ném vào cầu xí.

— Thằng Thuộc mầy muốn lấy thì lấy. hai người chị dâu của cậu Sáu tôi cho phép tôi làm chủ tạp chí nầy.

Tôi đem về nhà, nằm lên võng, đưa kẽo kẹt mà đọc những bài khó khăn, chẳng hiểu chi ráo, để mà biết những danh từ lạ. Và đề trưa trưa, đọc chán quá, ngủ

một giấc ngon lành. Nào có dè *Nam Phong* gieo vào đầu óc tôi quá nhiều chữ nho, hại tôi mang một chứng bịnh mà Phan Văn Hùm đặt tên là « tân hủ nho » sẽ nói tới sau nầy.

Mãi đến chín năm về sau, vào cuối năm 1925, tôi mới biết thích và mê đọc báo. Tờ báo có cái công ấy là tờ *Đông Pháp Thời Báo* của ông cựu hội đồng Nguyễn Kim Đính, tức là thân phụ của anh Ngọa Long ngày nay. Và cơ hội làm cho tôi mê tờ báo nầy là vụ án của Phan Bội Châu. Nhà cách mạng tiền bối nầy hoạt động ra sao, xuất ngoại thế nào, tôi chưa hề biết. Ngay đến tên tuổi của cụ, tôi cũng chưa từng nghe. Đùng một cái như tiếng sét nổ bên tai, cả trường trung học Cần Thơ, nay là trường Phan Thanh Giản, được tin cụ bị đưa ra tòa Đề Hình Hà-nội mà xử. *Đông Pháp Thời Báo* đăng tải vụ án Phan Bội Châu với đủ mọi tình tiết, ghi chép mọi câu vấn đáp, đọc qua, tôi thấy lòng tôi sôi nổi vô cùng. Rồi từ đó, ngoài bài tường thuật vụ án, chúng tôi có cảm tình với những bài khác, và trở nên độc giả sốt sắng.

Trong đám độc giả sốt sắng, có anh Trần Thiêm Thới, sau nầy có hợp tác với thi sĩ Đông Hồ mà xuất bản một tạp chí. Anh vóc cao nghều nghệu, và là người Hà-tiên. Chúng tôi đặt tên anh là cây tre Hà-tiên. Sau nầy khi vào làng báo, anh giữ tên ấy và ký là Trúc Hà. Anh Thới đề nghị ra một tờ báo trường. Báo đặt tên là gì nay tôi cũng quên mất. Mỗi tuần xuất bản một số, viết bằng tay, và bài ai nấy viết. Trong bộ biên tập, ngoài anh Trúc Hà, nay còn nhớ có anh Nguyễn Văn

Cương, anh Trần Ngọc Diệp và anh Ung Văn Khiêm. Cái may cho anh Trúc Hà là anh sớm chịu ảnh hưởng của Đông Hồ, nên sáng tác những bài thơ không nhuộm màu sắc chánh trị. Còn cả thảy các mặt khác đều bị ảnh hưởng của tờ *Đông Pháp Thời báo*, nên đua nhau mà viết bài nặng mùi ái quốc. Báo hại, sau cuộc tranh đấu, tờ báo lọt vào tay của ban giám đốc, mấy ký giả tí hon bị đuổi hết. Anh Trúc Hà trở về thi thơ của xứ Hà-tiên. Những anh khác bị lôi cuốn vào phong trào Việt-nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, sang qua Tàu, chịu huấn luyện, trở về lãnh đạo cách mạng, bị tù đày...

Nên nhắc trước hết là anh Thạnh Búa. Anh bị đặt tên này bởi khi đá banh, thì cẳng ảnh ngay đơ, bàn chơn giống như lưỡi búa tra vào cáng. Tôi nhớ mãi anh ấy, bởi vì anh có biệt tài viết tiếng Pháp như là một nhà văn Pháp. Thạnh gốc gác ở Long-xuyên, quận Lấp-vò thì phải. Con nhà nghèo lắm. Đi học về còn phải tát ao bắt cá, phát cỏ để giúp cha mẹ. Từ lớp nhứt, ảnh đã học thuộc lòng cuốn từ điền *Petit Larousse illustré*. Vào trường Cần-thơ, trò chơi của chúng tôi là lật từ điền nầy, đọc một chữ, rồi đố anh đọc hết phần nghĩa lý của chữ đó. Anh đọc không sót một chi tiết. Đến lớp, bài luận văn bằng tiếng Pháp của anh làm cho vị giáo sư Pháp văn, tên là Bizot, ngạc nhiên, không tin rằng ảnh viết hay như vậy, và cứ nghi là ảnh cóp ở sách. Ông Bizot mới ra đề, bắt ảnh viết trước mắt xem. Ảnh cầm viết mà viết chẳng cần nháp, đưa ngay cho ông xem. Từ ấy, ông Bizot mua một tập giấy dày, đóng bìa cứng. Hễ có bài của anh, thì bắt chép vào, nói « để đem về Pháp mà khoe với các văn sĩ ».

Anh Thới Tre, là chủ bút của tờ báo trường nầy, tất nhiên giao cho Thạnh Búa mỗi tuần viết một bài « sáng tác ». Thạnh Búa viết truyện ngắn theo giọng của A. Daudet, đọc rất là thi vị. Và oái oăm thay, công việc « búa », anh Thới lại giao cho tôi viết trong một bài bằng tiếng Pháp thứ hai « đề cho Tây nó đọc ». Và trong tờ báo chỉ có hai bài chữ Tây của hai đứa tôi mà thôi. Thuở ấy, anh em đặt cho tôi cái biệt hiệu là Tường Dụng. Tôi dịch ra tiếng Pháp là Ventru, rồi nói lái lại là Vutren và ký tên là Pierre Vutren. Ký như thế, tức là « lạy ông tôi ở bụi nầy », nên trong danh sách bị đuổi, tôi đứng đầu sổ, còn bởi vì văn ấy là người, Thạnh Búa bị lộ ngay và lãnh hạng nhì.

Bị đuổi mà không chút hy vọng được nhận trở lại học, tôi sợ búa rìu của tía tôi, nên chạy chọt sang Tây du học. Tôi tự nhốt trong một ngôi trường, cắm đầu lo học. Mãi đến dịp lễ Giáng Sinh năm 1927, tôi mới có dịp may gặp những người viết báo hạng cừ trong dịp họ đến Marseille diễn thuyết chống khủng bố ở Đông-dương.

Đêm trước, tôi gặp trong buổi diễn thuyết Dương Văn Giáo và Trịnh Hưng Ngẫu. Dương Văn Giáo vốn là một thầy thông trước chiến tranh 1914-1918. Khi chiến tranh xảy ra, Pháp mộ một số lính và công nhơn mình sang Âu-châu, cần có thông ngôn theo nên Giáo tình nguyện sang Pháp. Giặc xong, Giáo không về xứ, ở lại học thêm, đỗ tiến sĩ luật khoa, làm trạng sư ở tòa Thượng Thẩm Paris. Và năm 1926, cùng với Bùi Quang

Chiêu sáng lập tờ *La Tribune Indochinoise*, cơ quan của đảng Lập hiến tại Pháp. Ngày ấy, Dương Văn Giáo đến diễn thuyết trước khi xuống tàu về xứ. Trịnh Hưng Ngẫu vốn xuất thân là thầy giao, nhảy qua viết cho tờ *La Tribune Indochinoise* ở Sàigòn. Tên tuổi của hai diễn giả nầy, tôi đã nghe từ lâu, nhứt là Trịnh Hưng Ngẫu là người khét tiếng đánh lộn với Tây ở Sàigòn, và trong dịp Bùi Quang Chiêu về xứ, lãnh tụ thực dân là Henry de Chavigny de la Chevrotière tổ chức biểu tình chống đối, Ngẫu đá vào mông De la Chevrotière một cái quá mạnh, làm chiếc giày văng mất, báo chí đăng chi tiết nầy làm phấn khởi đám thanh niên chúng tôi quá nhiều.

Nghe diễn thuyết xong là đã khuya. Ra đường Ngẫu bắt tay hỏi tên tôi, và hẹn sáng mai lại phòng ngủ gặp lại.

Đến đây, tôi lại gặp hai người nữa : ấy là Nguyễn Thế Truyền và Tạ Thu Thâu. Lúc ấy Nguyễn Thế Truyền đã lừng danh trong giới cách mạng nên đời sống của Truyền đã thành huyền thoại, mà bọn trẻ chúng tôi biết rành từ chi tiết Xuất thân là con nhà khoa bảng ở Nam-định, Truyền đã sớm sang Pháp du học. Đỗ bằng kỹ sư hóa học, Truyền không hành nghề, lại lên Paris mà hợp tac với Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành (sau này là Hồ Chí Minh), để thành lập một nhóm người Việt « chọc trời khuấy nước » chống thực dân ngay tại thủ đô nước Pháp. Năm 1922, Nguyễn An Ninh về xứ, sáng lập tờ *La cloche fêlée* Còn những người kia ở lại cùng một số người Phi-cnau và người Pháp sáng lập tờ *Le Paris*. Ít lâu sau, Nguyễn An Ninh trở qua rước hai cụ Phan về Sàigòn, Nguyễn Thế

Truyền lãnh trách nhiệm cho ra tờ *Việt-nam hồn* khét tiếng.. Bị ngăn trở, báo nầy đổi tên lại là *Hồn Nam-việt* rồi *Phục Quốc*...

Còn Tạ Thu Thâu, tuy tôi chưa quen, song tôi đã nghe danh học giỏi từ năm 1924. Sau khi ra dạy học, Tạ Thu Thâu có hiệp với Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trừng, Trần Ngọc Danh... mà thành lập đảng Jeune Annam, xuất bản tờ *Le Nhà quê*, và tổ chức lễ truy điệu cụ Lương Văn Can là thân sinh của chí sĩ Lương Ngọc Quyến, người đã chủ mưu cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên.

Lúc ấy, tôi mới được mười bảy tuổi rưỡi, và chỉ học lớp Toán học, tương đương với Đệ Nhứt ta bây giờ. Nhưng đối với lúc ấy, kể là sớm lắm. Nhưng tôi cũng có chút danh tiếng «lẫy lừng», là bên nhà, trước khi bãi khóa. tôi chỉ học đến lớp «Năm Thứ Hai», tức là ngang với Đệ Lục, mà sang Pháp mấy tháng sau, tôi nhào đại vô lớp Đệ Nhị, học cuối năm, thi tú tài dẫn đầu số thí sanh Việt-nam. Nên mấy anh lớn nọ nghe danh học giỏi, mến tài, rủ tôi tới cho kỳ được, để dụ tôi đi theo con đường của họ. Nguyễn Thế Truyền khai hỏa:

— Ừ, như vậy mới được chớ. Đi làm cách mạng phải là những tay học giỏi. Chớ học trong lớp mà cầm cờ, rồi ra làm cách mạng, bọn thực dân nó chê rằng tụi mình là tụi ratés, nên giả vờ làm cách mạng để cứu thể diện.

Truyền lớn hơn tôi đến hai mươi tuổi, thêm rành tâm lý. Biết tôi là con nhà nghèo, vì phục Nguyễn An Ninh, tranh đấu nên vất vả chạy sang Tây cho bằng được, nên khen Ninh, khen để dụ tôi:

— Ừ em xem. Anh Ninh, sang Pháp, không đầy năm mà thi đậu cử nhơn luật, bọn Tây nó lát mắt, rồi ra làm cách mạng, chúng nó mới cứng mồm.

— Làm sao mà chỉ một năm, thi trọn ba năm luật được ? Không phải mỗi năm thi một bằng sao ?

— Qui chế thì như vậy. Nhưng khi Ninh mới sang Pháp, chánh phủ có ra những thi thố đặc biệt để nâng đỡ thanh niên, vì chiến tranh mà lỡ dở việc học hành. Cứ hai tháng là tổ chức một kỳ thi, tha hồ ai thi cũng được, miễn là hội đủ điều kiện. Mới qua, Ninh thi cử nhơn luật năm thứ nhứt. Sáu tháng sau Ninh thi cử nhơn luật năm thứ hai, hai tháng sau nữa, Ninh thi trọn bằng cử nhơn. Nhờ vậy mà đi tới đâu, giới trí thức Pháp ở Paris nể mặt. Em phải học giỏi như Ninh vậy, chúng nó mới ngán.

Nghe chuyện Ninh thi trọn cử nhơn chỉ trong một năm, hình ảnh của Ninh, vốn dĩ đã rất đẹp trong lòng tôi, càng thêm đẹp nữa. Có lẽ mắt tôi đã ra vẻ mơ mộng, Truyền còn bồi thêm để quảng cáo Ninh :

— Tụi Tây ít khi phục bằng cấp. Ban đầu hai cụ Phan giới thiệu Ninh cho bọn nó, bọn nó cho là nhờ học gạo, thuộc lòng nhiều, nên đậu mà thôi. Ninh chạm tự ái, viết mấy bài báo, đưa cho tụi nó đăng. Ninh viết français hay lắm, tụi nó lát mắt. Chừng đó mới chịu phục.

— Anh Ninh viết trong báo nào ?

— Khởi đầu, Ninh viết trong tờ *Le Libertaire*, là cơ quan anarchiste. Tây nó phục rồi, mới rủ Ninh đứng vào nhóm sáng lập tạp chí *Europe*.

Trịnh Hưng Ngẫu hỏi, với cử chỉ « chim mồi » :

— Có phải tạp chí *Europe* do J.R. Bloch làm giám đốc và bây giờ hãy còn ra đó không ?

— Đúng vậy. Vào tạp chí Europe, Ninh làm quen với Léon Werth. Sau Ninh rủ Léon Werth qua bên mình. Về Pháp, Léon Werth viết cuốn *Cochinchine* để ca tụng Ninh là người trí thức độc nhứt kể cả Tây lẫn Việt, mà Werth gặp ở Nam-kỳ.

Tôi có đọc quyển *Cochinchine* của Léon Werth, nay nghe được chi tiết nầy tỏ vẻ khoái lắm. Thấy tôi đã say men rồi, Truyền mới dụ :

— Đấy em thấy chưa, muốn làm cách mạng đắc lực, phải viết báo cho hay. Không làm cách mạng mà viết báo hay, cũng có lợi. Đây là qua dạy em cái bí quyết để thành công trong đời đó.

Ninh đã về Sàigòn chuyến tàu trước rồi. Hôm ấy, Thầu và Ngẫu dắt tôi đến bến tàu, đưa Giáo và Truyền về xứ.

Tôi trở về nhà trường, cắm đầu vào sách vở. Sau năm học ấy, đậu tú tài, vào Đại Học Marseille. Nhờ học toán, nên thời giờ rỗi rảnh khá nhiều, anh em cắt tôi công việc, mỗi chuyến tàu từ bên nhà đến, thì ra tận bến tàu mà đón rước du học sanh mới đến. Nhờ vậy mà tôi làm quen được một vài nhà báo nổi tiếng. Như cụ Phan Văn Trường, như Phan Văn Hùm, như Cao Văn Chánh, như Nguyễn Pho. Lúc ấy, tôi chưa biết ham làm cách mạng, nên không tìm dịp theo các nhà viết báo tiếng tăm nầy, mặc dầu kính phục tài nghề của họ.

CHƯƠNG MỘT

Tờ báo đầu tiên chỉ một số: Tiền Quân

Tháng 11 năm 1930, các báo ở Pháp đăng một tin sét đánh, nhứt là đối với các sinh viên Việt. Bạo động bùng nổ ở Yên-bái, Hải-dương, Lâm-thao,... Những nhà cách mạng lôi cuốn được lính khố xanh, đã cướp đồn, giết quan trấn thủ người Pháp, trong lúc mà nhiều nơi khác, lựu đạn thô sơ chế tạo trong xứ nổ lung tung. Rồi mấy ngày sau, báo nào cũng đăng tải tin tức về những cuộc dội bom, những khủng bố và thông cáo của chánh quyền thực dân cho biết «đã làm chủ tình thế».

Lúc ấy, tôi đương học tại Đại học Lyon, đã nạp luận án thi Cao học về toán, chờ thi. Còn việc học khoa sư phạm, dạy hai tháng tập sự tại trường trung học, để chuẩn bị thi thạc sĩ toán học đã hoàn tất. Trước ngày ấy, trước mắt tôi chỉ thấy cuộc thi thạc sĩ. Khi đi tập sự, giáo sư ngạc nhiên nói: «Đây là lần thứ nhứt mà có một thí sinh trẻ như thế này. Tôi lại ngạc nhiên hơn nữa, vì người ấy không phải là người Pháp, mà phải học với ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ». Mấy lời khen, tuy thành thật, song không khỏi làm cho tôi phải thẹn, một cái thẹn có lẽ bởi quá hãnh diện mà ra. Kết quả là tôi còn học toán hăng hơn nữa.

Nhưng từ khi có tin bạo động ở Yên-bái, những hình, những phương trình, những định lý toán học bay đâu hết, không còn trong trí tôi, trước khi nhắm mắt

ngủ. Lòng tôi sôi nổi luôn bởi những hoạt động cách mạng. Mà cách mạng như thế nào, tôi không có chút ý thức. Thành phố Lyon, trước kia đầy dẫy sinh viên Tàu. Họ có tổ chức những nhà trọ cho sinh viên ăn ở rẻ tiền, có công ăn việc làm, tức là một lối «sinh viên lao động». Bây giờ, họ về xứ bớt. Nhưng tại Đại học, vẫn còn lưu lại một Institut franco-chinois, còn tấm bảng cẩm thạch to tướng gắn trong hành lang. Bầu không khí ấy làm cho tên của Tôn Dật Tiên được nhắc đến mãi. Mà vào tuổi sinh viên, câu được nhắc nhiều hơn hết là: «Nhất cách mạng, nhị phụ nhân». Đối với đa số sinh viên, hễ nhắc đến câu ấy, thì anh em cười xòa, cho rằng không đúng. Vì vào tuổi ấy, «nhất phụ nhân» mới phải... nhứt là tại Lyon là thành phố mà thường giựt giải hoa hậu cho gái Pháp. Nhưng bấy giờ tôi mới thấy rằng Tôn Trung Sơn có lý. Trong nhà ngủ, có mấy anh bạn thuê phòng ở trọ. Hễ cắm đầu học từ sớm cho đến sáu giờ, thì đầu đã nặng, cần nghỉ ngơi, lại gặp lúc mấy cô đầm tan sở ra về, ra đón mà tán, thì đầu óc mau tỉnh táo lại, để ăn tối, thì là một món khai vị rất ngon lành mà chẳng tốn tiền chi cả.... trừ khi người đẹp nhận lời ngay, thì đêm ấy giốc túi. Nhưng từ khi có bạo động Yên-bái, tôi bỏ cái lối «khai vị» nọ mà tản bộ dọc bờ sông Rhône để trầm tư về tiền đồ xứ sở.

Kết quả của một tháng trầm tư nầy, là tôi viết thơ cho anh Hội trưởng hội A. G. E. I. (Đông-dương sinh viên tổng hội : association générale des étudiants indochinois, nay còn nhớ, trụ sở ở đường Gay Lussac, Paris V). Tôi nhờ cho biết ở Paris có thể đi dạy học

tư, đủ tiền ăn trong tháng chăng ? Vì từ hai năm qua, tôi không có được tiền từ bên nhà gởi qua, mà chỉ sống bằng cái nghề dạy học tư nầy.

Hơn tháng sau, tôi mới được thơ phúc đáp, ký tên Hồ Văn Ngà. Anh Ngà cắt nghĩa rằng anh mới vừa đắc cử hội trưởng, nghiên cứu hồ sơ, rồi phúc đáp sau khi dò hỏi kỹ lưỡng, nên trễ. Đáng lẽ, tôi đi ngay. Song chỉ còn mấy hôm nữa là tôi sẽ trình luận án thi Cao Học, nên nán lại.

Ngày trình luận án nầy, sáng sớm tôi đã đem rương đi gởi lên Paris, mua vé xe lửa. Đậu rớt gì cũng không cần. Sáng thi xong, chiều tôi đã ngồi xe lửa. Sáng hôm kế, tôi đã bước chơn xuống xe tại nhà ga Lyon ở Paris. Người đón rước tôi là Tạ Thu Thâu, bởi chức vụ của anh là đón rước người mình vừa đến Paris lần đầu cho khỏi bỡ ngỡ.

Xe taxi đưa tôi đến thẳng Cachan, một xóm ngoại ô Paris. Đây là biệt thự do Huỳnh Văn Phương mướn và sắp trả vì mãn giao kèo. Khi sang Pháp học, Phương đã cưới vợ. Bên vợ giàu, cho chị Phương sang Paris theo chồng, cùng hai em trai đi du học. Gia đình đông đảo, có đàn bà, nên thuê villa nhỏ ở cho rẻ và có nhiều tiện nghi hơn là ở phòng ngủ. Vào nhà, thì chị Phương đã về xứ trước với hai em. Trong nhà tôi lại gặp cụ Phan Văn Trường ở một phòng, khít với phòng tôi.

Cụ Phan vốn là một bực túc nho, sang Pháp trước thế chiến. Bên nhà, cụ đã học tiếng Pháp, sang bên này, cụ họct nêm, đề vào Đại học. Kịp đến khi cụ Phan Châu Trinh bị biệt xứ gởi sang Paris, thì cụ Phan Văn Trường

sát cánh với cụ Tây Hồ. Chiến tranh Âu-châu bùng nổ năm 1914. Lập tức, thực dân Pháp ra lịnh tuyển mộ lính và nhân công sang Pháp để « giúp mẫu quốc ». Sợ tiếng nói của hai cụ Phan được những người tùng chinh nghe theo, Pháp dựng đứng một cuộc « âm mưu giả tạo » để chụp mũ hai cụ và một số người Việt khác, mà bắt nhốt vào ngục. Nhốt như vậy cho đến đời G. Clémenceau lên làm thủ tướng, nhờ luật sư Marius Moutet can thiệp, các cụ mới được thả ra. Cụ Phan Văn Trường có viết một hồi ký, nhan đề là « *một chuyện âm mưu người Annam ở Paris* » và đăng trong tờ l'Annam, mà cụ làm chủ nhiệm. Khi ra tù, hai cụ được Nguyễn Thế Truyền, học xong ở Toulouse lên hiệp tác. Đầu tháng bảy, cụ Tây Hồ móc nối được với Nguyễn Tất Thành, lúc đó ở London, nên viết thơ gọi về Paris. Nguyễn Tất Thành vốn là con trai của cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, sau cải danh là Nguyễn Sinh Huy, là bạn thân của cụ Tây Hồ, và cũng là đồng chí trong phong trào 1908. Đến 1918, nhóm nầy lại được Nguyễn An Ninh ở Sàigòn sang nhập bọn. Người ngoài cho đó là năm con Rồng, bởi người Việt xưng mình là « con Rồng ». Linh hồn của nhóm « ngũ long » nầy là cụ Phan Châu Trinh. Và khi chường ra công chúng, nhứt là khi viết báo chống thực dân, thì ý kiến thường do cụ Tây Hồ xướng ra, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh thảo thành tiếng Pháp, và giao cho Tất Thành đem giao cho nhà báo với một bút hiệu chung.

Về cái bút hiệu nầy, có một giai thoại kể ra buồn cười. Lúc ban đầu, các cụ chọn bút hiệu là Nguyễn Ố Pháp. Nghĩa là thằng Nguyễn ghét người Pháp. Tên nầy

được độc giả Pháp hoan nghinh lắm, vì giọng nói dí dỏm đặc biệt của người Việt, lại thêm câu văn của Ninh và Truyền gọt giũa, nên có duyên. Độc giả gởi thơ đến nhà báo hỏi Nguyễn Ố Pháp là ai và tên ấy có nghĩa gì ? Các cụ buộc lòng phải dịch cho ngay tình. Các bạn Pháp phản đối cái tên cực đoan và dễ ghét, mà tiếng Pháp gọi là sô vanh (chauvin), và đề nghị đổi đi. Từ đó, bút hiệu Nguyễn Ố Pháp bị đổi ra là Nguyễn Ái Quốc. Về sau, bốn vị kia tách ra, tên Nguyễn Ái Quốc còn lại riêng cho Hồ Chí Minh.

Khi ban đầu, tên mới lạ là Nguyễn Ố Pháp, chẳng bao lâu đổi thành Nguyễn Ái Quốc xuất hiện, ai cũng muốn biết người nầy bằng xương bằng thịt là ai. Nhứt là mấy thám tử của bộ thuộc địa. Một lần tại câu lạc bộ Faubourg, có một thanh niên đưa tay lên xin nói. Chủ tọa trước khi trao lời, hỏi tên họ để giới thiệu thì thanh niên xưng mình là « Nguyễn Ái Quốc ». Làm cho thính giả chăm chú nghe, Và thám tử, đêm ấy vô cùng sung sướng, vì đã viết được một bản phúc trình về cho bộ trưởng. Bộ trưởng không tin, chỉ nghĩ rằng « Nguyễn Ái Quốc chỉ là một bút hiệu mới của Phan Châu Trinh mà thôi ». Nhưng trước sự «bằng xương bằng thịt» dầu là ông bộ trưởng, làm sao mà cãi bây giờ ? Bèn ra lịnh tống trát đòi « Nguyễn Ái Quốc đến cấp tốc tại bộ thuộc địa gặp ông bộ trưởng », nhưng lại đem trát giao tận nhà Phan Châu Trinh. Cụ Tây Hồ gọi Tất Thành đến giao tờ trát, Tất Thành cầm trát đến gặp ông bộ trưởng Pháp và câu đầu nói xỏ rằng « Nguyễn Ái Quốc là tôi. May mà trát gởi đến nhà chú tôi là Phan Châu Trinh, nên được chú tôi đưa lại. Không thì lạc mất rồi. Từ nầy

về sau, hễ muốn gặp tôi, thì gọi ngay tôi nơi địa chỉ... đừng làm phiền chú tôi nữa», Bộ trưởng bộ thuộc địa đành câm miệng hến. Ngày ấy, cụ Tây Hồ xỏ Tây tế nhị được, xuống chợ Mouffetard mua lòng lợn về mời đủ năm Rồng xơi một tiệc « khải hoàn ».

Tôi ở chung với cụ Phan văn Trường được hơn tuần, thì cụ về xứ. Trong thời gian đó, ngày nào tôi cũng quấn quít theo bên cụ, mà nghe cụ kể những mẫu chuyện thăng trầm của đời tranh đấu mình. Cụ rất vui tính, cười hề hề, dầu cho chuyện bi đát, cụ cũng tìm thấy vài nét ngộ nghĩnh để mà trào lộng. Cụ là một bực học giả uyên thâm, các sách hay của Tây phương lẫn Đông phương, cụ đều đọc cả. Cụ nói :

— Tôi đọc được nhiều là nhờ nghèo. Mùa lạnh ở nhà rét quá chịu không nổi, mà mình không đủ tiền mua than củi để sưởi. Đành vào thơ viện từ chín giờ sáng đến mười giờ tối, gián đoạn bằng hai lượt đi ăn. Vào thơ viện, phải im phăng phắc, thì đọc sách là việc bắt buộc.

Triết học, kinh tế học, lịch sử, xã hội học, tôn giáo... sách nào căn bản, cụ đều có nghiên cứu kỹ, Luận án thi tiến sĩ luật của cụ bàn về chủ nghĩa Bôn-sê-vích ở Nga, đem áp dụng vừa được cuộc cách mạng. Nhưng mà trong thâm tâm, cụ chê tất cả các triết gia Tây phương, ngay cả Marx nữa :

— Bọn nó vì tự cao ám thị mà chẳng chịu ngó đến văn hóa Đông phương, thành chui rút vào tháp ngà, không có một cái nhìn thống quan. Riêng có anh chàng Schopenhauer khiêm tốn, đọc sách Phật, nên tác phẩm của y đọc dễ chịu hơn.

Tôi xin hiến cho đàn hậu tấn nhận định của một bực tiền bối đã dày công đọc sách và suy gẫm.

Tôi vốn học toán. Những cái mà tôi biết về triết, là nhờ học lóm với cụ Phan Văn Trường trong thời gian nầy. Học chỉ ban ngày thôi. Đến tối, những anh Thâu, Phương và Chánh qui tụ về, ráp nhau cãi chánh trị với cụ. Bấy giờ, ba anh này đã đi sâu vào chủ nghĩa Marx, thiên về cánh Trotsky, nên cố tình thuyết phục cụ Phan ngã theo lập trường chánh trị của họ. Nhưng cụ Phan một mực chê Marx còn hẹp hòi. Ở đây nên nhắc lại một lời của cụ dường như là một tiên tri :

– Các anh rồi sẽ xem. Chủ nghĩa cộng sản mà sang qua Á-đông mình, thì sẽ chẳng khác gì văn hóa Mông-cổ chinh phục nhà Tống. Về chánh trị, họ sẽ thắng. Còn về mặt văn hóa, chủ nghĩa cộng sản sẽ bị Phật giáo đồng hóa, chẳng khác chi văn minh Mông-cổ bị văn minh Tàu đồng hóa vậy.

Bốn mươi mốt năm đã qua, sự đụng chạm giữa chủ nghĩa cộng sản và Phật giáo mới bắt đầu. Hãy còn sớm mà phê phán lời tiên tri của cụ Phan Văn Trường.

Ngày mà cụ Phan lên xe lửa đi Marseille để đáp tàu về nước, là ngày mà chúng tôi dọn nhà. Mỗi người tìm chỗ ở riêng. Tôi vốn không tiền nhiều, dọn đến ở chung với một anh bạn, tên Đặng, có thuê được phòng rộng ở gầm vườn Parc Montsouris. Ban ngày mạnh ai nấy đi lo công việc của riêng mình. Đến bữa cơm tối, thì gặp nhau tại đường Cujas, mà ăn tại quán cơm Shanghai, để nhơn tiện trao đổi tin tức. Trong ngày, lẩn quẩn vùng đó, hoặc đến phòng các sanh viên « kèm toán »

cho các anh còn dự bị thi tú tài, hoặc la cà vào thơ viện của Sorbonne. Vào ban trưa, sau bữa cơm, tôi bắt chước một số mà ra ngồi vườn Luxembourg mà tán gẫu. Nơi vườn này, đầu tháng năm, hoa đã trổ, lá đã khoe xanh, trời đã khoáng đảng, đẹp đẽ vô cùng, mà các nữ sinh viên lại tô điểm những cái đẹp nhân tạo vào cái đẹp của thiên nhiên, làm cho đời sống lữ thứ không đến nỗi tẻ nhạt lắm. Trong khung cảnh này, tôi gặp lại một anh bạn, cùng với tôi đi chuyến tàu sang Pháp năm 1926, bấy giờ học khoa học tại Sorbonne. Ấy là Ngô Ngọc Đối lớn tuổi hơn tôi, xem tôi như em ruột, gặp tôi rủ đi gặp hai người nữa để gầy sòng belote. Một trong hai người nầy đương làm ký giả ăn lương của một tờ báo lớn, tên là tờ l'Humanité, cơ quan trung ương của đảng cộng sản. Ấy là Nguyễn Văn Tạo. Tạo cùng với Đối và tôi đã thi tú tài I tại Aix-en-Provence. Đối với tôi đậu kỳ tháng Juin. Kỳ Octobre, Tạo mới đậu, nhưng không tiền đi học nữa, Tạo sang Brignolles mà gác con nít trong một trường nhỏ. Nơi đây, Tạo làm quen với một lãnh tụ cộng sản, tổ chức Tạo vào đảng, thấy Tạo làm việc hăng hái và trung kiên, nên đề cử lên Paris mà thay chơn cho một người Việt khác là Liêu Sanh Trân, vừa bị mất tín nhiệm. Anh Liêu Sanh Trân nầy, năm 1927, đã cùng với Trần Văn Ân tổ chức tại Aix-en-Provence một tờ báo nửa tiếng Việt, nửa tiếng Pháp, lấy tên là l'Annam scolaire. Báo nầy cổ xúy mở đại hội nghị sinh viên Đông-dương tại Aix-en-Provence mùa hè năm 1927 rất sôi nổi. Trân có tài viết tiếng Pháp và diễn thuyết, nên được đảng cộng sản kéo lên Paris để làm việc gì đó

trong văn phòng của ủy ban trung ương đảng. Nhưng Trân bắt đầu ăn chơi, rồi làm một cái gì mà mất tín nhiệm.

Nguyễn Văn Tạo là người Gò-đen, con nhà nghèo và mồ côi, được ông hội đồng Võ Công Tồn mến, nâng đỡ cho sang Pháp. Có đạo đức hơn, nên được trọng dụng. Chẳng bao lâu, Tạo được đề cử vào ủy ban trung ương đảng cộng sản Pháp, và với đảng danh là Antas. Tạo được gởi sang Moscou, trong phái đoàn của cộng sản Pháp mà dự hội nghị kỳ thứ sáu của Quốc tế cộng sản, tức là Đệ tam quốc tế. Những hành vi của Tạo, đối với tôi đều rõ. Nhưng khi chúng tôi gặp nhau, thì chỉ giải trí bằng những chuyện Marseille, tức là một lối tiếu lâm Pháp, tục tĩu có lẽ còn trắng trợn hơn tiếu lâm của ta. Chúng tôi vừa kể tiếu lâm, vừa chơi bài belote. Lệ chơi là bên nào thua, thì trả tiền mấy tách cà phê mà bốn người đã uống. Vận của tôi bao giờ cũng đỏ, nên Tạo luôn luôn trả tiền. Đời tôi chưa từng trực tiếp ăn tiền của Moscou. Nhưng mấy lần này, nhờ cờ bạc, mà có liếm láp chút đỉnh mấy tách cà phê sữa. Nhắc chuyện nầy, không phải để kể rằng mình quen với cộng sản gộc, mà để nhấn mạnh vai trò của các sòng belote trong mấy ngày sắp tới.

Tôi lên Paris không phải để đi học nữa, càng không phải để đi cờ bạc. Chính là bởi thời cuộc đưa đẩy, muốn làm một cái gì đó để góp phần với non sông. Khi bước chơn lên đất thủ đô Pháp, tôi đã nói điều đó với Tạ Thu Thâu. Và Thâu rất đồng ý. Đầu năm 1928,

trước khi xuống tàu về Sàigòn, Nguyễn Thế Truyền giao Tạ Thu Thâu việc lãnh đạo đảng Việt-nam độc lập' là đảng mà Truyền sáng lập.

Theo lời cụ Phan Văn Trường thuật lại, thì năm 1922, khi Nguyễn An Ninh sắp sửa về nhà mà sáng lập tờ báo La cloche fêlée, thì cụ Phan Châu Trinh có đưa ra một phân công, gọi là « ngũ long tề khởi ». Tại quê nhà, bầu không khí thực dân và phong kiến còn quá nặng, Ninh lãnh sứ mạng đem tư tưởng dân quyền của Pháp ra mà « dĩ di diệt di ». Nên chi báo của Ninh nêu lên đường lối là « cơ quan tuyên truyền cho tư tưởng Pháp » (organe de propagande des idées françaises) Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Thế Truyền thì tựa vào đảng xã hội, sau biến thành cộng sản, nhưng Thành thì thiên tả mà đi vào lao động, Truyền thì đứng trên lập trường « quốc gia mượn thế lực cộng sản để mưu đồ sự giải phóng dân tộc ». Còn hai cụ Phan thì chờ Ninh xung phong, dọn dẹp chông gai bên nhà, hai cụ sẽ về góp sức mà tiến lên gây một phong trào dân chủ. Nhưng mà theo kế hoạch nầy, phân ra thì có, mà tụ lại thì chưa. Năm 1925, quả Ninh có rước hai cụ Phan về xứ. Nhưng sang năm 1926, cụ Tây Hồ lìa trần, Ninh lo tổ chức quần chúng, giao cho cho cụ Trường đứng mũi chịu sào tờ l'Annam. Rồi Ninh vào tù, cụ Trường ba chìm bảy nổi, bị án tù, sang Paris chịu vào khám. Còn Tất Thành mang tên chung là Nguyễn Ái Quốc, theo cộng sản luôn, một đi không trở lại.

Nguyễn Thế Truyền vào đảng cộng sản Pháp, mượn phương tiện mà thành lập Việt-nam hồn, sau đổi lại

Hồn Việt-nam, rồi Phục Quốc... Nhưng đảng cộng sản Pháp, sau khi tổ chức được một số cán bộ cộng sản Việt-nam trung kiên, không cần cái văn phòng tuyển mộ chiến sĩ, là phong trào ái quốc, thêm nữa, không đưa thêm phương tiện cho Nguyễn Thế Truyền làm báo. Cảm thấy mình lơ láo, Truyền bỏ đảng cộng sản, ra hợp cùng một số đồng chí mà sáng lập đảng Việt-nam độc lập cờ vàng năm ngôi sao đỏ. Chính là đảng nầy mà Truyền giao cho Thâu lãnh đạo trước khi về xứ. Thâu bèn bỏ học, biến thành một nhà «cách mạng chuyên nghiệp» Lần lần Thâu đọc sách mà thiên tả, kéo luôn hai bạn thân là Huỳnh Văn Phương và Phan Văn Chánh theo mình. Thành ra khi tôi đến Paris, thì đảng Việt-nam độc lập đã tàn lụi, chết không kèn không trống. Những đồng chí cũ của Thâu trong đảng nầy và những bè bạn mới thì chỉ tiến tới giai đoạn làm những nhà ái quốc có cảm tình với xã hội chủ nghĩa mà thôi.

Khi vấn đề được đặt ra, cụ Phan Văn Trường khuyên đừng cho sống lại đảng V.N.Đ.L. cồ lồ, mà cũng chưa nên tô màu sắc chánh trị rõ rệt. Sau khi bàn cãi, chúng tôi chọn một tên rất nhu mì là «nhóm Việt. Kiều tại Pháp» (les Émigrés vietnamiens en France). Và tờ báo, cơ quan của nhóm lấy tên là Tiền Quân. Rút kinh nghiệm của mấy năm đã qua, không thể khai thác luật báo chí của Pháp mà ra báo công khai nữa. Như vậy là tôi vào làng báo với một tờ báo bí mật.

Tuy là báo bí mật, song cũng tổ chức hẳn hòi. Không biết khi tôi sanh ra, được sao nào chiếu mạng, song hễ vào nhóm nào, thì bị đưa làm thủ lãnh. Phen nầy, không phải nhờ tài, chẳng phải nhờ đức, cũng không

phải «tuồi đảng cao» hay có uy tín gì cả. Nhưng bởi những anh em khác đều bận việc, còn tôi có thời giờ nhiều, nên tôi phải gánh cái trách nhiệm là «chủ nhiệm». Ngoài ra còn có một lý do rất quyết định, là cả thảy đều đã hoạt động và có tên vào sồ bìa đen, bị mật thám theo dõi. Còn tôi ở tỉnh vừa lên, chưa có hành tung chánh trị nào cả, sự đi lại không ai nghi thì lãnh chức này tiện lắm. Ngoài cái vinh hạnh vừa bước vào làng báo mà đã làm chủ nhiệm, tôi còn có một vinh hạnh hiếm có là có được một bộ biên tập rất cừ, dầu chưa có danh lừng, cũng sẽ lừng danh.

Đứng đầu là vị chủ bút Phan Văn Hùm. Phan Văn Hùm đã vào làng báo từ năm 1923, với tờ báo, tuy có tên tây là le Jalon, nhưng viết bằng tiếng Việt. Thuở ấy Hùm học tại trường công chánh Hà-nội, hợp cùng với Nguyễn Văn Tuệ mà sáng lập tờ báo viết tay nầy. Tuệ cũng học cùng trường, cùng lớp, ngoài việc viết báo, Tuệ góp phần chẳng nhỏ cho văn hóa nước nhà bằng cách đem cải lương của miền Nam ra phồ biến ngoài Bắc và lập gánh làm bầu. Báo le Jalon quyết ăn thua đủ với Phạm Quỳnh, hễ số Nam Phong nào ra, thì bị Hùm đem ra mồ xẻ tơi bời, bắt bẻ từ ý kiến đến hành văn và từ ngữ, Ra trường với chức «trường tiền», Hùm và Tuệ được bồ vào Huế. Nơi đây cụ Phan Bội Châu vừa được A. Varenne ân xá và bị đày vào Bến Ngự, hai công chức nầy giao thiệp ra mặt với nhà cách mạng, lo chén cơm manh áo cho cụ, lại còn đem tư tưởng ái quốc mà phồ biến cho đám thanh niên. Học sinh trường nữ học bãi khóa, Hùm đem về nuôi đầy nhà. Thực dân chẳng biết làm sao, năn nỉ hai người xin từ chức mà

khỏi trả tiền học bổng đã xài trong ba năm. Hùm về nhà giao thiệp với Nguyễn An Ninh, mà tổ chức «hội kín», dính vào vụ đánh lính, bị bắt giam. Khi thả ra, Hùm viết thiên hồi ký «*Ngồi tù khám lớn*», đăng trong nhựt báo Thần Chung, rồi in thành sách. Khi đó, làng báo ai cũng công nhận Hùm là kiện tướng hàng đầu. Ngại ở lại xứ, Hùm sẽ bị lộ liễu nhiều bí mật khác nặng tội, nên Hùm sang Pháp và ghi tên học Triết tại Sorbonne.

Trong bộ biên tập, hãy còn có Tạ Thu Thâu, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang, Hồ Văn Nga, và một người mà độc giả hãy nhớ tên là Ngô Quang Huy. Bởi vì người nầy, sau về xứ, không xuất hiện trong làng báo, văn đàn, nhưng là một cây viết cừ. Chẳng phải vì lẽ đó mà tôi xin nhớ tên. Mà sau nầy Huy sẽ đóng một vai trò oái oăm trong một vụ án sôi nổi, mà trừ chúng tôi ôm bụng cười thầm, chẳng có một nhân vật nào khác, công an, cảnh sát, tòa án ngay đến trạng sư cũng không vén màn bí mật nồi. Ngô Quang Huy gốc người Mỏ-cày, con nhà nghèo, nhờ học giỏi được hội đồng Hoài cấp tiền sang Pháp học luật, đến năm thứ ba. Văn của Huy viết rất duyên dáng và gọn ghẽ, và Huy có tuồng chữ hao hao giống Tạ Thu Thâu. Và trò cười là do tuồng chữ ấy.

Đừng tưởng hễ báo bí mật là in lối quây ronéo lem luốt. Báo Tiền quân in khổ 65 × 80 như các báo khác, giấy khá láng trắng trẻo, sắp đặt thành cột thành bài coi sáng sủa. Khác có điều là viết tay. Người viết chính là Phan văn Hùm. Viết xong thì giao cho nhà in, một nhà in đồng lõa, chụp làm bản kẽm rồi in đẹp lộng lẫy. Lúc ấy, chưa biết lối in offset. Nhưng in lối nầy cũng đẹp

không thua. Nếu tờ báo nầy được cái gì xứng đáng với tên nó, chính là lối in « tiền quân » này.

Nhưng mà báo đương in chưa kịp phát hành, là chúng tôi tổ chức những cuộc biểu tình tại Paris. Bộ biên tập bị bắt lại trận, hoặc bị bắt nguội, bị trục xuất về Việt-nam. Nhưng đây là chuyện khác, không can đến nghề báo. Xin miễn thuật. Riêng có chủ nhiệm và chủ bút thì thoát khỏi. Nhờ bè bạn tổ chức vượt biên giới sang Bỉ Lợi Thì. Đi trọn một đêm, hừng sáng đến Bruxelles, hai anh em vào quán kêu gọi ăn sáng. Và lấy bút giấy viết thơ cho khắp bè bạn hay rằng hai chúng tôi lánh mình sang ngoại quốc để «duy trì tờ báo Tiền Quân». Và chủ nhiệm và chủ bút đồng ký tên. Nghe nó oai làm sao ! Nhưng Tiền quân chỉ biết số nầy là số đầu. Và cũng là số chót. Nó đi theo nhóm chánh trị Les Émigrés vietnamiens en France, bấy giờ chỉ đếm còn có hai người. Còn mấy người kia bị tống xuống tàu mà về Sàigòn, đưa ra Hà-nội đâu vài người. Họ mất tính chất kiều cư.

Nhờ làm báo bí mật nầy, mà tôi được hân hạnh ở nhà của một hoàng tộc Nga được hai ngày. Sau hồi cách mạng Nga 1917, một số trong hoàng tộc lánh nạn sang Âu-châu. Người tổ chức đưa hai anh em sang Bruxelles sợ e ở phòng ngủ phải khai tên nên gởi Hùm và tôi tạm ở ơ' nhà của một tư nhơn sang trọng : Anh đồng chí người Bỉ nghe hai tiếng « sang trọng », nên đưa chúng tôi đến biệt thự của một công tước Nga, bị cách mạng truất hết sự nghiệp, sang Âu - châu sống bằng nghề dịch tiểu thuyết từ tiếng Nga sang tiếng Pháp. Ngạc nhiên, tôi dò phăng duyên cớ nào mà lọt vào nhà

nầy. Té ra, hôm qua, trước khi lên xe, người ta dắt chúng tôi đến nhà của M. Parijanine, mà tìm một địa chỉ. Lúc ấy Parijanine đương dịch một bài của Trotsky, và trí đường tìm một chữ nào thật hợp để ghép vào tiếng arène. Hai ba người Pháp đương moi óc tìm giúp, thì tội chọt miệng góp chữ descendre. Parijanine thích quá, khi nghe tôi đương cần một chỗ ở cho tốt, nên giới thiệu một công tước Nga trắng, và dặn « nhà ấy ghét tụi Bôn-sê-vích lắm, anh đến đó mà anh ăn thịt Bôn-sê-vích, thì anh sẽ được trọng đãi ». Nhờ cái thơ gởi gấm của Maurice Parijanine, và nhờ tôi chống Cộng bằng mồm khá hay, nên tôi được trọng đãi hai ngày. Hùm và tôi chẳng tốn một đồng trinh về ăn ở. Để thì giờ tìm thuê một cái buồng trong một gia đình, để khỏi khai tên cho cảnh sát.

Chúng tôi thuê một căn buồng nhỏ. Sáng ra đi, đánh một vòng cuốc bộ khắp nơi, để cho biết thành phố. Và khi đi, Hùm dạy tôi Việt văn. Không phải là ông chủ nhiệm báo Tiền Quân viết quốc ngữ không được. Bấy giờ tôi mới hay. tại tôi đọc Nam Phong hồi lúc nhỏ, mà không hiểu chi cả, cái « văn phong » của Phạm Quỳnh nó nhiễm quá nặng, hễ hở một tí, thì chen danh từ Hán Việt vào. Rồi Hùm bắt tôi nói một câu, xong Hùm moi những thành ngữ Hán Việt ra mà bỏ hết, bắt tôi thay bằng tiếng nôm. Thật ra, câu «học sư bất như học hữu» bấy giờ tôi mới thấy giá trị bực nào! Tôi chưa bao giờ gặp được một giáo sư, dạy không tiền, mà dạy kỹ như vậy.

Chẳng những Hùm dạy kỹ, mà còn thuật lắm câu kỳ thú, để cho bài học đừng khô khan. Câu chuyện mà

tôi nhớ mãi, là câu chuyện « tự động xa », Hùm đã đăng trong báo Le Jalon, nay nhắc lại để cho tôi biết Hùm đã chế Phạm Quỳnh một cách cay nghiệt bực nào. Sau đây là câu chuyện bịa :

Một hôm, học giả Phạm Quỳnh từ tòa soạn bước ra, nhảy lên xe tay, bảo thằng phu chạy thẳng về nhà. Quỳnh giở tờ Nam Phong mà duyệt lại bài mình vừa đăng, để xem có gì nên sửa đổi thêm chăng. Đến một ngả tư, thình lình có một chiếc xe hơi trờ tới, chạy có hơi quá mau. Quỳnh sợ tai nạn, gọi to cho thằng phu để ý mà hãm xe lại : « Tự động xa ! Tự động xa ! » Phu xe tưởng đâu Quỳnh hối mình chạy mau hơn nữa, cắm đầu nhảy mạnh, chẳng may chạm phải chiếc xe hơi. Tuy tai nạn không đến đỗi nặng, song cũng trầy trụa chút đỉnh. Khi phu xe đỡ Quỳnh dậy, thì hắn ta nói với Quỳnh với một câu rất triết lý : « Phải chi quan lớn nói cho con nghe nó là ô tô, thì con đã hiểu ngay. Có đâu nên nỗi như thế ? »

Ngoài việc dạy tôi viết tiếng Việt, Hùm còn dạy tôi làm thơ Đường. Trong túi áo của Hùm, có sẵn luôn một quyển *Đường thi tam bách thủ*. Hùm ngâm từ bài, rồi đọc trong Kiều câu nào mà Nguyễn Du mượn tứ để làm văn. Và Hùm ngâm nga như vậy, cho tai tôi quen âm điệu bình trắc, mà chẳng cần học bản bài bình bình trắc trắc... Có một hôm, khá trưa, đói bụng, mà vì tiết kiệm, Hùm chưa chịu dắt vào quán, Hùm dạy tôi bằng cách Hùm xướng một một câu, thì tôi phải đọc câu kế đó, xướng câu thứ nhứt :

Túng nước sang qua Bỉ Lợi Thì.

Tôi bèn đọc ngay câu nói cái cảnh hôm qua :

Hai đứa chia nhau một bánh mì

Hùm phản đối :

— Âm điệu là âm điệu của câu thứ tám.

— Tôi cũng biết vậy. Nhưng đói quá rồi. Làm cho đủ mấy câu giữa, thì rã ruột.

Một tuần sau, hai tôi được gọi đến gặp A. Rosmer, từ Paris sang. Rosmer là một danh nhơn trong phong trào thợ thuyền Pháp Trước giặc 1914-1918, ông là một lãnh tụ nghiệp đoàn. Khi chiến tranh nổ bùng, tất cả các lãnh tụ chánh trị thiên tả, đều từ chối lý tưởng quốc tế của mình, mà quay về ủng hộ chánh phủ. Ở Pháp, chỉ có hai cán bộ nghiệp đoàn, là Monatte và Rosmer chống đối lại cái trào lưu ấy. Năm 1916, tất cả những chiến sĩ xã hội còn trung thành với quốc tế chủ nghĩa tổ chức một cuộc gặp gỡ nhau tại một làng hẻo lánh ở Thụy-sĩ là Zimmerwald, thì người Pháp đến đó chỉ có Rosmer và Monatte. Sau Lénine và Trotsky lấy được chính quyền ở Moscou và thành lập Đệ tam quốc tế, thì hai nhà lãnh tụ cộng sản này quí Rosmer lắm, nhứt định mời cho được Rosmer vào Quốc tế nầy. Nhưng khi Lénine qua đời, giữa Staline và Trotsky tương tranh, Rosmer đứng theo phe của Trotsky, và được các người đối lập lại cộng sản ở Tây phương cử lên làm lãnh đạo và ở Pháp, Rosmer đứng làm chủ nhiệm của cơ quan nhóm nầy là báo La Vérité.

Đọc lịch sử của Âu-châu, tôi đã biết danh của Rosmer lừng lẫy Đến chừng tôi gặp ông già «bạn thân của Lénine» nầy, tôi lấy làm thất vọng. Ông nhu mì như một cô gái, mà con gái phương Đông nữa mới lạ. Trong hội nghị cả hai giờ, ông nói chừng hai câu, mà giọng nhỏ

nhẹ, lời hiền lành, không có chút ý nào nẩy lửa. Bởi vì chỉ có hai câu, nên bây giờ tôi nhớ đủ. Câu thứ nhứt, anh nói với tôi :

— Anh chỉ vào nhóm «người Việt kiều cư tại Pháp» nay không phương tiện trình bày lập trường của mấy anh. Tôi mời các anh nói tiếng nói của các anh trong cơ quan của chúng tôi. Ý kiến trình bày rất tự do, không bắt buộc cùng lập trường với chúng tôi.

Và câu thứ hai :

— Các anh nên chọn một bút hiệu chung.

Bút hiệu mà chúng tôi chọn là Giải Phóng. Và khi chia công việc, Hùm giao cho tôi công việc viết vào báo La Vérité, cơ quan của nhóm Trotsky ở Tây phương, mặc dầu tôi chưa được tổ chức vào đoàn thể. Và viết vào báo nầy với tư cách là chủ nhiệm của báo Tiền Quân.

Tôi ở Bruxelles hơn một tháng. Giao thiệp rất nhiều trong giới «chọc trời khuấy nước». Họ nói mỗi người hàng chục thứ tiếng, mà tiếng nào cũng như là tiếng mẹ đẻ của họ. Nên tôi chẳng biết quốc tịch họ là gì. Trước đây, họ ở Paris hay Berlin, rồi bị cảnh sát lùa, chạy tạm ẩn ở Bruxelles. Và họ vượt biên giới như mình đi Thủ-đức ăn nem vậy. Không làm sao biết được tên thiệt của họ và cũng không rõ họ hành tung ra thế nào. Nhưng trong câu chuyện, chỉ biết họ là hạng người lỗi lạc, ở vào cấp lãnh đạo thôi. Khi nào cần gặp nhau, thì hẹn vào cụm rừng, mỗi người do một ngả mà đến. Khi chung đủ mặt thấy họ cư xử với nhau mới biết cấp bực tương đối ra sao.

Người lãnh đạo tất cả được chúng tôi gọi là Oben, tuổi độ ba mươi, có cô vợ nhan sắc tuyệt vời, tên Olga.

Hai vợ chồng nói đủ các thứ tiếng của Tây phương và yêu nhau như cặp cu đất. Sau nầy, nghe ra tôi mới biết Oben là một ủy viên cao cấp của Quốc tế cộng sản, đặc trách về Tây phương bộ, chỉ huy cả Âu-châu. Và chức tước, thì Oben theo Staline, nhưng bên trong lại phò Trotsky.

Theo bề ngoài nhận xét, thì Oben được Đệ tam quốc tế đặc trách chỉ huy cuộc hoạt động của đảng cộng sản Đức, lúc ấy là đảng mạnh nhứt, với hơn triệu đảng viên và năm triệu cử tri. Lúc ấy tôi chưa theo Trotsky, mà cũng không theo Staline. Cũng chưa hẳn theo chủ nghĩa Marx. Mà phái Trotsky cũng chưa tách ra khỏi Đệ tam quốc tế. Ngày nào tôi cũng gặp Oben lúc ăn cơm trưa, xong dắt nhau vào vườn hoa ngắm cảnh mà tán chuyện, hoặc có rảnh, thì rủ nhau đi vào rừng. Sau nhiều lần như vậy, Oben nhận tôi có thiên tư chánh trị, nên khuyên tôi :

— Ở Moscou, tôi gặp rất nhiều người an-nam như anh, mà chưa thấy ai lỗi lạc bằng anh. Anh đi Moscou, vào đại học cho các dân tộc Đông phương, anh sẽ là thủ khoa Được đưa về xứ, anh sẽ làm lãnh tụ của đảng. Tôi có thể giúp anh đi tất mà đến việc nắm quyền chỉ đạo phong trào cách mạng ở xứ anh.

Thú thật, lúc ấy lòng tôi lưỡng lự lắm. Tôi đã đọc nhiều sách về cộng sản. Tôi biết rất nhiều về cái bá đạo của Staline. Tôi cũng muốn nghe theo Oben tạm đầu Staline, nghĩ rằng đối với việc nội bộ của xứ Nga, mình chẳng cần xen vào, che mắt, bịt tai trong giai đoạn tùng học ở Moscou, xong về xứ, nắm quyền chỉ đạo đảng cộng sản Đông-dương, thì có cái thế to lắm. Nhưng mà tôi

hoài nghi, liệu vào cái guồng máy, mình sẽ bị guồng máy nghiến nát, hay mình có thể sửa đổi nổi cái guồng máy ấy? Trong khi lưỡng lự, từ Paris, nhóm Trotsky gởi sang qua một phái đoàn gồm có R. Mollinier và G.Rosenthal mà gặp Hùm và tôi. Sau khi làm sôi nổi phong trào xã hội ở Pháp một thời, Mollinier thôi hoạt động, bỏ xứ, sang Nam Mỹ và lập gánh hát. Còn Rosenthal bây giờ trở nên một luật sư lừng danh ở nước Pháp. Tôi đem vấn đề đi Moscou mà nói với hai người nầy. Họ bàn với nhau, coi bộ cũng đoán ý họ nói gì. Ngày hôm ấy, họ dắt tôi vượt biên giới mà về Pháp.

Trên đường về, ghé một làng nhỏ ở miền Bắc nước Pháp, họ ghé một quán nhỏ mà gặp một người thứ ba, tuy không giới thiệu cho tôi biết là ai, song sau nầy, nhìn ảnh đăng trong các báo, tôi nhớ lại là Maurice Thorez, vài năm sau, trở nên lãnh tụ của đảng cộng sản Pháp. Lúc ấy, Thorez cũng như Oben, nửa thì có cảm tình với Trotsky, nửa thì còn ở trong guồng máy của Đệ Tam Quốc Tế và nắm vai trò quan trọng, công khai thì tranh đấu cho Staline, bí mật lại hợp tác với Trotsky. Tôi cũng xuýt làm như Oben và Thorez. Nhưng chỉ một sợi tóc, tôi lách mình ra, ngoài cái quĩ đạo ấy.

Về đến Paris, bước xuống xe lửa, thì hừng sáng. Trai gái ở thành nầy còn ôm nhau mà nhảy tưng bừng đầy đường, để kỷ niệm cuộc đánh lấy ngục Bastille năm 1789.



CHƯƠNG HAI

Năm tháng ở Paris

Gẫm thành phố Paris có lắm duyên nợ với nghề làm báo của tôi.

Cuối tháng tư, đầu tháng năm, tôi từ tỉnh lên đó, ở vừa đúng một tháng là nhảy vào làng báo với tờ Tiền Quân một số. Giữa tháng bảy tôi về đó, sống đến giữa tháng chạp thôi, mà cũng hoạt động lung tung trong cái nghiệp nầy.

Trước đó, tôi đã gởi được vài bài ký tên Giải Phóng mà đăng vào tuần báo La Vérité. Từ ấy cho đến ngày đi về, tuần nào cũng có bài ký tên Giải Phóng đăng trên cơ quan của nhóm Trotsky ấy. Nhờ tới lui với báo nầy, mà tôi quen với một số nhơn vật lỗi lạc của phong trào.

Chủ bút của tuần báo La Vérité lúc ấy là P. Naville đồng thời cũng là chủ nhiệm tờ tạp chí lý luận La Lutte des classes. Naville là con nhà giàu, nhưng sớm theo cộng sản, và lọt vào cơ quan chỉ đạo của Thanh niên cộng sản lãnh đạo vùng Paris. Với tư cách nầy, trong chi bộ của anh ta, anh ta kẻ chuyện đã chỉ huy Châu Ân Lai, hoạt động trong khu vực Billancourt. Năm 1928, trưởng phái đoàn Thanh niên cộng sản Pháp, sang Moscou dự hội nghị, thì xảy ra cuộc tranh chấp giữa Staline và Trotsky. Anh ta cùng G. Rosenthal in lén truyền đơn mà rải ở Moscou chống lại Staline. May là người Pháp nên chỉ bị trục xuất khỏi nước Nga và khỏi

bị đày qua Sibérie. Nhưng về Paris, hai người bị khai trừ khỏi đảng. Ngoài những tên kể trên, tôi còn gặp trong nhóm, Meichler, sau bị Đức bắn, kỹ sư Mollinier, anh của Raymond, cũng bị Đức quốc xã bắn.

Và người luôn luôn theo gò gẫm người Việt là P. Frank, hiện nay là lãnh tụ của Đệ tứ quốc tế. Tuần nào anh cũng nhờ tôi tổ chức những cuộc đi chơi trong rừng chung quanh Paris, để cho anh tuyên truyền.

Ngoài việc mỗi tuần viết một bài cho báo La Vérité, tôi không có trực tiếp viết cho báo nào khác. Nhưng gián tiếp, thì lại đã bày lắm trò.

Cần giải thích vì sao lại có chuyện hoạt động gián tiếp nọ. Trước đó tôi làm chủ nhiệm báo Tiền Quân. Báo bí mật, không nêu tên ai lên, nhưng trong giới Việt kiều lắm người biết. Tờ báo nầy bị dán nhãn là thân Trotsky, nên phái cộng sản ruồng bố dữ dội. Ví như kỹ sư Bùi Văn Thủ, sau nầy về chỉ huy cuộc bạo động ở Hốc-môn, Bà-điểm, lúc nọ từ Toulouse lên, là tìm tôi rủ ren vào đảng cộng sản và dụ tôi sang Moscou, nhưng khi rõ lại, thì dan ra xa liền, như tránh bịnh truyền nhiễm. Tôi ló đến đâu, thì bè lũ cán bộ của cộng sản tuyên truyền cho chẳng ai dám hiệp tác gì với tôi cả. Vì lẽ đó, tôi chẳng làm sao hoạt động trực tiếp với ai được.

Tuổi hai mươi là tuổi ham hoạt động. Lại dường như tôi có cái xương Châu Du nơi ót, nên nằm cấn cái xương nầy, thì giận lắm. Hoạt động trực tiếp không được thì hoạt động gián tiếp vậy. Tôi bèn nhắn một số sinh viên ở tỉnh mà có cảm tình đặc biệt và rất trung kiên lên Paris. Như anh Nguyễn Văn Nhi, anh Đặng Văn Rớt. Còn ở Paris, thì tôi rèn cho anh Nguyễn Văn Lịnh, anh

Trần Văn Sĩ. Chuẩn bị cho ai cũng có lập trường vững chắc, biết bàn cãi ngon lành, thì lần lượt, tôi gài cho cộng sản đến dụ các anh đề tổ chức vào đảng. Lúc ấy chi bộ cộng sản của người Việt lèo tèo còn vài người, nên rất cần có đảng viên mới. Mấy anh nầy hoạt động coi xôm lắm, nên họ vui mừng vô cùng. Chi bộ được đích thân A. Marty là vị «anh hùng của Hắc-hải» đến tổ chức và mỗi tuần đến hội.

Nguyễn Văn Nhi được Marty thương đặc biệt. Nhưng mật thám cũng biết rõ vì trong nội bộ có dòi. Con dòi nầy tên là Trần Quốc Mại, Mại là người Nam-định, đương làm công chức, dường như trong sở mật thám gì đó. Năm 1927, nhơn Nguyễn An Ninh sang Pháp, trong Sàigòn mua vé đi chiếc tàu nào, thì từ Hải-phòng vào, trên chiếc tàu đó đã có Trần Quốc Mại đi, với tư cách là sinh viên, vì Mại đã có tú tài Mặc dầu Mại trổ tài «ái quốc» Ninh không tin, nên trong chuyến đi, Mại không báo cáo gì được. Sang Pháp, lúc ấy ở Montpellier, Nguyễn Tường Tam cùng một số sinh viên hoạt động, Mại đến đó. Năm sau, ở Marseille, chúng tôi làm có hơi hăng, thì Mại dồi sang học ở Marseille. Năm 1930, ở Paris lại hăng hơn nữa, Mại lại trồi lên Paris.

Trước khi cuộc biểu tình trước điện Élysée xảy ra, Tạ Thu Thâu có đánh điện mời các hội sanh viên ở tỉnh gởi đại diện lên Paris, mà chẳng nói rõ mục đích. Trần Quốc Mại xung phong lên Paris. Từ ngày ấy, Mại ở lại mà thi hành nhiệm vụ mật thám cho thực dân, không có người Việt nào khác hơn tôi rõ. Nhơn. tơ hội đảng cộng sản tổ chức lại chi bộ Việt-nam ở Paris, Trần Quốc Mại chen vào được. Tôi không có dự.

Nhưng công việc trong chi bộ, những cán bộ nằm đoàn của tôi thảy đều báo cáo cho tôi biết: Nhờ đó mà tôi theo dõi được hành tung của Trần Quốc Mại.

Rút kinh nghiệm của báo Tiền Quân, tôi vạch cho Nguyễn Văn Nhì và Nguyễn Văn Lịnh một chương trình ra một tờ báo tuyên truyền cho đảng. Trước đó, Dương Bạch Mai có cho ra một tờ báo ronéo lèo tèo, viết không hay, in lem luốt và không rõ. Dương Bạch Mai đi Moscou rồi, thì tờ báo ấy, tên Lao Nông, cũng ngủm theo. Khi Nguyễn Văn Nhì đưa tờ Tiền Quân cho Marty xem, in to rộng, bài vở trình bày hấp dẫn, ấn loát đẹp đẽ, Nhì nói khích :

— Bọn Trốt Kýt lèo tèo vài đứa, mà còn làm được như vậy. Mình là một đảng lớn, cho ra báo ronéo, mấy uy tín đối với quần chúng.

— Tốn phí nhiều, sợ e không sống dài.

— Mình in mà cho không, thì không sống dài. Nhưng mình làm có qui mô, rồi quyên tiền để tiếp tục, thì thiên hạ hưởng ứng. Tôi nghe Hồ Hữu Tường đương chuẩn bị ra Tiền Quân lại. Mình không tính, nó ra trước, cướp hết độc giả.

Quả nhiên lời nói khích đã có kết quả. Ủy ban trung ương đảng chấp thuận kế hoạch. Nhưng Trần Quốc Mại tính giành vai trò chủ động trong tờ báo, để dễ biết hết bí mật. Nhì và Lịnh hỏi tôi đối phó làm sao. Tôi bày ra cái mưu « điệu hổ ly sơn ».

Trong phiên hợp sau, Nhì đưa ra cái ý kiến bổ túc là tờ báo sẽ là cơ quan tuyên truyền, in từ bên Pháp gởi về nhà, nhờ các thủy thủ Pháp. Nhưng mà về đến nhà, thì cần có cán bộ đem đi phát hành, tổ

chức, vân vân. Nhưng vào cuối tháng mười, nhiều cơ quan đã tiết lộ, e rằng cán bộ sẽ thưa thớt, không đủ dùng, thì nên tuyền mộ một người sang Moscou, chịu huấn luyện sáu tháng, để về xứ làm việc.

Trần Quốc Mại trúng kế, bởi thấy sang Moscou ngon hơn là ở Paris, nên tình nguyện xin đi đợt đầu. Nhưng mà khi Mại sang đến Paris rồi, thì từ Paris, mới có tin đồn đãi rằng Trần Quốc Mại là mật thám của thực dân. Moscou chưa vội tin. Về sau, lắm vụ bí mật tại Moscou bị tiết lộ, trong giới Việt-nam sang đó, phải có một người cho tin cho Pháp, xuyên qua tòa đại sứ Pháp. Không biết là ai. Mãi khi hơi nghi ngờ, Moscou mới cho Mại về «công tác» tại xứ...

Bẫy được tên thám tử Trần Quốc Mại đi rồi, mấy anh cán bộ nằm vùng do tôi gài vào tha hồ hoạt động. Tờ báo lấy tên là Vô Sản. Bộ biên tập gồm một số người Việt viết và một số người Pháp viết bằng tiếng Pháp, rồi dịch ra. Lo việc ấn loát là Bùi Đồng. Cũng nên nhắc lại sơ sơ về anh này cho những nhà viết sử về phong trào cộng sản. Trước khi sang Pháp, Bùi Đồng là đảng viên của Việt-nam Quốc Dân đảng, chi bộ Hà-nội. Nhưng sang Pháp rồi, thì anh vào đảng cộng sản, và theo Staline rất trung kiên. Bởi cái trung kiên ấy, mà anh được giữ những trọng trách vô cùng quan trọng. Là đưa người sang Moscou để chịu huấn luyện. Có thể nói rằng những ai đi Moscou do ngả Paris, đều do Bùi Đồng đưa đi. Con đường đi Moscou, từ Paris đến biên giới, anh thuộc như đi lấy métro vậy, mặc dầu anh chưa bước chơn đến.

Khi có người được đảng cộng sản gởi đi, thì giao Đồng. Đồng dắt sang Berlin, với giấy tờ cũ đã có.

Nhưng sang Berlin, Đồng nhờ một cơ quan chuyên môn làm thông hành giả, thay tên đổi họ, cấp cho một cái thông hành Trung-hoa. Từ Berlin, Đồng dắt anh chệt mới đi ngang Ba-lan, đến biên giới, có mấy cái trạm liên lạc, thì anh chệt này có người đưa nhập cảnh Nga-sô. Đồng cũng có cái chức vụ thứ hai là hễ bên Moscou huấn luyện xong ai rồi, thì tổ chức đưa về xứ hoạt động. Chính là Đồng đến các trạm liên lạc nọ, đón rước, dắt đi quanh co, rồi dẫn về Pháp.

Chuyện đưa đón ấy, năm ba tháng Đồng mới làm một phen, trong vài ba hôm thì xong việc. Còn «nghề của chàng» là in những tài liệu bí mật của chi bộ Việt-nam của đảng cộng sản. Anh khéo tay khéo chơn, làm việc kỹ lưỡng, tánh nết kín đáo, ít hay cãi, chẳng ai nghi có lãnh trách nhiệm gì, nên được giao phó công việc ấy. Còn tôi suy luận ngược lại, thấy tánh nết anh như vậy, tôi lại nghi quả quyết anh có vai trò gì, nên làm quen và theo dõi. Thấy bị theo dõi, anh không tìm cách tránh né, vì sợ tôi sanh nghi thêm, Đồng giả vờ mời tôi đến nhà ăn cơm.

Nhà Đồng là một cái buồng khá lớn, trong có bếp và phòng vệ sinh, buồng tắm. Một anh sinh viên không sao có đủ tiền, một anh lao động lương nhỏ không đủ cao để thuê một cái buồng sang trọng như vậy. Mà không thấy Đồng có công ăn việc làm rõ rệt gì. Nên lòng tôi cả quyết, nên bám sát. Quả nhiên, một hôm thình lình, tôi đến, thì gặp Bùi Công Trừng. Trừng không biết tôi là ai. Nhưng tôi lại biết hắn ta, mặc dầu chưa gặp.

Bùi Công Trừng gốc miền Trung, năm 1926, đã vào Nam hoạt động và đã cùng Tạ Thu Thâu, Nguyễn Khánh

Toàn, Trần Ngọc Danh, Hà Huy Giáp... tổ chức một đảng cách mạng lấy tên là Jeune Annam. Về mặt công khai, đảng nầy có đưa Nguyễn Khánh Toàn ra tổ chức tờ báo Nhà Quê, có tổ chức cuộc đón rước Bùi Quang Chiêu về xứ, không phải theo đường lối của đảng Lập hiến, mà chỉ mượn cơ hội đề đánh lộn với đảng thực dân, có tổ chức đám tang cụ Phan Châu Trinh, và năm 1927, có tổ chức lễ truy điệu cụ nghè Lương Văn Can. Sau vụ nầy, đảng viên phân tán. Tôi nhờ một cái ảnh trong tập ảnh của Tạ Thu Thâu, mà biết mặt Bùi Công Trừng. Trừng từ đó, trốn đi lậu sang Pháp, từ Pháp, được gởi sang Moscou, được huấn luyện ba năm, nay được Quốc tế sộng sản cho về xứ hoạt động. Vốn biết Trừng là một cây viết, tôi đã nghi rằng hắn-ta sẽ được đặc trách về tuyên truyền. Kể ra, hơn tháng ở Bruxelles, gần gũi với tay tổ cộng sản là Oben, công việc nội bộ của một cơ quan lãnh đạo cộng sản, Oben đã chỉ vẽ cho tôi rành mạch cả. Nên Trừng chẳng giấu gì được cả. Nói toạc móng heo gần hết trong một bữa cơm Việt, mà ba người, kẻ gọt khoai, người lặt rau, người đứng bếp bày biện.

Gặp Trừng xong, có hai thành quả rõ rệt. Trước đó, tôi vẫn phân vân, không biết có nên sang Moscou đề chịu huấn luyện cùng chăng? Nhưng nay gặp Bùi Công Trừng, kể là hạng nhứt nhì gì đó xuất thân từ cơ quan huấn luyện ở Moscou sau ba năm khổ luyện, tôi so sánh với những điều mà Oben đã bày vẽ tắt cho tôi ở Bruxelles, tôi thấy không cần sang Moscou đề thụ huấn làm gì. Mất ba năm học tập vô ích. Mà cái nguy là sẽ bị Trần Quốc Mại biết rõ hành tung mà báo cáo cho mật thám

thực dân thì mệt. Thành quả thứ nhứt là việc quyết định về xứ hoạt động ngay, mà hoạt động ngoài tổ chức của đảng cộng sản. Bởi nghĩ rằng mật thám đã chen vào cơ quan đầu não ở Moscou rồi, thì vào đảng cộng sản, sẽ không khác nào chuột chun vào rập. Còn việc thứ hai, là trực giác tôi cho biết rằng tiếng nói của Bùi Công Trừng là tiếng nói quyết định hình thức tờ báo, nên tôi rán thuyết phục cho Trừng và Đồng chấp nhận một cuộc canh tân kỹ thuật trong việc ấn loát và trình bày.

Sở dĩ tôi nhắc nhiều chi tiết của việc nầy, ấy là để chứng tỏ rằng tôi mến nghề làm báo lắm. Tôi yêu nghề cho đến đỗi, có cái gì hay, tôi không dành để riêng cho tôi khai thác, mà tôi lại muốn cúng dường cho nghề, mặc dầu cái nghề nầy đang được người khác hành xử. Và đối với ai đang muốn hoạt động chánh trị, đây có một kinh nghiệm về một thủ xảo, mà tôi đặt tên là «bó cà rốt và cây gậy».

Khi tôi mới đến xứ Pháp, vào trung học, thì tôi đến học nơi trường Frédéric Mistral -là một văn hào dùng thổ ngữ provencal mà đoạt được giải Nobel, ví như có thi sĩ xứ mình dùng tiếng Kohor mà được giải Nobel vậy. Mà xứ ấy cũng là xứ dùng rất nhiều lừa và la. Loại nầy, hễ chứng thì khó trị lắm. Dân địa phương phải lấy gậy mà đập tơi bời, hay lấy cà rốt là món nó ưa để dụ nó bớt chứng. Công thức của dân bản xứ là «hoặc cây gậy, hoặc củ cà rốt». Mà lừa la chứng vẫn còn chứng. Thấy lạ, tôi bèn thí nghiệm một công thức khác mà tôi gọi là «bó cà rốt và cây gậy». Cây gậy không phải để đập lừa, mà để cột bó cà rốt nơi đầu, treo lủng lẳng ở trước mũi lừa. Và con lừa đuổi theo bó cà rốt, quên tật hay chứng và đi theo bó cà rốt.

Trong buổi nói chuyện, tôi khoe láo rằng tôi sẽ cho ra Tiền Quân trở lại, với những «canh tân kỹ thuật» kỳ ảo. Thay vì chép tay, bài vở sẽ đánh máy theo một cỡ nhứt định, như là thợ nhà in sắp theo cỡ. Bài sẽ làm «mi» đánh máy xong cắt dán theo cột, chữ tít, thì cắt ở các tạp chí đẹp, dán ráp vào, lại điểm xuyết bằng những hình chụp, hình vẽ. Xong rồi đưa nguyên trang mà cho chụp hình làm bản kẽm nguyên trang và cho máy chạy.

Việc nói láo của tôi (nói láo bởi vì làm sao có đủ vốn mà ra một tờ báo như vậy ?) có công hiệu là khích cho phía cộng sản tranh đua. Và chẳng bao lâu, tờ Vô Sản xuất hiện trong hình thức đã mô tả trong bữa cơm

Năm tháng ở Paris, sự nghiệp báo chí trực tiếp của tôi chẳng có gì. Nhưng gián tiếp giúp cho kỹ thuật báo bí mật tiến những bước khá dài, mượn bàn tay và phương tiện của kẻ khác mà góp phần nâng cao nghề.

CHƯƠNG BA

Báo xương xoa

Chắc chắn là tôi nhượng bước đối với rất nhiều người trong làng báo trong nước, càng đứng sau xa hơn nữa trên làng báo quốc tế. Nhưng có điều tôi rất hãnh diện, là báo bí mật, tôi cũng tham gia rất nhiều, mà báo công khai, tôi lăn lộn trong nghề cũng lắm. Làm báo bí mật, chắc chắn cũng có người đã làm báo bí mật. Nhưng trong đủ hình thức, tôi hãnh diện là tôi dùng có lẽ quá nhiều.

Từ khi chưa chánh thức bước chơn vô làng, tôi đã tập tành làm báo viết tay. Rồi ở Paris không đầy năm, trực tiếp với tờ Tiền Quân, tôi đã làm báo viết tay rồi đem chụp hình, làm cliché rồi in nguyên tờ. Gián tiếp tôi góp phần cho tờ báo cộng sản, một tờ báo chữ đánh máy, làm mi đẹp đẽ, rồi làm cliché, in như báo công khai. Trong lúc đó, anh em trong nhóm cho ra một tập san mỏng bằng lối ronéo. Các anh Thâu, Phương, Chánh bị bắt, bị trục xuất về xứ, để lại một bàn máy đánh chữ Việt và một cái máy ronéo cũ kỹ, tha hồ làm cho sướng.

Làm thì sướng tay, mà độc giả chẳng là bao. Công phu gò gẫm thì nhiêu, nặn óc viết bài cho hay, thức cả đêm in ra, đem phát cho ít chục người đọc, thì thật là chan. Nếu kể chung cả hoạt động gọi là cách mạng, thì càng chán hơn. Nên tôi quyết định về xứ.

Đi chiếc tàu Porthos mà về, tôi được cái vinh hạnh là có hai vệ sĩ đi cùng, nhưng do bộ thuộc địa đài thọ. Đây là một sự ngẫu nhiên. Bởi vì họ không có đặc

trách theo dõi tôi. Mà bởi vì do Trần Quốc Mại tiết lộ, mà thực dân Pháp biết rằng hễ có người cách mạng nào về xứ, thì không đi theo con đường Tàu, mà lại quay về Pháp, như trường hợp của Bùi Công Trừng, rồi mượn tàu về Sàigòn. Cách họ đi là đi heo, tức là đi lậu không mua vé, nhờ có cán bộ dắt xuống và nuôi nấng trong hầm. Nhưng ở cả tháng trong hầm, nghẹt quá, tối lén lén chun ra thở không khí vài giờ. Nên bộ thuộc địa tổ chức mỗi chuyến tàu đi một hai người tình nguyện, theo rình, hễ báo cáo được có công, thì sẽ được thưởng. Sở dĩ có người tình nguyện như vậy, là vì lúc ấy khởi sự có kinh tế khủng hoảng. Số đông sanh viênm in không được cha mẹ gởi tiền qua ăn học. Mà ở lại Pháp, thì nạn thất nghiệp trầm trọng, không tìm ra chỗ làm. Họ xin về xứ. Những người không đóng tiền hồi hương đành nhận công tác thám tử, để được về xứ, hơn là chết đói ở quê người. Mà hễ báo cáo bắt được một người cách mạng đi heo thì về nhà còn được một chỗ làm ngay nữa...

Chuyến tàu ấy có một anh ở vào trường hợp đó. Tự nhiên ảnh khoe với tôi. Vì quen lớn nhiều, trước kia tôi đã dạy anh học toán, nên mong mỏi nhờ tôi cho ảnh hay ngay có ai lạ mặt ở trên tàu, ngoài những hành khách và bồi tàu. Sau khi cắt nghĩa tôi hiểu, ảnh còn tuyên truyền «chống cộng» một hơi để xây một nền tảng luân lý cho hành vi của mình.

Con người tôi giống như một nhân vật của tiểu thuyết gia Stevenson, mà có lẽ còn phiền toái hơn nữa. Stevenson phân thân được bác sĩ Jekyll và ông Hyde.

Còn ai muốn hiểu tôi, ắt phải chia ra làm năm làm bảy nhân vật, mỗi nhân vật có một đời sống dồi dào của mình. Nào là nhà cách mạng, nào là nhà nghệ sĩ, nào là nhà khoa học, nào là nhà văn, nào là một kẻ đam mê tình ái, nào là một tâm hồn tu sĩ, và nào là một nhà báo. Lắm lúc, hoạt động của nhân vật nầy làm bận rộn đời sống của những nhân vật kia. Tập nầy chỉ nói về hồi ký về đời làm báo của tôi. Nhưng tránh không khỏi đôi khi, cố tình mà không nói đến hoạt động khác, cũng không giấu hết được. Điều mà tôi yêu cầu độc giả, là xin đừng thắc mắc hỏi tôi về những nhân vật khác hơn là nhà báo... Có may mà hé thấy một đôi cạnh khía khác, là do sự tình cờ mà biết thôi.

Tôi bước chơn lên bờ, không bao lâu là ăn Tết. Tết năm ấy, do một đám tang của người chị bà con, mà ông chồng đã giúp tôi tiền để sang Pháp, tôi đi qua Trà-bang mà dự tang lễ. Trong dịp nầy, tôi móc nối làm quen với Đào Hưng Long, sau nầy sẽ dính với tôi rất nhiều trong công việc làm báo. Đào Hưng Long là em vợ của người anh họ. Học ở trường làng, Long có một tuồng chữ viết đẹp đẽ và sắc sảo. Nên sớm đi làm biện làng ở Phước-long (Rạch-giá). Quận nầy, vào những năm 1925 về sau sôi nổi vì phong trào chính trị. Anh biện làng kể như một nhà trí thức ở nhà quê tham gia vào, hợp tác với Cao Hải Để trong những tờ báo mà ông Để chủ trương. Rồi được Cao Triều Phát tổ chức vào đảng Lao động do Cao Triều Phát và Cao Hải Để sáng lập. Đảng nầy chỉ có hình thức. Nhưng một anh biện ở vào lãnh đạo, nên được những con mắt bí mật gấm ghé. Và sang năm 1926, Hưng Long được tổ

chức vào Việt-nam Thanh niên đồng chí hội, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở Quảng-châu. Trong Thanh niên, Đào Hưng Long bắt bồ với cánh Ngô Gia Tự, nên khi Ngô Gia Tự, Trần Văn Cung phân liệt thì Đào Hưng Long cũng phân liệt theo, và được cử làm ủy viên miền Tây cho đảng cộng sản Đông-dương vừa thành lập. Kế rồi hai đảng Đông-dương và An-nam thống nhứt, Long được cử làm Đặc ủy miền Tây để chỉ huy. Nhưng rồi lại bất đồng ý kiến mà tách ra về Cà-mau tổ chức một đoàn thể nhỏ.

Không muốn nói về hoạt động cách mạng, nhưng cũng phải nói. Mới hiểu sao mà có việc tôi ra các báo bí mật, mà hình thức đầu là một tờ báo xương xoa. Nhờ móc nối với Đào Hưng Long mà đoàn thể nhỏ của anh nầy hiệp nhứt với nhóm anh Tạ Thu Thâu và đồng chí bị trục xuất về mới sáng lập ra một tổ chức cách mạng lấy tên là Đối lập tả phái ở Đông-dương. Để tuyên truyền, tổ chức nầy có cho ra một tờ tạp chí lý luận, lấy tên *Tháng Mười*, với tám số hàng tháng, một nhà xuất bản sách huấn luyện và một tờ báo chánh trị ra hàng tuần. Phụ trách tạp chí lý luận là tôi. Phụ trách báo hàng tuần là Tạ Thu Thâu. Và nhà xuất bản lại giao cho Huỳnh Văn Phương và Phan Văn Chánh. Mỗi cơ quan đều có sanh hoạt tự trị, từ tiền bạc đến «nhà in». Và cái lệ chung là bài vở in xong, thì bản thảo vét đốt hết. Chỉ tại «nhà xuất bản», những bản thảo chưa đem ra in còn lưu lại mà thôi.

Tạp chí lý luận *Tháng Mười* có một cơ quan biên tập ở một nơi riêng. Nó là cái chòi lá, cất trên mé rạch Cầu-chong, thuê mỗi tháng hai đồng bạc. Để mở bộ biên

tập nơi đây, đoàn thể gởi đến một cô nữ đồng chí, tên Huệ Minh. Phải chi đoàn thể dè rằng trong cái xác của tôi có nhiều người ở, thì không gởi một nữ đồng chí trẻ. Bởi chẳng dè ấy, mà Huệ Minh đẻ cả dọc gần chục con. Nhưng đây là chuyện khác, không ăn thua với nghề làm báo.

Cơ quan in do Đào Hưng Long đảm nhiệm. Cũng nên nhắc sơ qua cuộc «canh tân kỹ thuật» mà tạp chí *Tháng Mười* đã đem lại trong nghề in xương xoa. Bấy lâu nay, xương xoa nấu sôi, thì người ta đổ vào một cái khuôn khá to, chờ cho nguội, trải tờ giấy có viết sẵn bài bằng mực in, rồi trải lên mặt xương xoa giấy trắng. Cái «máy in» đã bề bộn, mà xương xca chỉ dùng được một mặt mà thôi. Và sự trình bày cũng kém mỹ thuật. Lần nầy, tôi nghiên cứu một kỹ thuật in xương xoa khác. Trước hết, nghiên cứu một khổ cho tạp chí để trình bày thành một quyển bỏ túi, đóng bìa đẹp, số trang. Rồi Đào Hưng Long chép bài lên từng trang, trình bày ngay ngắn và có mỹ thuật, từ đầu cho đến cuối. Nhớ đâu mỗi số là 64 trang thì phải. Xong mới mướn chệt lấy thiếc mà hàn một cái máy in. Nói cho oai, chớ đó chỉ là một cái hộp thiếc bề ngang bằng bề cao trang tạp chí, bề dài bằng hai lần bề ngang của trang. Hộp bề khá sâu, độ hơn mười lăm phân. Kế đi lại tiệm kiếng mướn cắt đâu chừng mười sáu tấm kiếng mỏng, để vừa vào hộp, lấy gỗ kê các kiếng cách nhau gần một phân. Bấy giờ xương xoa nấu xong, mới đổ vào hộp. Xương xoa không tốn nhiều mà dùng xong. rửa ráy, thì không thấy cái khuôn, vì hộp đựng đồ tế nhuyễn. Mà mỗi miếng kiếng sẽ hiến đến hai mặt xương xoa láng bóng, dùng tốt hơn là cái mặt tự

nhiên. Lại khi in, thì chỉ một đêm, hai ba người ráp lại, miễn là làm «mi» xong, thì lo in trong một giờ là có đủ số tạp chí cần dùng để phổ biến. Đóng lại, với bìa đẹp, là đem đi phát hành...

Công việc nầy kéo dài đến tháng chín năm 1932, khi nhà in bị bắt. Và cả tổ chức vào khám.

Trước khi sang qua chương khác, xin độc giả cho phép tôi trở lại mà nói về một nhơn vật đã có góp chút phần trong báo *Tiền Quân* : anh Ngô Quang Huy. Trong cuộc biểu tình trước điện Élysée, Ngô Quang Huy bị bắt tại trận, nên bị trục xuất trong số 19 người. Về xứ, đem tra hỏi, anh kia vì vô tình, anh em rủ đi, mà không nói rõ là đi biểu tình. Tra sổ bìa đen, mật thám chẳng thấy anh hoạt động. Nên cũng để cho anh có một sở làm trong một công sở. Và Phan Văn Chánh lén nhờ anh dịch cho một tác phẩm, dường như một quyển sách nhỏ của Engels. Anh vừa giao bản thảo cho Chánh, thì Chánh bị bao nhà xét. Và bản thảo ấy lọt vào tay sở Mật thám trong đống tài liệu mà Chánh nói bởi do người liên lạc không bắt được đưa đến, nên chẳng biết của ai.

Nhưng mà sở Mật thám, căn cứ theo những cuộc theo dõi điều tra, nghi quyết rằng Tạ Thu Thâu có tham gia vào phong trào tả phái đối lập nầy. Nhưng khi bị bắt, thì lời khai bất cứ của ai đều khôngcó đá động gì tới sự tham gia của Thâu cả. Sự thật là một chuyện hoàn toàn khác hẳn với thiên hồi ký nầy. Vì vậy mà chúng tôi miễn nhắc đến. Và chỉ nhắc đến khi viết lịch sử của phong trào nầy mà thôi. Còn nay lại nói về việc viết báo, thì không cần nói đến. Sở Mật thám căn cứ nơi những lời khai, thì giận lắm. Và quyết hại cho Tạ Thu Thâu

ở tù. Nên rút trong đống hồ sơ thâu được tại nhà Phan Văn Chánh, tập bản thảo của Ngô Quang Huy, và buộc chắc là của Tạ Thu Thâu. Tạ Thu Thâu một mực chối. Lời buộc tội của Mật thám không đủ sức mạnh, nên Dự thẩm cho Tạ Thu Thâu được tại ngoại hầu tra, và khi đem xử vụ nầy, thì gác trường hợp của Tạ Thu Thâu để sau sẽ xử riêng.

Bởi vì ở bên Pháp, mới xuất hiện một khoa học gọi là «cảnh sát khoa học», do tiến sĩ Locard ở Lyon xướng xuất. Và trong cái «khoa học nầy» có khoa giảo tự. Bên nguyên cáo và bên bị cáo thảy đều đồng ý xin giảo tự. Tạ Thu Thâu viết lên một tờ giấy một đoạn văn. Sở mật thám rút từ tập bản thảo một tờ. Rồi gởi cả hai tờ sang phòng thí nghiệm của bác sĩ Locard tại Lyon để giảo nghiệm. Hai năm sau, phúc trình của tiến sĩ Locard quyết đoán rằng tác giả của hai tờ giấy gởi sang là một. Tức là trái với sự thật hiển nhiên. Và theo phúc trình nầy, thì có đủ bằng cớ của sự tham gia của Tạ Thu Thâu, nên tòa có thể kêu án đến năm năm tù ở.

Đó là năm 1935. Tạ Thu Thâu vừa hay tin sét đánh ấy, vội vã lại gặp luật sư của mình là Dương Văn Giáo, và nói rằng tiến sĩ Locard lầm. Luật sư Giáo bèn bảo Thâu chứng minh bằng một cách rất khoa học, rằng cái khoa học của tiến sĩ Locard là sai. Mà muốn chứng minh như vậy, tất nhiên phải chứng minh rằng người viết bản thảo nọ là người khác hơn là Tạ Thu Thâu Khốn nỗi, nếu làm như vậy, thì Thâu khỏi tội, mà đưa người khác vào tù. Nhưng luật sư đảm bảo rằng có thể tránh việc đưa Ngô Quang Huy vào tù được.

Với sự đảm bảo của luật sư, Tạ Thu Thâu mới chạy hỏi Phan Văn Chánh tác giả ấy là ai. Bởi vì chỉ có một

mình Chánh biết đích xác mà thôi. Chánh mới khai thiệt là Ngô Quang Huy. Và vài ngày sau, luật sư Dương Văn Giáo tổ chức một cuộc phản giảo nghiệm. Cuộc phản giảo nghiệm nầy bày ra tại văn phòng của luật sư Jacquemart, trước tòa án bây giờ, trước sự hiện diện của luật sư Motais de Narbonne và một thừa phát lại Pháp. Khi khai mạc, thì luật sư Dương Văn Giáo mở cửa đẩy vào một ông đồ, đầu bịt khăn đóng, mặc áo lương, xách chiếc dù, mắt đeo kiếng râm. Thừa phát lại làm biên bản, miêu tả ông đồ nho tướng không cao, da mặt trắng trẻo. Ấy là Ngô Quang Huy nghi trang làm ông đồ. Huy ngồi xuống, viết nguyên một trang, rồi đứng dậy bước ra nơi một cửa bên hông. Chẳng nói một tiếng, mà chẳng ai biết là người nào, kể cả Dương Văn Giáo.

Khi Huy vừa bước ra nơi cửa bên nầy, thì cửa đối diện mở ra, Tạ Thu Thâu bước vào. Tạ Thu Thâu quen với tất cả mọi người hiện diện, tướng cao một thước tám mươi bốn phân, vóc dình dàng, nước da ngâm đen chẳng thua gì đồng bào của Thánh Gandhi. Thâu bắt tay mọi người, rồi còn móc túi đưa giấy tờ thừa phát lại biên tên họ của mình là Tạ Thu Thâu. Xong, Thâu cũng ngồi xuống viết một trang, giao cho luật sư.

Hai tờ giấy sau nầy, có đánh số và có chữ ký của thừa phát lại và ba vị luật sư, lại gởi sang Lyon để phản phản trắc nghiệm. Đến năm 1937, cái «cảnh sát khoa học» đành nhìn nhận sự thật là thế nào. Nhưng với sự thối lui của thời gian, sự dính dấp của Tạ Thu Thâu với phong trào có thể chứng minh a posteriori. Nên Tạ Thu Thâu bị kết án ba nặm tù ở, đến đầu năm 1939, lại được ân giảm mà thả ra.

Bây giờ, xin trở về tháng chín năm 1932. Với sự Đào Hưng Long bị bắt, và cơ quan ấn loát bị dẹp, tờ tạp chí bí mật *Tháng Mười* ngưng hẳn. Và tôi bị Mật thám bắt ngày 11 tháng Novembre 1932.



CHƯƠNG BỐN

Làm báo nhàm trong tù : Nhựt báo Thiên Thu

Tôi bị mật thám đến xét nhà sơ sịa, trình lịnh của biện lý, rồi bắt dẫn về bót Catinat vào chín giờ ngày 11 Novembre 1932. Tôi nhớ vậy, vì ngày đó là ngày lễ Đình Chiến. Tất cả những người trọng yếu đã bị vào khám từ đầu tháng Aout, Đào Hưng Long và Huệ Minh ngày 20 Septembre. Tôi chắc không còn giấu gì được, nên hỏi câu nào, mà tôi thấy không còn chối được thì tôi nhận cả. Lời khai làm xong và ký tên đúng mười hai giờ trưa. Và tôi vào khám.

Đây là một cái khám hẹp, vuông vức hai thước mỗi bề. Có một cái bục xi-măng cao độ hai tấc khỏi mặt đất. Một góc có chỗ tiểu đại tiện. Một góc có xây một cái chậu xi-măng, để thỉnh thoảng, người ta mở nước cho dùng. Phía trên có một lỗ nhỏ tròn chừng bằng một cái rổ nhỏ, đóng bằng một tấm tôn có khoét lỗ tròn bằng ngón chơn cái, để cho thoáng khí vào. Cửa bằng gỗ dày, có một tấm kéo vuông chừng 2 tấc để lính gác, thỉnh thoảng rình xem tù làm cái gì ở trong. Mỗi ngày, cửa nầy mở ra hai lần để đưa cơm vào và một chập sau, lấy bát ra. Trừ khi tù bị gọi đi điều tra.

Ban đầu, trí óc tôi chờ bị gọi, nên không tính gì khác. Đến khi nhận giấy tống giam của dự thẩm, không thấy hỏi gì thêm, và chẳng biết ở một mình nầy bao lâu, tôi mới quyết định « làm báo ». Đây là một cái thuật để

tránh bị điên, nếu bị nhốt một mình. Và tôi học cái thuật nầy với vị lãnh tụ của phái «vô chánh phủ» (anarchiste) là Bakounine. Bakounine sống giữa thế kỷ XIX, người Nga, và chủ trương còn cực đoan và bạo động hơn cộng sản nữa. Nga hoàng ghét, kêu án nặng. Và hình phạt nặng nề nhứt là nhốt một mình. Phải bị nhốt một mình, mới thấy đó là hình phạt gớm ghê. Bị nhốt với người khác, còn trò chuyện mà trí khuây khỏa. Được sống giữa thiên nhiên còn dễ chịu hơn một bực. Còn bị nhốt hoài từ sáng đến tối thì bực bội vô cùng. Có người nói chuyện, trí còn hướng ra ngoài được. Chớ bị nhốt một mình, thì mình luôn luôn nói chuyện với mình mệt trí không thể tưởng tượng nồi. Có khi câu chuyện mình nói với mình khuya rồi mà chưa dứt, thì tiếp tục nói hoài, sanh ra bịnh mất ngủ. Mà hễ mất ngủ luôn, thì dễ sang qua điên. Nên chi, việc nhốt riêng một mình là cực hình độc ác nhất.

Và để tránh ảnh hưởng tai hại của việc bị nhốt riêng nầy, Bakounine có bày ra một lối để tự dùng. Và có kết quả. Là mỗi ngày, xuất bản một tờ báo nhầm. Và sáng ra, Bakounine lo việc ra tờ báo hàng ngày của mình, y như ngoài đời. Cũng có bài xã thuyết, cũng có thiên phóng sự, cũng có tin thế giới (tự nhiên là bịa, vì trong tù, làm gì lượm tin tức được ?), có bình luận thời cuộc. Cũng có đoản thiên và trường thiên tiểu thuyết, có mục kịch nghệ, văn chương, có trang khôi hài.

Tôi bị nhốt vào cái khám nhỏ nầy không biết ngày nào được dời đi chỗ khác. Buồn ơi là buồn ! Hồi nhớ lại cảnh mình, không thấy có gì hay ho. Nên sợ e cái buồn nó làm hư bản chất. Tôi bèn bắt chước Bakounine mà

sáng lập một tờ bài báo nhằm. Tờ nhựt báo của tôi đặt tên là Thiên Thu, do câu sáo ngữ « nhứt nhựt tại tù, thiên thu tại ngoại ». Đếm chung, đã xuất bản nhằm đúng bảy chục số. Tức là tờ báo tôi cũng dài được hai mươi lăm ngàn năm trăm năm chục cái « thiên thu ».

Năm 1932 là năm mà cuộc khủng hoảng chánh trị ở Đức sâu đậm vô cùng. Nên chi, những bài xã thuyết và bình luận thế giới thường lấy trọng tâm nơi vấn đề Đức quốc. Điều đó nay tôi còn nhớ mang máng. Chớ làm sao nhớ hết nội dung của những bài báo tưởng tượng nầy ? Riêng có bản tiểu thuyết, thì tôi ghi nhớ được khúc đầu. Bởi vì đó là một mẩu sự thiệt.

Và sự thiệt nầy xảy ra mùa hè năm 1930, tại Bruxelles. Đó là lần đầu tiên mà tôi biết yêu. Ấn tượng ấy ghi trong lòng tôi, nên năm 1967, tôi còn nhớ lại, mà tóm tắt trong bài tựa của quyển «Người Mỹ ưu tư». Xin trích lục câu chuyện tóm tắc nọ.

«*Năm ấy là năm 1930. Ở xứ tôi, những nhà ái quốc*
«*có tổ chức một cuộc bạo động tại Yên-bái. Chẳng may, họ*
«*thất bại. Hội Đồng Đề Hình của thực dân kết án mười*
«*ba vị liệt sĩ phải tử hình và các đồng lõa đến mấy chục*
«*thế kỷ bị lưu đày. Năm ấy, tôi là sinh viên ở Paris. Tôi*
«*mới có hai mươi tuổi. Tuổi ấy nào cho phép tôi đánh chữ*
«*làm thinh trước một tội ác tày trời của chủ nghĩa thực*
«*dân ? Nên tôi có cùng anh em tổ chức một cuộc biểu tình*
«*trước điện Élysée của Tổng Thống nước Pháp, để phản*
«*đối một bản án vô nhân, mà chúng tôi nghĩ rằng, đối với*
«*bất cứ dân tộc nào, lòng ái quốc của những nạn nhân*
«*như thế phải đổi lấy làm một cuộc dựng tượng đồng bia*
«*đá. Trong cuộc biểu tình nầy, mười mấy sinh viên bị bắt.*

«tôi thoát được, bèn cùng một số khác, hiệp tác với bè bạn «người Pháp, mà in mấy trăm ngàn tờ truyền đơn phát ở «các nơi. Hành động này làm cho mật thám Pháp lùng bắt «kẻ chủ mưu việc phát truyền đơn này, nên các bạn hữu «Pháp, muốn cho tôi khỏi bị bắt, chở tôi giấu bên nước Bỉ.

«Năm ấy, ở Paris, nhân nhịp những cuộc biểu tình, «Mật thám Pháp, thừa dịp ấy, bắt rất nhiều người ngoại «quốc «tình nghi», mà đuổi ra khỏi cảnh giới Pháp. Kẻ bị «đuổi sang I-pha-nho ; kẻ bị đuổi sang Thụy-sĩ ; kẻ nào «chúng ghét, thì chúng lùa sang Ý-đại-lợi : lúc ấy bọn sơ-mi «đen của Mussolini, thấy ai chẳng hoan hô, đả đảo theo chỉ «thị của chúng, thì cho uống dầu sổ đến ngay ruột...

«Ở Bruxelles, trong số người bị trục xuất, tôi có gặp «một nàng trẻ tuổi. Tên nàng là gì ? Đến nay tôi không «chắc. Nàng là người nước nào ? Đến nay, tôi cũng không «biết. Nàng nói cả chục thứ tiếng, tiếng nào cũng rành như «tiếng mẹ. Xem cách những người bị trục xuất đối xử với «nàng, tôi nghi nàng là một nhân viên cao cấp của Quốc «tế cộng sản, một thứ Borodin cho các nước Âu-tây. «Nàng có cái đẹp đằm đuối của một người slave, với cái yểu «điệu mảnh mai của người Đông-phương, với cặp mắt «tình tứ, làm cho bất cứ ai là đàn ông thảy mê say Quả «thật là một nhân vật, mà Charles Plisnier đã tả trong «Faux Paseseports, *không tên, không tuổi, không tổ quốc, «chỉ có biết đảng mà thôi-*

«Tuy vậy, thỉnh thoảng, nàng cũng có một vài giờ tình «cảm. Ở Bruxelles không bao lâu, chúng tôi đã quen với «nhau hết. Một hôm, rảnh rang, chúng tôi có tổ chức đi chơi «trong rừng. Muốn biết nàng là người thế nào, hoạt động «ra sao, tôi dụ nàng bằng cách thuật những hoạt động của

«tôi trong những tháng đã qua, hy vọng được nghe nàng «kể một khoảng nào của đời nàng. Khi nghe tôi thuật rằng «chúng tôi đã tổ chức cuộc biểu tình trước điện Élysée thì «nàng nói :

«Tụi An-nam-mít bây thật là anh hùng đến liều lĩnh. «Thợ thuyền Pháp có tổ chức kiên cố kia, mà vận động hết «sức, không kéo họ đi biểu tình nổi. Tụi bây lại dám biểu tình «cả nửa giờ trước điện Tổng Thống. Đó là một điều mà lịch «sử nước Pháp chưa ghi được cho người Pháp. Tao chỉ «huy tranh đấu đã nhiều năm, và ở nhiều nước, tao chưa «hề khi nào hưởng được hương vị say sưa của một liều lĩnh «thành công, như mày đã hưởng. Tao thèm sự sung sướng «của mày quá !

«Đi chơi ở rừng về, nàng mời tôi đi ăn cơm Nga, đi «xem chớp bóng, rồi bảo tôi đưa nàng về tận phòng nàng, để «khoe cho tôi «xem một món quí giá lắm». Món quí giá ấy «không có gì khác hơn là một cuốn sách cũ, trong ấy có một «bức ảnh của Lénin và Trotsky chụp chung nhau, khi họ «vừa cướp đoạt chánh quyền ở Pétersbourg. Nàng nói :

«— Cái gì, tao cũng chánh thống cả. Chỉ chừa có một «điểm : là tao phục kẻ anh hùng.

«Rồi nàng ôm tôi mà hôn, xô tôi nằm lên giường và «nói :

«— Đời tao cũng có một cái khổ. Vô gia đình, bôn ba «rày đây mai đó, sinh lý của tao cũng giày vò tao Mà tao «không thể giải quyết với những ai chịu mạng lịnh tao chỉ «huy, những ai mà tao không nhận thấy có anh hùng tính. «Tao tin rằng tao sẽ sung sướng với mày lắm...»

Trước đây là mẩu chuyện đã xảy ra tại Bruxelles. Rồi trong tiểu thuyết nhằm đăng trong nhựt báo nhằm

Thiên Thu, tôi thêu dệt, tả cảnh, thêm nhơn vật cho rườm rà, đăng được bảy mươi kỳ, mỗi kỳ cẩn thận chua ở chót hai chữ «mai tiếp». Chỉ trong tiểu thuyết nầy có được một phần ngàn của sự thật. Bao nhiêu thảy đều do tưởng tượng mà có

Nhưng có một chuyện rất thật, là tờ báo Thiên Thu lại có một bài do người khác gởi đến, và được đăng. Số là một buổi sáng kia, tiếng động nơi cửa. Miếng sắt chận kéo trịch một bên. Khuôn mặt của một thám tử liếc vào như thường lệ. Rồi một tiếng độp vang trong phòng, nối theo lời : «Đọc rồi thủ tiêu». Tôi lật đật lượm cái vỏ hộp quẹt, mở ra, thấy một mảnh giấy xếp. Thì là một bài thơ bốn câu khoán thủ như sau :

THƯƠNG người tình nghĩa nặng hoằn vai
HỒ hải tang bồng cả chí trai
HỮU chí vô phần thân phải lụy
TƯỜNG cao ngăn đón bực anh tài.

Tất nhiên bài thơ bốn câu nầy được đăng ngay vào mục văn uyển. Nhưng vị chủ nhiệm kiêm chủ bút của tờ Thiên Thu thắc mắc : Tác giả của nó là ai ?

Một giờ sau, anh lính mật thám trở lại, giỏ miệng hỏi :

— Thủ tiêu chưa ?

— Đọc xong, tôi nhai nát, ném xác giấy và cái vỏ hộp quẹt vào lỗ cầu tiêu rồi. Thơ nầy của ai vậy ?

— Muốn biết, tối nay đúng tám giờ, hễ nghe tiếng nước chảy ào ào, thì leo lên, ghé mắt vào lỗ sắt mà dòm.

Rồi miếng sắt kéo đóng lại. Từ chín giờ sáng cho đến tám giờ tối, chỉ có mười một giờ, mà tôi tính dài như mười một cái thiên thu. Vì nóng biết ai gởi bức thơ «thương Hồ Hữu Tường» nầy ?

Chuông nhà thờ đổ tám giờ. Vài phút sau, tiếng nước chảy ào ào. Tôi bám chơn lên bục, nhìn vào lỗ sắt. Cách khoảng một cái sân xi măng, thì có một cái mái tôn, đèn đốt sáng trưng, dưới những giọt nước của một gương sen chảy xối xả như mưa to một thiếu phụ đương tắm. Tôi không biết là ai. Chỉ biết là nàng rất đẹp. Tôi nghi là một người phụ nữ đang bị giam trong bót lâu lâu, được đi tắm một lần. Mà tôi cũng nghi là một nữ thơ ký của sở mật thám, hay một người đàn bà con gái nào trong sở nầy có tật tắm tối, nên anh thám tử hại cho tôi xem một bữa cho thấy là mình khổ. Bao nhiêu nghi vấn làm cho đêm ấy tôi trằn trọc. Mà trằn trọc có phải chỉ do nghi vấn mà có chăng ?

Hôm sau, báo Thiên Thu có một bài «phóng sự» về cảnh «tắm đêm trong bót», không có chút tưởng tượng xen vào. Và nơi mục văn uyển, có bài « trích lục cổ văn » như sau :

Dưới trăng, quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.
Buồng the phải buổi thong đong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tắm hoa.
Rõ màu trong ngọc trắng ngà.
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.

Nhờ mỗi ngày lo xuất bản một số báo Thiên Thu, mà lật bật tới ba mươi Tết. Ngày ấy, tôi bị đưa về Khám Lớn, bốn tháng sau đưa ra tòa. Đến Khám Lớn, ở chung chạ với anh em, cả ngày có chuyện để lo, nên tờ Thiên Thu đình bản.

CHƯƠNG NĂM

Vào làng báo công khai

Nơi chương trước, tôi phải nói đến tờ báo nhầm Thiên Thu mà không tôn trọng trật tự của thời gian, chỉ để cho độc giả thấy rằng tờ báo nhầm nầy là cứu cánh của tạp chí Tháng Mười.

Bây giờ, tôi xin phép quày trở lại năm 1932, mà nói về việc tôi vào làng báo Việt-nam. Làng báo ở đây là làng báo của tất cả mọi ký giả, chớ không phải là của làng báo bí mật.

Trong lúc mà tôi tổ chức một bộ biên tập bí mật cho tạp chí Tháng Mười, thì tôi còn phải lo việc tài chánh để nuôi hai cơ quan biên tập và ấn loát nữa, tức là đảm nhiệm tiền thuê hai căn phố lá, và nuôi bốn miệng ăn và chi phí «tòa soạn và quản lý». Nên chi tôi đến ở nhà của Trịnh Hưng Ngẫu, lúc ấy có mở một văn phòng quảng cáo, chỗ nhà báo Saigon mới bây giờ. Nơi đây, tôi làm quen với một anh em là Nguyễn Bá Tường, có tánh hào hiệp, mới xuất vốn lập một tiệm buôn bán gạo, than, nước mắm. Lúc ấy kinh tế khủng hoảng trầm trọng. Tiệm buôn nầy chỉ đủ chi phí trong tiệm mà thôi. Nên tôi phải tìm nguồn lợi khác. Với mục đích nầy tôi hợp tác với tờ Nam Nữ giới chung. Ty quản lý là ông Nguyễn Văn Tốt. Bộ biên tập có hai ký giả lão thành là Cao Hải Đễ và Trần Hữu Độ. Tờ báo nầy chỉ ra được một số là bị cấm. Tôi chẳng lãnh được đồng nào. Nhưng nhờ nó mà tôi kết thân được với ông Trần Hữu Độ là một bực nhà nho có uy tín, đã từng khai thác tư tưởng của Lương Khải Siêu, Khương Hữu Vi mà đánh thức đồng bào,

trong những tác phẩm như «Tờ cớ mất quyền tự do», « Hồi trống tự do », « Thanh niên tu độc » v.v...

Gẫm đời làm báo của tôi cũng có cái lạ. Vào làng báo bí mật, thì khởi đầu chỉ được có một số báo Tiền quân. Vào làng báo công khai, cũng chỉ được có một số báo Nam Nữ giới chung. Bây giờ, độc giả chắc không khỏi cười nôn về cái tên của tờ báo. Ngay bộ biên tập chúng tôi trong ấy ông Trần Hữu Độ là bực nho học lại càng cười hơn nữa. Hai chữ «nam» và «nữ» thì gồm tất cả rồi, kể luôn những ai bán nam bán nữ. Vậy thì chua vào mà làm gì cho nó rườm rà ? Nhưng mà ông huyện Sắt là người được nhà nước thực dân cấp cho giấy phép muốn vậy, và đã lỡ rồi, thì cả thảy đành bụm miệng mà chịu. Mà chịu càng tức cười hơn nữa, là chữ « giới » lại không có nghĩa là răn dạy. Mà có nghĩa là bao gồm Theo ý của người sáng lập, thì tờ báo nầy là cái chuông cho cả nam giới và nữ giới Nghĩa là cho tất cả. Tôi vừa muốn đề nghị cho vẽ trên bìa một cái chuông to, với một chữ CHUNG thật to, bên trên có hàng chữ nhỏ tít «nam nữ giới», thì văn phòng báo chí cho hay rằng giấy phép bị rút...

Tôi thất nghiệp ba tháng, thì hai ông Nguyễn Văn Bá và Diệp Văn Kỳ được ty giám đốc nhựt báo Công Luận giao cho bao bộ biên tập. Báo nầy và tờ báo Pháp ngữ L'Opinion vốn chung một công ty. Kinh tế khủng hoảng làm cho báo bán không lời, nên công ty cho bao bộ biên tập, tức là một cách gói ghém, cũng như là sụt lương chung vậy. Nguyễn Văn Bá thì tôi đã quen khá lâu và biết tôi viết lách trôi chảy, có lập luận đường hoàng, nên ông Bá mời tôi đứng vào bộ biên tập, với một số

danh nho, như ông cử Tùng Lâm. Tuy vậy, tôi không lãnh lương tháng, mà chỉ viết từng bài, và được trả từng bài. Tôi cũng được đãi ngộ rất trịnh trọng, vì bài của tôi được trả giá theo ưu hạng, một giá với bài cụ Phan Bội Châu. Ngoài ra không ai được giá nầy. Nói cho oai... Chớ mỗi bài chỉ đem lại có năm đồng bạc. Và tôi ký với biệt hiệu mà ông đạo đặt tên cho tôi đã ban cho : Bửu Liên.

Trong khi tôi viết cho báo Công Luận nầy, ông Bá có đề cho tôi xem một bản thảo của một tiểu thuyết về đời tình ái của một nhân vật, tuy đã đổi tên, song ông Bá cho biết là Ngô Đình Diệm. Ông Bá là người gốc ở Huế, nên biết rõ chi tiết về vụ nầy. Tôi nhắc lại tiểu thuyết nầy, để cho sử gia mai sau, khi muốn viết về đời sống của Ngô Đình Diệm, nhìn về khoảng tình ái lúc thanh niên, làm cho ông đau khổ cho đến đỗi trọn đời « thề chẳng ôm cầm thuyền ai » (thuyền có đồng nghĩa với chiếc lá).

Trong loạt bài ký tên là Bửu Liên, có một bài tôi được trả gấp đôi, mặc dầu khi đăng lên, độc giả bị những lỗ của kiểm duyệt khoét vào mà chẳng hiểu bài ấy có nghĩa là gì. Chẳng những bài này đem lại cho tôi một số tiền khá, mà còn mang lại một tình bè bạn rất keo sơn. Số là, năm 1926, vốn tôn sùng Nguyễn An Ninh mà tôi «xếp bút nghiên lên đường tranh đấu» vì cái tôn sùng nầy, song đến bây giờ, tôi chưa được hân hạnh biết Nguyễn An Ninh bằng xương bằng thịt. Tuy vậy, cảm tình vẫn giữ, song sáu năm qua, trí tôi cũng có trưởng thành. Vào lối tháng bảy 1932, Nguyễn An Ninh được ra khỏi tù, bước trở lại trên con đường hoạt động. Và cũng bởi sự hoạt động nầy, mà bút chiến với người bạn cũ là Nguyễn Văn Bá. Nguyễn Văn Bá cãi không lại, nên

tự ái bị chạm khá nhiều. Điều nầy tôi không rõ ngay, chỉ sau mới biết. Một hôm, tôi gặp Nguyễn An Ninh ôm một bó sách mà bán, như anh thường làm. Tôi mua một quyền xem. Ấy là quyền *Tôn giáo*. Đọc xong, tôi viết một bài phê bình sách nầy và gởi đến báo Công Luận. Nguyễn Văn Bá đương cãi thua, vớ được bài nầy, mừng húm vì dịp may mà được «ta tha nhơn chi thủ». Báo sấp chữ vỗ ba bản nạp kiềm duyệt, thì ty kiềm duyệt không cho ra. Ông Bá phải chạy lên chạy xuống năn nỉ đến ba lần, ty kiềm duyệt mới cho in lên mặt báo, mà đục chẳng biết bao nhiêu cái lỗ nhỏ nhỏ, xem bài báo như cái mặt rỗ chằng, nhưng không có câu nào bị bôi trọn. Lý do là ty kiềm duyệt không muốn thấy ba chữ Nguyễn An Ninh chường trên mặt báo, không muốn tên sách được quảng cáo. Và bài báo lấy duy vật sử quan mà rọi vào vấn đề tôn giáo, thì bất cứ cái chi nhắc gần nhắc xa đến học thuyết nầy, đến tỉ tộ của nó, đều bị đục khoét...

Qua ngày nay, tôi cỡi xe đạp chạy ngang qua Bộ Y Tế bây giờ, trên con đường nay là Hồng Thập Tự. Thình lình nghe kêu tên dội ngược. Ngó ngoái lại, thấy Tạ Thu Thâu, từ trong bước ra, ngoắc tôi :

— Mầy vô đây. Mầy vô đây. Để giải cho tao một cái oan Thị Kính nầy.

Tôi vòng xe, ghé vào thềm. Trong nhà, sẵn có Lê Văn Thử và đối diện là Nguyễn An Ninh, mà tôi đã biết qua những hình, nhưng lại không biết tôi là ai. Nguyễn An Ninh, mặt chưa nguôi giận, hầm hầm nói :

— Tụi mác xít bây xài không được. Trong chỗ quen biết thâm tình nhau, bây có chỉ trích tao, thì cứ ký tên ngay thẳng đi. Có gì cần cãi, thì tao cãi với. Bộ bây trốn

dưới bút hiệu vô danh, đâm sau lưng anh em, mà tao không biết sao?

Tạ Thu Thâu không đáp ngay với Ninh, mà nói với tôi:

— Ảnh đương khảo thằng Thử với tao về bài báo ký tên Bửu Liên và phê bình quyển *Tôn giáo* của ảnh. Và ảnh đề quyết rằng Bửu Liên ấy là tao...

— Vậy chớ còn ai nữa? Ninh chận ngang. Tao hỏi mầy, trong xứ nầy, có ai có một trình độ lý thuyết cứng để viết một bài như vậy? Không phải là mầy, vậy chớ thằng nào vô đây.

Cả hai Thâu và Thử cười tủm tỉm, vì biết rằng Ninh lầm, và cả hai biết rằng Bửu Liên ấy chính là tôi. Tôi cũng ở vào một tình trạng khó xử. Ninh đương giận, phỏng tôi xưng là tác giả, thì cơn giận sẽ biến ra làm sao? Trong lúc lúng túng ấy, có tiếng rao hột vịt lộn. Thâu cứu vãn tình thế, bằng cách nói:

— Anh mà đãi ba đứa tôi một chầu hột vịt lộn, thì tôi chỉ cái thằng Bửu Liên cho anh.

Ninh cười hề hề, bước vào sau lấy dĩa. Thâu thừa cơ hội, nói nhỏ nhỏ:

— Mầy mà biết khôn, thì đừng có xưng tội trước nghe Tường. Đợi ăn hột vịt lộn rồi, sẽ hay.

Bốn chúng tôi dùng hột vịt lộn xong, mà tôi chưa biết tính làm sao cho ổn. Tôi nói đẩy đưa:

— Anh với ông Bá, tuy đương tranh luận với nhau, song là chỗ cố giao. Cứ đến hỏi ông Bá, có phải là hay hơn tra khảo anh em?

— Mầy không biết, Ninh đáp. Tánh tao ưa đề cử và đào tạo nhân tài. Thằng tác giả nầy viết bài coi bộ

được lắm. Tao hỏi thằng Thâu cho biết là ai. Bởi tụi nó hay trác tao, biết tật tao, nên cho tao chạy đi tìm nhân tài. Rốt cuộc rồi nó cười tao sau lưng. Bài nầy thằng Thâu viết để gạt tao chơi. Chớ còn ai nữa ?

Thâu thề bán mạng. Nhưng Ninh không tin, nói :

— Tụi duy vật bây có tin có thần có thánh đâu mà thề ? Quỉ thần sợ bây, chớ bây đâu có sợ quỉ thần mà bày trò thề thốt ?

Lê Văn Thử xen vô cứu vớt Thâu và tôi, nói :

— Ở đường Frère Louis, có một cái tiệm bán gạo, than, nước, mắm, có bảng hiệu là Bửu Liên. Đâu anh đến đó xem có phải chăng ?

Ba ngày sau, tôi gặp Ninh lại. Anh cười hề hề nói :

— Thằng Thử hại tao nữa. Tiệm bán gạo ấy tuy có bảng hiệu đúng vậy, song là một tiểu công chức dốt nát, lương không đủ ăn, nên mở thêm một cuộc buôn bán nhỏ để kiếm chát chút đỉnh.

Tôi thú nhận chính tôi là tác giả. Ninh không giận và nói :

— Hôm đó tao giận lắm thằng Thâu. Nó là em út của tao, tao xây dựng nó rất nhiều. Có gì không đồng ý, thì bổn phận của nó phải nói thẳng với tao. Chớ nếu là của mầy, thì tao đâu có lý gì để giận ?

Ngoài việc hợp tác với Công Luận, tôi còn hợp tác với tuần báo Đồng Nai. Tuần báo nầy do Đoàn Quang Tấn đứng chủ nhiệm và chủ bút, và hợp tác với bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, với giáo sư Đặng Minh Trứ, với luật sư Phan Văn Gia, và vài người khác tôi không thấy rõ lắm. Lúc bấy giờ, bọn tây học ít ai viết tiếng Việt được suông sẻ. Công việc chánh yếu của tôi là làm thợ giũa văn cho

anh em. Bài vở qua tay tôi cạo gọt cho trơn tru, trước khi đưa đi in. Ngoài ra, tôi cũng viết một ít bài về khoa học, hoặc phỏng theo các tạp chí ngoại quốc mà viết bài phổ thông. Nay nhớ lại, công việc cạo gọt văn chương của người khác, nhứt là những câu nặc mùi pho mách, mà sửa cho có mùi nước mắm Phú-quốc, thì là một công phu nặng nề. Thảo nào, ty quản lý trả cho tôi tiền hậu hơn là tôi đi dạy ở trường tư. Và bởi cái uy tín thầm kín nầy mà mấy tháng sau, Đoàn Quang Tấn giao cho tôi tuần báo Đồng Nai, để chường mặt trong làng báo một cách oai hơn là làm anh gọt văn.



CHƯƠNG SÁU

Tuần báo Đồng Nai

Tôi ra tòa đúng ngày 1 tháng 5 năm 1933 và lãnh cái án ba năm tù treo vì cái tội hành động có tánh cách khuấy rối cuộc trị an. Năm giờ chiều tôi ra khám, thì Nguyễn Bá Tường đón tôi đưa lại nhà Trịnh Hưng Ngẫu lúc ấy ở đường Phạm Hồng Thái bây giờ. Nơi đấy có gần đủ mặt người biết, hội nhau đó. Vì là mùa bầu cử nghị viên hội đồng thành phố, mà để giễu chơi, anh em lập một sổ lao động mười hai người với hai tên Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch đứng đầu sổ.

Để cổ động, sổ ứng cử nầy có cho ra một tờ báo bằng tiếng Pháp, lấy tên là La Lutte, đợt nầy xuất bản chỉ được bốn số. Tuy tôi không góp phần nào trong báo nầy song cũng nên nhắc lại, để cho độc giả biết bầu không khí làng báo lúc ấy ra làm sao. Thuở ấy, chế độ chính trị của xứ Nam-kỳ là chế độ thuộc địa. Người Pháp, hay có quốc tịch Pháp, thì hưởng đủ mọi quyền dân chủ y như bên Pháp, kể cả quyền ra báo mà không có thủ tục nào khác hơn là khai trước biện lý cuộc hai mươi bốn giờ trước khi đem báo ra khỏi nhà in. Nhưng chủ nhiệm (nếu có) và quản lý bắt buộc phải là người Pháp. Còn báo Việt ngữ, thì phải qua thủ tục xin phép, có khi lâu sáu bảy tháng mà chưa được. Vì phải là người trung thành với với mẫu quốc mới được đặc ân ra báo. Những người mà bọn thực dân không tin, chớ khỏi nói đến những ai đối lập, thì không tài nào có một tờ báo trong tay.

Sồ lao động cần có một cơ quan tuyên truyền, không thề dùng báo Việt ngữ bị kiềm duyệt, tất phải cho ra báo chữ Pháp. Mặc dầu cử tri là người Việt, lúc ấy cả thành phố Sàigòn độ năm ngàn cử tri mà thôi, song cũng có một số đông đọc chữ Pháp được. Vả lại, ra tranh cử cốt đề có cái thế ăn nói đề làm chánh trị chơi chớ đâu có hy vọng hốt phiếu.

Đây cũng nên nhắc sơ qua việc sáng lập tờ La Lutte, mặc dầu tôi không có góp phần. Trước là đề cho độc giả ngày nay biết chút chuyện xưa. Hai là sau đó một năm, khi báo La Lutte tái xuất hiện lâu dài hơn, thì tôi có dự vào.

Khi vấn đề sáng lập một cơ quan tuyên truyền cho sồ lao động đặt ra, thì cách giải quyết không thề nào khác hơn là một tờ báo tiếng Pháp. Và trong công thức ấy, có ba vấn đề nhỏ cần giải quyết. Một là tìm người Pháp đứng làm quản lý (gérant). Hai là có tiền và ba là có nhà in dám in.

Người gérant, anh em tìm được một người, cần ghi tên lại trong lịch sử báo chí. Người ấy tên là Edgar Ganofsky, sanh trưởng ở đảo La Réunion, tức là một thuộc địa rất xưa của Pháp, nên dân thảy đều có quốc tịch Pháp và chỉ biết tiếng Pháp mà thôi. Ông lại có rất ít máu thồ dân, nên kề là người Pháp gần như thuần túy. Đến xứ nầy, ông làm giáo sư. Nhưng vì tranh chấp với quan thống đốc Cognac, ông thôi ra, kiện chánh phủ tới cùng, thắng kiện, ông dùng số tiền thường bồi mà ra một tờ báo đối lập, tên là La Voix Libre (tiếng nói tự do) và chưởi bới thực dân thậm tệ. Do đó mà bút chiến với chúa trùm thực dân là chủ báo l'Impartial lúc đó là họ Đờ, Henry de Chavigny de la Che-

vrotière. Gây gỗ với nhau, hai người thách đấu kiếm. Đến khi đấu, Ganofsky chấp cho De la Chevrotière bắn trước, nhưng vì bịt mắt, nên bắn hụt. Đến phiên Ganofsky, ông quăng súng, gọi mở mắt ra, rồi bất thình lình, nhảy lại ôm De la Chevrotière mà cắn lỗ mũi hắn, máu chảy như xối. Làm báo hết trọi tiền, Ganofsky sống nhờ nơi một người lao động Việt. Mà tinh thần vẫn hăng hái chống thực dân, nên khi nghe mời làm quản lý, thì hâm hở nhận liền.

Còn tiền, thì lúc đó kinh tế khủng hoảng, ai nấy nghèo sạt, góp năm đồng bạc cũng không có. Còn nhà in thì hầu hết các chủ nhà in Việt đều sợ mật thám trù ẻo mà không dám nhận. Hai vấn đề nầy, Trịnh Hưng Ngẫu gom lại giải quyết thành một. Ngẫu tìm ông huyện Nguyễn Văn Của (tức là thân sinh của Thiếu Tướng, cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân) là người rất giàu có và có quốc tịch Pháp. Và Ngẫu nhờ in báo La Lutte. Ông huyện Của nhận ngay, mà không đòi đặt tiền trước. Bởi nghĩ rằng ra tranh cử nghị viên Hội đồng, chẳng lẽ chẳng có xu ten ? Đến khi báo in xong, ông Của mới hay rằng Ngẫu không có tiền để lấy báo ra. Và Ngẫu năn nỉ cho lấy từng trăm, lấy tới đâu trả tiền tới đó... May mà được độc giả ủng hộ, số báo đầu tiên bán được lời khá nhiều. Mỗi số để giá năm xu, mà người ta mua hoặc nguyên cắc hoặc cả góc tư. Và bán sạch không dư một số. Độc giả ủng hộ. Có người mua cả năm ba số, để gởi cho bà con anh em ở xa.

Tôi thất nghiệp gần ba tháng, sống gởi với bạn, nhứt là Nguyễn Bá Tường, Nguyễn Hòa Hiệp, Lý Thành Trước.

Một hôm, Phan Văn Hùm từ Pháp về đến viếng. Sau khi nhìn quanh chơn trời để tìm một hình thức để hoạt động, hai tôi đồng ý rằng phải cho ra một tờ báo công khai. Về tiền bạc, Lý Thành Trước ủng hộ ba trăm đồng, sư Thiện Chiếu giới thiệu một nữ Phật tử ủng hộ ba trăm. Còn giấy phép, thì tôi gõ cửa Đoàn Quang Tấn nhờ giao tờ Đồng Nai vừa ngưng xuất bản gần hai tháng. Tuy chưa quen biết với Phan Văn Hùm, nhưng Đoàn Quang Tấn tin tưởng tôi, sẵn lòng giao trọn trách nhiệm cho hai tôi. Và tờ Đồng Nai ra được tám số là bị cấm.

Trong lịch sử báo chí nước nhà, cũng nên nhắc đến tuần báo Đồng Nại (đợt sau nầy), bởi vì nó đánh dấu cho một cái quanh. Trước đó, tất cả các báo đều đứng trên lập trường ái quốc và dân chủ mà thôi. Giọng nói có khi cũng quá bạo, đối lập với chánh quyền thực dân, có khi rất can đảm. Nhưng mà nhìn theo lăng kính lý thuyết, tuần báo Đồng Nai đợt nầy chọn lập trường xã hội công khai, mặc dầu dùng ngôn từ rất hiền lành, có lẽ hiền lành hơn những báo khác. Ngoài những bài báo, nhóm chủ trương lại tổ chức hai cuộc diễn thuyết, một do Phan Văn Hùm nói, một do Tạ Thu Thâu nói, về chung đề tài rất khô khan và trừu tượng là «biện chứng pháp». Nên nhớ rằng thuở ấy, ở Saigon chỉ có hai trường dạy đến lớp tú tài, mà tại trường P. Ký, ở lớp cao hơn hết, học sanh lèo tèo vài trò mà thôi. Còn biện chứng pháp là một học thuyết có lẽ phải học xong chương trình triết của cử nhơn mới hiểu thấu. Thế mà hai buổi diễn thuyết, tổ chức tại trụ sở hội Đức Trí Thể Dục, nằm trên đại lộ Galliéni, tức là Trần Hưng Đạo

bây giờ, trụ sở mà bấy lâu nay bị quân đội, hết V.N, đến Mỹ rồi Đại Hàn chiếm đóng thính giả đến ngồi chật ních, đứng đầy rợp cả sân. Và diễn giả được vỗ tay hoan nghinh như pháo nổ.

Trong lúc mà độc giả và thính giả hoan nghinh nhiệt liệt, thì anh bạn của tôi, trước đó nhờ quyển «ngồi tù khám lớn» mà được xem như thần tượng của làng văn lại bị đồng nghiệp thất vọng nặng nề, và viết hẳn sự thất vọng ấy lên mặt báo. Phải nhìn nhận rằng Phan Văn Hùm có một văn tài điêu luyện, một văn phong đặc biệt làm cho cả nước đọc qua phải thán phục ngay. Những nhà văn «nghệ thuật vị nghệ thuật» ước mong sao cho Phan Văn Hùm giữ mãi tác phong ấy mà làm vị nguyên soái của văn đàn. Và trách móc sao Hùm dấn thân làm chi trong cái rừng chánh trị, đến đỗi viết văn khô khan, khó hiểu.. Sự phân liệt trong làng văn về vai trò của văn nghệ, một đàng muốn văn nghệ được «vị văn nghệ», một bên muốn đem văn nghệ mà phụng sự nhân sanh, đã nhen nhúm từ đó. Bị đả kích, Phan Văn Hùm cũng cảm thấy khó chịu nên trích một câu của một nhà tư tưởng Tây phương mà in to lên mặt báo . «Mỗi lượt tôi được kẻ phú hào khen tôi, tôi liền chợt tỉnh, xét nét tôi đã có lầm lỗi gì ?» Và để chối từ thứ «văn chương phú hào», Phan Văn Hùm tổ chức một cuộc thi «văn chương bình dân», mà người dự thi bắt buộc phải là bình dân lao động.

Trong lúc ấy, phong trào thơ mới xuất hiện. Phan văn Hùm vốn là một tay cự phách của loại thơ cũ, lắm bài thơ «tám câu năm vần» đã được thanh niên học nằm lòng mà tụng như kinh nhựt tụng. Tôi còn nhớ, trong cái khám chật hẹp nhốt tôi ở bót Catinat, có một cô bị muỗi

đốt quá ngủ không được, nên bắt những con muỗi no máu mà làm bút viết lên vách một bài thơ, rồi ký tên : «Do một thôn nữ chép lại». Tôi thấy thơ có lắm câu hay nên nhớ, và khi đương ngồi viết, tôi ngâm nga :

Xã hội ngày nay lắm bất bình,
Kêu sao cho thấu hỡi trời xanh ?
Xây lầu mà ở chòi tranh nát,
Dệt lụa lại không mảnh áo lành.
Kẻ trí cướp công người dốt nát,
Đứa ngu thêm sức bọn khôn lanh.
Chừng nào thiên hạ hay mình khổ.
Muôn việc lôi thôi tức khắc thành,

Nghe tôi ngâm xong, Hùm hỏi :

— Bài thơ nầy của tôi, bởi hai câu chót dở quá, nên tôi không đọc cho anh nghe, tại sao anh lại thuộc ?

Tôi mới thuật lại trường hợp tôi thấy nó trên vách bót, do máu của một thôn nữ lấy viết lên vách. Hùm lắc đầu nói :

— Kinh tế khủng hoảng trầm trọng, thiên hạ đã hay mình khổ từ lâu rồi. Mà muôn việc lôi thôi có thành đâu ?

Tuy là tay thi bá trong lối thơ cũ, song Phan Văn Hùm binh vực nhiệt liệt thơ mới, và nâng đỡ một nhà thơ phụ nữ, tên thiệt là Nguyễn Thị Kiêm. Có lẽ cô này có một cái tên không có chữ Ê, thì tên mới phải là tên con gái. Cô chọn bút hiệu là Manh Manh, có lẽ do câu con nít hát vần lân :

Con chim manh manh,
Nó đậu cây chanh,
Em vác miểng sành,
Em liệng chết giãy.

Em làm bảy mâm,
Cho ông một mâm
Cho bà một mâm,
Bà hỏi chim gì ?
Em thưa : manh manh,
Nó đậu cây chanh,
Em vác miểng sành...

Hùm rất thích bài hát nầy, và rất tiếc chẳng có nhạc sĩ phổ thành một bài nhạc nhịp nhàng, cho con nít vừa nhảy vừa hát. Thuở ấy, tuy có thơ mới, mà chưa có tân nhạc. Nơi bộ biên tập, Hùm hay hát bài hát chim manh manh nầy. Chánh trào phúng hỏi : «Bộ anh mê thi sĩ Manh Manh sao ?» Hùm không đáp. Nhưng trong số báo, Hùm chơi chữ viết một câu làm cho cả làng báo cười mê mệt. Hùm khai thác việc người Nam phát âm chữ tờ ở cuối và chữ kép không phân biệt nên viết : «Nguyễn Thị kiêm thân ái đích đồng nghiệp» là một câu hành văn theo Hán văn. Nhưng đọc lên khiến cho ai nấy phải cười xòa. Tôi kể chuyện nầy, để cho thế hệ nầy hình dung được con người Phan Văn Hùm ra thế nào. Bề ngoài đạo mạo, đoan trang lắm. Nhưng trào phúng ngầm và trào phúng duyên dáng và chua cay.

Báo Đồng Nai ra đời, chẳng bao lâu trở nên là một «trung tâm văn hóa». Tuy nha báo chí không ưa gì, song, cũng phải nhìn nhận rằng nhóm tí hon nầy là tiêu biểu đội «tiền quân» của văn hóa lúc ấy. Một nhà xã hội học người Bỉ, đã mấy năm đi bộ vòng quanh thế giới để nghiên cứu ở mọi địa phương, người ta dùng biện pháp đặc thù nào để đánh dấu thời gian, đến Nha Giáo dục và Báo chí để xin giới thiệu những nhà thông thái trong

xứ hầu nhờ dìu dắt trong công việc nầy, thì mấy ông tây thực dân bứt đầu bứt cổ, rồi khuyên đến hỏi nhóm Đồng Nai, họa may mới có chút manh mối. Lại một cô nhân chủng học người Pháp, muốn nghiên cứu về phong trào «tân Phật Giáo», đến Saigòn, hỏi khắp nơi mà chưa được thỏa mãn, rồi cũng được chánh quyền thực dân chỉ đến nhóm Đồng Nai.

Về việc sau nầy, cũng nên nhắc lại sự hợp tác của một nhà sư lúc ấy trứ danh ở Việt-nam, là sư Thiện Chiếu, có đăng trong Đồng Nai bài « Vì sao tôi cám ơn đạo Phật» ? Những lý lẽ, Thiện Chiếu đã trình bày rành rọt trong bài báo rồi. Còn cơ duyên nào lại có chuyện cám ơn nầy, tôi cần kể lại đây, trước là để sám hối cái tội đã làm mất của chùa một cao tăng, và vì vậy, tôi phải ngày nay cạo đầu để trả lại cho Phật một cán bộ, sau nữa là để ghi một sự kiện, nếu tôi chẳng nói ra, đâu còn nhơn chứng nào khác.

Số là trước đó lối một năm, sau khi tôi đăng bài trên báo Công Luận phê bình quyển *Tôn giáo* của Nguyễn An Ninh, thì Lê Văn Thử kêu tôi rủ :

— Tường à, có một nhà sư tài lắm. Mầy vô thuyết phục cho ổng theo đi.

Lúc ấy, Thử còn theo Staline, tôi đứng hẳn bên cánh Trotsky. Nhưng mà Thử nghĩ rằng, dầu sau nầy Thiện Chiếu có ngã theo bên nào, cũng là phái Mác-xít hướng. Hai đứa cởi xe đạp, đi vào chùa Hưng Long, là nơi mà Thiện Chiếu đương ở. Thử giới thiệu tôi là một người muốn tìm chơn lý, còn thắc mắc đôi điều, đến xin chỉ giáo, trước khi qui y. Câu chuyện kéo dài chung quanh vấn đề Phật là « y vương ». Lập luận của tôi là Phật

rời bỏ ngai vàng để tìm cách cứu đời. Ba vấn đề trọng đại, về tương quan của con người với vũ trụ, với xã hội, thì Phật giáo chưa giải đáp, chỉ có vấn đề chữa tâm bịnh thì Phật giáo đề cập đến. Vậy câu giải đáp của Phật giáo đối với mọi vấn đề xã hội ra thế nào?

Không ngờ là sau khi chúng tôi vào tù, Thiện Chiếu không tìm được câu giải đáp. Khi nghe chúng tôi chạy tiền ra báo, Thiện Chiếu nhắn đến rồi dắt đi giới thiệu một nữ đệ tử góp ba trăm đồng bạc để cùng tìm lời đáp cho câu hỏi đã đặt ra. Lúc ấy, lúa ở miền Tây bán không đến hai cắt một giạ, thì tính theo bây giờ, cũng là triệu bạc. Từ ấy, Thiện Chiếu đi luôn trên đường tranh đấu, Năm 1943, tôi thấy bóng lấp ló nơi một phòng của ngục Côn-lôn, và nay chẳng nghe tin còn mất thế nào?

Không nên quên một cộng sự viên danh tiếng lẫy lừng là Nguyễn An Ninh lúc ấy gởi đến báo một loạt bài về một triết gia Đức là Nietzche. Ninh là người Việt đầu tiên đọc Nietzche và say mê triết gia nầy.

Chẳng bao lâu, từ Huế vào một cây viết tên tuổi là Đào Duy Anh, đã làm giám đốc một tùng thư là Quan Hải Tùng Thơ, và nhà xuất bản này đang phát hành bộ *Hán Việt Tự Điển*, sau nầy rất được hoan nghinh, và tái bản gần chục lần. Đào Duy Anh thú nhận rằng từ điển nầy chưa bị ai phê bình, mà chính bài phê bình độc nhứt của báo Đồng Nai làm cho sau nầy ắt sẽ không cho tái bản. Năm 1945, tôi có gặp lại Đào Duy Anh ở Hà-nội, và đề nghị cho tái bản từ điển nầy. Chính là Đào Duy Anh dựa vào những lời phê bình của báo

Đồng Nai mà từ chối. Tôi được Đào Duy Anh kết làm bạn thân nhờ cơ hội nầy.

Ảnh hưởng của nhóm lan rộng về bề sâu rất nhiều, mặc dầu bề rộng rất chậm chạp. Tuy vậy, nhà cầm quyền thực dân sợ quá Sợ e bao nhiêu bộ óc ưu tú sẽ quần tụ chung quanh, rồi nhơn một dịp nào, quần chúng bu chung quanh đen nghẹt. thì là một lực lượng đáng sợ. Chúng tôi lại dùng một bề ngoài rất ôn hòa mềm mỏng, khó mà ngang nhiên đóng cửa. Mật thám bèn cho giấy phép một tờ báo, tên là *Dzân* cho tên khiêu khích Võ Khắc Thiệu, cứ theo ra mặt khiêu khích Đồng Nai, rồi chánh phủ ra lịnh cấm cả hai tờ báo một lượt, để « tránh những việc choảng nhau ». Sau nầy khi phong trào kháng chiến bùng lên, dân chúng ngoài Trung đã thủ tiêu tên Việt gian nầy. Hắn chẳng để lại một chút cảm tình trong lòng dân tộc. Nhưng tôi có bổn phận ghi lại cho hậu thế chút công mọn của hắn, để an ủi vong hồn của tên ngạ quỉ nầy hiện nay có lẽ còn ở chốn A Tỳ địa ngục. Gọi là rưới chút vui tươi. Khi ấy, ở Hà-nội, nhóm Phong Hóa do Nguyễn Tường Tam lãnh đạo vừa điển hình một anh « Lý Toét » để bêu xấu những hủ tục miền Bắc, nên Võ Khắc Thiệu có điển hình một anh « Xã Xệ » để bêu xấu những hủ tục miền Nam. Hình dung anh Xã ăn mập thây, mặt ngu si, đầu chỉ có một sợi tóc quăn xoáy lên là con đẻ của Võ Khắc Thiệu. Và Xã Xệ cũng nối gót của cha nó và ông nội nó là thực dân mà chết luôn với sự thức tỉnh của dân tộc.

CHƯƠNG BẢY

Báo La Lutte

Mặc dầu trong thiên hồi ký nầy, tôi chỉ muốn ghi lại chỉ những ký ức về đời sống ký giả, nhứt là tôi muốn tránh nhắc đến những hoạt động chánh trị, song từ năm 1934 đến 1939, tôi không thể nào không nói đến những hoạt động nầy Đã đành những hoạt động nầy thảy đều mượn lốt nghề báo, thì độc giả có thể tha thứ cho một phần nào. Nhưng mà có lắm sự việc xảy ra trong giai đoạn nầy, nếu không có lời tôi soi vào, ắt chẳng ai thấu nổi. Và mọi người, nhứt là các sử gia, ắt thắc mắc mãi mà không tìm ra manh mối. Cả những người đương cuộc và nắm đầy đủ hồi sơ về vụ nầy, là Quốc tế cộng sản, mà tài liệu còn lưu trữ ở Moscou.

Để chứng minh việc chẳng đặng đừng kể trên, độc giả hãy cho phép tôi lùi lại trên thời gian cả ba mươi lăm năm, mà thuật một việc thật đã xảy ra tại Paris năm 1968 và 1969. Năm ấy, với tư cách là dân biểu muốn quan sát bối cảnh của hòa hội Ba-lê, tôi đến thủ đô nầy. Và nhơn một chuyến đi, tôi đến viếng một số nhà văn, học giả, ký giả, mà năm 1957, đã đáp lời gọi của A.Camus, ký tên phản đối bản án tử hình mà Ngô Đình Diệm vừa mới tròng lên đầu tôi. Khi gặp J.Lacouture, tôi có vạch chỉ lắm thố ngộ của sử gia nầy về Hồ Chí Minh, trong tác phẩm mà J.Lacouture đã viết về lãnh đạo cộng sản miền Bắc, với tấm lòng góp ánh sáng của sự thật cho sử học. Và khi gặp Ph.Devillers, cũng do động cơ ấy, tôi cũng chỉ những điều mà sử gia nầy đã viết sai trong quyển sử về Việt-nam. Không phải để khoe khoang chi, song để chỉnh

những điều thố ngộ, mong rằng sau mà có tái bản, thì mong các bạn học giả ấy điều chỉnh lại.

Mấy hôm sau, có người gõ cửa tự giới thiệu rồi trình bày danh thiếp của một số học giả quen gởi gấm người cầm thiệp cho tôi. Và người nầy là một giáo sư thạc sĩ, đương dạy sử tại Lýcée Rollin, và đương khảo cứu đề trình luận án thi tiến sĩ, và cũng đương kiêm làm phụ giảng tại Đại Học Sorbonne. Tên của giáo sư nầy là Hémery, và nói cho tôi biết mục đích của cuộc viếng tôi :

— Hiện nay, người ấy nói, tôi đã nghiên cứu nhiều năm về báo Lutte, vì đề án thi tiến sĩ của tôi như thế nầy : «Năm 1934 là năm mà hai phong trào Staline và Trotsky, sau cuộc thất bại ở Đức, chống đối nhau kịch liệt đến những biện pháp đẫm máu với nhau, và không thể nào chung sống trong một tổ chức. Khắp thế giới đều chung cái hiện tượng ấy, thì tại làm sao mà riêng ở Việt-nam, hai phái thù nghịch ấy lại hợp tác cùng nhau trong nhóm xuất bản tờ La Lutte ?». Các sử gia đều chịu thua mà giải đáp không nổi. Tôi đã đọc tất cả tài liệu nào thuộc về giai đoạn đó, tôi cũng chẳng thấy được một dòng nào giúp cho tôi trả lời. Trong số người, thuở ấy có gần gũi đến sự thành lập tờ La Lutte, còn sống lại, chỉ còn Nguyễn Văn Tạo và ông. Tôi có hy vọng chót là phỏng vấn hai ông. Họa may mới tìm ra ánh sáng. . Và tôi cũng chia cái hy vọng nầy với hai học giả Ph. Devillers và J. Lacouture.

Trong suốt mười một tháng mà tôi lưu lại Ba-lê, mỗi tuần tôi tiếp Hémery trọn buổi sáng, để giúp cho học giả nầy tìm ánh sáng trong vấn đề rất âm u nầy của lịch sử Việt-nam. Tôi kể việc nầy với hai mục đích. Mục

đích thứ nhứt là để cho thanh niên so sánh mình với các học giả nước ngoài. Chuyện của nhóm La Lutte mà phải là «chuyện ông chuyện cha» gì của họ, mà họ nghiên cứu kỹ càng như vậy ? Còn chuyện này, quan hệ cả lịch sử dân tộc sao các học giả mình chẳng quan tâm ? Mục đích thứ hai là để cho thấy phương pháp làm việc của học giả xứ người, chẳng nệ sách, chẳng bắt buộc phải dẫn chứng tờ a tờ b gì, và cũng chẳng kỳ thị những kẻ không bằng cấp, không « chuyên môn ». Đối với người ta, chơn lý tự nó là chơn lý rồi chớ không phải mặc áo nầy áo kia mới được nhận là chơn lý.

Việc xuất bản bốn số đầu của báo La Lutte, ra báo báo cương, để cổ động cho sổ lao động ra tranh cử nghị viên Hội đồng thành phố Sài gòn, tôi đã nói rồi. Không có gì là khó hiểu cả. Nhưng việc tái bản tờ La Lutte, năm 1934, thì quả là một việc nát óc cho sử gia. Suốt ba mươi lăm năm, họ moi mãi mà chẳng ra, đọc bao nhiêu hồ sơ cũng chẳng thấy hé chút tia sáng. Tôi tin rằng ngay những người đương cuộc, cũng chỉ hiểu và biết một phần mà thôi. Và người đương cuộc, đối với việc nầy, ví chẳng khác một đám người bị bịt mắt, mà sờ con voi, mỗi người biết được bộ phận mà mình đã rờ, ngoài ra, chỉ ngoại suy, rờ trúng cái chơn, thì cho đó là một cây cột, rờ được đuôi, thì cho là cây chổi, rờ tai thì bảo rằng quạt, rờ vòi, thì cho là sợi dây to. Tôi dùng hình dung của một con voi mà miêu tả một « quái thai lịch sử » là việc hợp tác hai phái Staline và Trotsky tử thù, có thể ví như sự hợp tác của lửa với nước.

Ba mươi lăm năm qua, tôi vẫn muốn kéo một cái màn lần quên mà che luôn cái quái thai nầy. Bởi năm

1945, những người trong cuộc thanh toán nhau chẳng còn sót ai của bên thất thế. Do một tình cờ, mà tôi đứng ra ngoài trước, nên thân sống hãy còn. Tuy thân sống còn, nhưng tôi cho rằng trong chín năm sống trong mê ly đồ của chủ nghĩa Mác Xít, bước vào thì giữa năm 1930, bước ra cũng giữa năm 1939, là một cơn ác mộng, cá nhân không còn nhìn vào, bởi nhìn vào chẳng có gì hãnh diện cả. Chính là tâm trạng nầy đã làm cho tôi quá lưỡng lự. Nhưng mà con người khoa học đã thắng. Và con người khoa học trong tôi, bao lần chống đối sự kiêu hãnh của bọn xuất thân các Đại học Âu Mỹ, về xứ khoác văn bằng lên người để đóng vai « học phiệt, nhưng chẳng qua là nhái lại những bài đã học thuộc lòng mà thôi, nên khinh rẻ những sự thật chẳng tờ a tờ b », nên tôi mượn cơ hội mà « trả thù » với bọn « học phiệt » ấy. Nên tôi chấp nhận mà quay lại cuốn phim đã xảy ra, từ cuối năm 1933, đến mùa thu năm 1934.

Khi cho ra tờ Đồng Nai, thì chúng tôi thuê một căn lầu nằm nơi đường Lagrandière, nay là đường Gia Long. Khúc đường nầy có duyên nợ với chúng tôi, nhứt là dãy lầu mà cầu thang có một căn hẹp thụt vào trong, nơi từng trệt. Gia đình tôi ở văn phòng. Vài tuần sau, văn phòng dời xuống từng dưới, lại trọ chung nơi văn phòng của Trịnh Hưng Ngẫu, lúc ấy kẹt trong khám vì một vụ có súng dấu trong nhà. Đến khi báo Đồng Nai đình bản, thì tôi lại dời vào đường Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là Phát Diệm) và đóng nơi một dãy phố hai mươi căn, chỉ có một căn chúng tôi ở mà thôi. Thất nghiệp không có tiền, ở đó gần trọn năm mà chỉ đóng tiền phố có một tháng để có chìa khóa rồi từ đó ở

ì, mà chủ phố cũng chẳng đuổi làm chi. Ngoài việc khỏi đóng tiền phố, tôi còn được cái lợi thứ hai là hễ mật thám đến rình rập, thì biết ngay, vì cả con đường hẻm dài mút mắt, chỉ có dãy phố tôi, mà dãy phố tôi lại chỉ có căn của tôi là có người. Làm như vậy đề cho các thám tử buộc lòng gác nơi đầu hẻm mà chẳng chường mặt vào làm gì.

Thuở đó khủng bố dữ dội lắm. Những tay hoạt động phần nhiều đều « xộ khám » rồi ra Côn-lôn Một số rất ít chưa bị bắt, thì trốn chui trốn nhủi, ló đến nhà quen nào thì bị đuổi như đuổi kẻ mang vi trùng dịch hạch đến nhà. Còn nói gì những kẻ có tiếng, như Nguyễn An Ninh ?

Khi báo Đồng Nai ra đời, đặt văn phòng tại nhà của Trịnh Hưng Ngẫu, thì Nguyễn An Ninh cũng treo một tấm bảng đồng trước cửa, quảng cáo cho nghề «luật sư cố vấn» của mình. Mật thám sợ hãi, không biết Ninh cố vấn luật pháp, hay cố vấn cho thanh niên dấn thân vào đường tranh đấu cách mạng, nên xúi luật sư đoàn kiện Ninh hành nghề trái phép, không đi qua cái truông của luật sư đoàn minh định. Ninh cãi rằng mình không làm luật sư thứ hiệu con nai, mà chỉ «cố vấn» mà thôi. Song công lý bao giờ cũng ở theo phía mạnh, nhứt là kẻ mạnh đương cầm quyền chánh trị. Và tòa bắt buộc Ninh gỡ bản, và xử lần đầu Ninh chìm xuồng, bởi chưa có tiền lệ về luật sư cố vấn. Song từ đó, cái nghề luật sư cố vấn mất luôn trên đất nầy.

Buồn tình, Ninh cỡi xe đạp đi la cà khắp đó đây đề tìm người nói chuyện bớt cô đơn. Đến nhà quen, thì

hoặc họ đương đi làm việc, hoặc họ sợ hãi mà cung kính đuổi như đuổi tà. Nên Ninh thường ghé nhà tôi mà tâm sự.

Từ khi tôi biết Ninh, cho đến Ninh chết tại Côn-lôn năm 1943, suốt mười ba năm, tôi thấy hẳn Ninh là một nhà ái quốc có tư tưởng xã hội. Tuyệt nhiên, Ninh không có gì là cộng sản cả. Đối với những vấn đề quốc nội, lập trường của Ninh là như vậy, mà khi phê bình thời cuộc quốc tế, thì tư tưởng của Ninh lại có nhiều điềm gần với phái Trotsky hơn là với phái Staline. Còn đối với những giao thiệp cá nhân, thì cảm tình của Ninh có lẽ thiên bên một số bên phái Trotsky, mà Ninh cho rằng có một nền văn hóa vững chắc.

Nhưng mà sánh với tất cả trong nhóm, Ninh là một đàn anh có một ngôi sao sáng chói hơn tất cả trên bình diện dư luận quốc tế. Từ năm 1921, Ninh đã cùng với những nhà trí thức tiền phong của nước Pháp, đầu cắt tóc dài, như lấy búa mà chặt ngon lành chấn một nhát ngay nơi ót, cổ đeo nơ buộc chùm gọi là Lavallière, tung đầy ngực, ôm sách của Gide đương làm mê say thanh niên là Les nourritures terrestres mà cuốc bộ trên vỉa hè đường xóm La-tinh, đi mỏi chơn thì chun vào một quán bình dân mà lập những kế hoạch chọc trời khuấy nước, xuất bản tạp chí Cách Mạng, tung hô phong trào văn nghệ tiền phong. Sau này, đám bè bạn của Ninh trở nên những ngôi sao sáng của nghệ thuật và văn chương của kinh đô ánh sáng, và kinh đô ánh sáng đương được muôn người quay mắt nhìn về, thì mặc dầu về đất u ám Nam-kỳ, song tên tuổi của Ninh vẫn được nhắc nhở

luôn. Nếu Ninh là một người theo cộng sản, thờ phụng quốc tế chủ nghĩa, thì Ninh sẽ cũng như bao nhiêu người khác mà có một vai trò đặc biệt trong một bộ máy quốc tế nào đó. Nhưng mà Ninh nặng tình dân tộc, chỉ muốn ở lại xứ mà phụng sự cho đồng bào. Và xem những bè bạn cũ của mình ở xóm La-tinh như là những thuận tiện giúp cho đường lối dân tộc của mình thôi.

Đến nhà tôi tâm sự rất thường, Ninh khám phá được con người tôi. Bề ngoài được án tòa xác nhận, tôi là kẻ đã sáng lập phong trào Trotsky ở xứ này, lúc ấy lấy tên là Tả Đối Lập. Ninh cũng biết rằng tôi là nhà lý thuyết của phái này ở Đông-dương, và thật sự chỉ huy cả tổ chức của phái này, nắm giựt dây dọi cho tất cả những người đồng môn phái, như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm... Nhưng mà con người của tôi, tôi lúc ấy Ninh thấy rõ, lại chỉ có một lớp sơn Mác-xít, mặt dầu rất dày phết bên ngoài. Còn trong tận đáy lòng, thì tôi cũng như Ninh, tôi là người ái quốc hơn là một người Mác-xít. Ninh lại biết thêm một cái nết của tôi, là chẳng hề khuất phục bất cứ trước uy quyền nào cả. Và trong Đệ tứ quốc tế vừa thành lập, tôi đã có lần tranh biện với lãnh tụ tối cao là Trotsky. Và khi tranh biện này, lập trường của tôi lại gần đường lối dân tộc hơn là quốc tế chủ nghĩa. Một cái nết khác, là không khi nào tôi đặt quyền lợi đảng phái trên dân tộc, và mỗi khi cần, thì tôi ép đoàn thể tôi phải hy sanh cho quyền lợi dân tộc.

Nhờ tới lui tâm sự, mà Ninh hiểu tôi rõ hơn. Rồi từ lý đến tình, và từ tình đến ý. Một hôm, Ninh hỏi :

— Hiện nay, tất cả các phong trào cách mạng bị

khủng bố dữ dội, cán bộ sợ hãi, quần chúng kinh khủng, mầy nghĩ có cách nào để cứu vãn tình thế, giúp cho phong trào hồi dương chăng ?

— Phong trào ta ví như một bịnh ngặt, gần hấp hối, chỉ còn thoi thóp ít hơi thở. Cần phải tiếp máu. Cần điều hòa tất cả mọi cơ quan trong cơ thể, thì trị bịnh được.

— Việc tiếp máu mà mầy nói phải chăng là một viện trợ tích cực từ ngoài đưa vào chăng ?

— Đúng vậy. Nhưng mà khi tiếp máu, thì phải đưa vào huyết quản, chớ không phải không có phương pháp Tôi nói rõ hơn. Hiện nay, từ ngoài đưa vào, không có tổ chức nào khác hơn là Quốc tế cộng sản. Mà họ theo đường lối cũ, thì cải tổ làm băng hoại thêm đảng của họ mà thôi. Đảng của họ ví như một mụt thối ung, rưới máu vào sẽ làm cho ung thúi hơn nữa.

Tôi mới kể chuyện Trần Quốc Mại len lỏi sang được Moscou, nằm ở cơ quan đầu não của việc gởi cán bộ huấn luyện xong về xứ, nên các tổ chức mới, vừa dựng xong, thảy đều sa lưới mật thám. Rồi tôi phân tích sự kinh khủng của nhơn dân, cán bộ đến, thì họ đuổi như đuổi tà, mà đảng cộng sản cứ khư khư dùng những hình thức cũ xưa để tranh đấu, thì càng cho đảng bị cô lập, Và tôi kết luận rằng, nếu Moscou mà muốn nâng đỡ phong trào của họ, trước họ phải nâng đỡ phong trào toàn bộ của nhân dân. Những phân tích của tôi làm cho Ninh rất hài lòng. Và Ninh cho biết :

— Tao cho mầy hay một việc. Sau khi đảng cộng sản bị chà bẹp, các lãnh tụ sa lưới đưa ra tòa kết án

nặng nề, thì ở Pháp có tổ chức một ban vận động xin ân xá cho họ. Trong ban nầy, chủ động là đảng cộng sản Pháp. Phong trào này sẽ gởi đến đây một phái đoàn. Tao nhờ quen biết nhiều ở Pháp, nên họ tin cậy, nhờ tao hướng dẫn phái đoàn ấy, mà tao nghi rằng sẽ gồm hầu hết là cộng sản. Bề ngoài, họ sẽ có những mục đích công khai để làm bình phong. Nhưng bên trong chắc chắn rằng họ có mưu đồ nghiên cứu kế hoạch để phục hưng sanh hoạt của họ. Mầy nghĩ có nên tương kế tựu kế, lấy phương tiện khổng lồ của Moscou để đẩy phong trào chung của nhân dân Việt-nam chăng ?

— Việc họ qua để khôi phục sanh hoạt cho đảng họ là một việc không thể tránh được. Mật thám bao giờ cũng nghi trước rồi và đề phòng. Chưa chắc kế hoạch của họ được chu đáo. Bằng cớ, là từ bao giờ, những cán bộ họ gởi về hoạt động thảy đều bị mật thám chụp trọn ổ. Vấn đề của anh ra sao, thì tôi không biết. Còn vấn đề của tôi là khai thác nhu cầu của họ, để thực hiện mưu định của mình. Nhiều lần tôi đã nói với anh rằng mưu định của tôi khác hẳn với chiến lược chính thống của mọi tổ chức cách mạng ở đây. Kể cả đường lối của phái Trotsky chủ trương trên bình diện quốc tế. Đế quốc là toàn một khối mạnh mẽ. Đem sức của một đoàn thể mà chọi lại chúng nó, thì mình gãy xương ngay. Cần phải tổ hợp tất cả lực lượng chống đối lại đế quốc, họa may mới vạch được lối thoát. Về sách thuật, tôi cũng cho rằng những hình thức tranh đấu cũ xưa chỉ giúp cho mật thám dễ bắt và tòa án dễ kết tội nặng, nên quần chúng xa lánh mình. Mình cần chủ trương một hình

thức tranh đấu bề ngoài thấy không có ảnh hưởng gì, mới xem dường như xem một trò chơi. Ví như một trận đá banh trên bãi cỏ, mà kẻ đi ngang qua ghé mắt nhìn chẳng thấy hiểm nguy gì cả.

Vốn ra đời bằng cách bước lên sân khấu chánh trị theo ngõ làng báo, rồi có một lúc, rời nghề ký giả mà bắt chước thiên hạ len lỏi theo tổ chức bí mật, đã nếm đủ mùi hoạt động rồi. Tôi rút kinh nghiệm bản thân của anh ra mà phân tích.

— Hiện nay, bởi khủng bố quá nặng nề, mà đại chúng dan ra xa vòng tranh đấu. Trận banh mà tôi quan niệm, có thể là một kíp ký giả thiện nghệ, một hội tuyển tài ba, gom toàn lực của dân tộc mà chọn kẻ lỗi lạc ra đối chọi lại thực dân, công chúng không cần đến đứng quanh mà nhìn, mà sợ mật thám biết mặt. Nằm nhà mua báo đọc, cũng thưởng thức những pha hay. Mình mà chơi hay, xem hào hứng, rồi cái can đảm chánh trị sẽ lần lần trở lại. Quần chúng mà thiếu cái can đảm chánh trị, thì đừng có nói chuyện tranh đấu với họ.

Nguyễn An Ninh chấp nhận kế hoạch rằng dễ áp-dụng :

— Một tờ báo như vậy tất nhiên phải dùng hình thức một tờ báo Pháp ngữ. Viên quản lý, thì có ông già Ganofsky. Tiền bạc, mình có thể thuyết phục cho Nga đài thọ, xuyên qua đảng cộng sản Pháp. Gần đây, phái đoàn sẽ đến. Tất nhiên họ sẽ hỏi ý kiến của tao. Tao mà khuyên, thì họ sẽ chịu liền. Vấn đề tiền bạc không thành là một vấn đề. Khó khăn là nhóm ký giả, cái kíp nhảy ra đấu banh trên bãi cỏ. Vì không tìm ra đâu cho có đủ.

Tuần sau, Ninh trở lại cho tôi hay rằng chính thức, một phái đoàn sắp đến với G. Péri, dân biểu cộng sản là trưởng phái đoàn, phái viên có Barthel, tổng thơ ký của hội Cứu Tế Đỏ, và một đại diện của Tổng Công Hội Thống Nhất. Phái đoàn đã chánh thức nhờ Nguyễn An Ninh đại diện, hướng dẫn và thông ngôn trong mọi giao thiệp. Ninh hỏi tôi :

— Mầy vẫn nuôi trong lòng cái mộng không tưởng của mầy, là tuyển một ê kíp tài ba, để chống lại bộ máy của thực dân chăng ?

Tôi đáp với một giọng nửa trào phúng, nửa thi vị :

— Anh khi nào đuổi khỏi mộng anh một nàng đẹp khác hơn là anh lấy nàng ấy rồi ? Mộng ấy là mộng đẹp của tôi. Nó chỉ rời lòng tôi khi nào tôi thực hiện nó xong.

— Nàng đẹp ấy của mầy, tao sắp gả nó cho mầy. Nhưng phải chịu cực lắm bậu ơi.

— Tôi cam cực khổ. Con người có ăn được chỉ nhờ mồ hôi trán của mình.

Ninh nói rõ mọi chi tiết về phái đoàn từ Paris gởi sang, xong, Ninh nói :

— Khi mà họ đến, chẳng kẻ khác xen vào nghe, thì họ sẽ không khỏi hỏi tao bằng cách nào mà dựng sống lại đảng cộng sản vừa bị trảm quyết. Tao sẽ trình bày đầy đủ chi tiết của kế hoạch của tao. Rất hợp lý, không ai bác bỏ nổi. Tuy nhiên, kế hoạch này trước khi được đem ra thực hiện, phải được sự chấp thuận của đảng cộng sản Pháp và cả Quốc tế nữa. Họ sẽ hỏi ý kiến của Nguyễn Văn Tạo, bởi vì Tạo là ủy viên trung ương của đảng cộng sản Pháp. Tao thì chắc rằng Tạo không thể đưa ý kiến trái

ngược lại. ngược với một sự hiển nhiên.

Tôi đã đoán được kế hoạch của Ninh rồi, vì hai anh em đã bàn qua nhiều lần. Nhưng để chọc chơi, tôi hỏi :

— Kế hoạch anh ra sao ?

— Viên tổng tư lịnh không hề khi nào đưa cả kế hoạch của mình cho các tướng phụ trách những sách thuật cục bộ. Mày mà muốn tham gia, thì tao đưa cho mầy cái kế hoạch sách thuật và cục bộ của mầy. Mầy phải thi hành nó, hoàn tất và đứng đắn. Một sự lầm lẫn nhỏ sẽ lôi kéo đến sự thất bại. Mầy biết sự thất bại ở Waterloo chớ ? Mầy tính sao ?

— Thì ít nữa, tôi cũng phải biết cái phần của kế-hoạch sắp giao cho tôi chớ !

Ninh không nói. Nhưng vài hôm sau, Thử đến nhà nhờ tôi viết cho những tài liệu bằng tiếng Pháp, về kinh tế nông nghiệp, về cuộc khủng hoảng kinh tế, về phong trào nông dân, về sự đàn áp, v.v... Viết bằng tiếng Pháp Nội cái chi tiết viết bằng tiếng Pháp, là tôi đã hiểu để dùng về việc gì. Tôi từ chối lấy lệ. Nhưng cũng hoàn-tất công việc cho Thử.

Vài tháng sau, phái đoàn đến Sàigòn. Nhờ sự du thuyết khôn khéo của Nguyễn An Ninh, ý kiến thành lập một tờ báo công khai bằng tiếng Pháp được chấp nhận. Và số vốn cần thiết, được từ bên Pháp gởi sang, là giao thẳng cho riêng Ninh.

Cái khó là bộ biên tập. Chẳng có sự đồng lõa của chúng tôi, thì không làm sao có cái quái thai trong lịch sử, là sự hợp tác chặt chẽ giữa hai phái Staline và Trotsky, Ở khắp nơi, thì tử thù và dùng chánh sách máu

sắt mà thanh toán lẫn nhau, nhưng ở Việt-nam lại như mèo chuột sống chung chuồng, mà bậu bạn.

Cần phải giải thích cái quái thai ấy, thì ngày nay, độc giả mới quan niệm được sự quan trọng của nó trong phong trào. Khi mọi việc đều xong xuôi, đến vấn đề chót mà khó khăn nhứt, là bộ biên tập, được đặt ra. Thì bên phái Staline, chường mặt ra mà làm việc, không có ai lãnh trách nhiệm được. Nguyễn Văn Tạo thì viết được những bài ngắn. Văn nói của Tạo thì lôi cuốn, nhưng văn viết bằng tiếng Pháp, thú thật không quyến rũ độc giả. Lúc ấy, Dương Bạch Mai chưa vào nhóm được. Mà có vào, thì Mai lại sử dụng cây viết còn vụng về hơn Tạo. Chẳng lẽ một mình Nguyễn An Ninh lại bao sân ? Mà làm như vậy, té ra là Nguyễn An Ninh đã trở thành đảng viên của đảng cộng sản hay sao ? Nên Ninh đề nghị mở rộng sự hợp tác, bất cứ ai chống đối thực dân, thì có thể vào. Và mặt trận rộng rãi như vậy, thì Ninh mới tham gia vào được. Và trong thực tế, mới có một bộ biên tập có những cây viết cừ bởi vì đám Trotsky rành viết lách bằng tiếng Pháp.

Khi mới nghe Ninh đề nghị như vậy, thì phái đoàn cộng sản dẫy nẩy phản đối. Bảo rằng họ làm như vậy, họ sẽ bị Quốc tế cộng sản khai trừ nhau. Lịnh của Staline là lịnh sắt thép, không cho một ai hợp tác với bọn Trotsky cả.

Ninh cãi lại rằng nếu không dùng bọn Trotsky trong bộ biên tập, thì kế hoạch ra báo công khai lúc đó kể như là hỏng hoàn toàn rồi. Đứng trước bế tắc, phái đoàn cộng sản chẳng biết tính làm sao. Ninh thấy sự lưỡng-lự ấy bồi thêm một đòn lý luận :

— Chúng nó lèo tèo vài tên trí thức, bị mật thám theo dõi, không đi vào quần chúng mà tổ chức gì được cả. Dùng cái tài viết của chúng mà làm bình phong. Ví chúng nó như những quả chanh, vắt hết nước, thì ném bỏ. Ví chúng nó như những chiếc đò, để qua sông trong lúc nầy, qua đến bến thì bỏ đi.

— Nhưng mà, Péri đáp, ngay chúng tôi cũng không dám mở miệng mà đề nghị lên thượng cấp một kế hoạch như vậy.

— Tôi nào có bảo mấy anh đề nghị như vậy ? Tôi nhờ mấy anh phúc trình lên cơ quan lãnh đạo các anh, rằng tôi đây, là Nguyễn An Ninh, tôi đề nghị kế hoạch ấy, với lập luận mà tôi vừa nói. Và các anh chỉ có bổn-phận báo cáo trung thực công tác của phái đoàn các anh mà thôi. Nếu có bị trách cứ, thì trả lời rằng chuyện sao, thì báo cáo đầy đủ chi tiết, không dám giấu giếm điều gì.

— Chắc gì bọn Trotsky dám cãi lịnh thượng cấp của chúng nó mà tham gia vào bộ biên tập của một tờ báo công khai như vậy ?

— Tôi đã có được sự thỏa thuận của thằng nắm trọn quyền lãnh đạo — sự thỏa thuận rất bảo đảm — của chúng nó trong xứ. Mà cái nết của thằng đó, chưa dễ áp lực của ở ngoài mà nó nhượng bộ đâu. Nó chấp nhận, thì tất cả phải theo. Dầu có không đồng ý, thì cũng phải nương theo một thời gian, để chờ áp lực từ bên ngoài tới. Mà mình chỉ có bấy nhiêu đó. Chỉ lên đò mà qua sông thôi.

Tài du thuyết của Ninh quả nhiên đem lại kết quả.

Trường tư thục trung học Lycéum Paul Doumer vừa mở cửa. Phan Văn Hùm được chọn dạy Việt văn, tôi được giao cho dạy khoa học. Hai chúng tôi thuê nhà ở quanh chợ Hòa Bình chỗ gần trường. Một buổi chiều được anh em cho mời hội. Không một ai hiểu rõ nguyên do của buổi hợp này. Nguyễn An Ninh vào đề ngay :

— Có một vị Mạnh Thường Quân giao cho tôi một số tiền mọn, muốn mình cho ra lại báo La Lutte, với một lập trường chánh trị rất rộng rãi. Bất cứ ai chống đối bất công, áp bức của chế độ thực dân và tệ đoan di sản của quá khứ, không phân biệt chánh kiến cá nhân và đường lối đảng phái đều có thể tham gia vào. Điều kiện duy nhứt là quay mũi dùi chống đối phương chung, nên không được, trong phạm vi của tờ báo, chỉ trích lẫn nhau. Nên tôi hỏi ý anh em. Ai bằng lòng, thì cá nhân mình tham gia vào. Không đại diện cho bất cứ cái gì ở phía sau lưng mình cả. Trong buổi tiếp xúc đầu tiên nầy, có thể không chấp nhận ngày nào mà mình xét rằng bất lợi cho công cuộc chung, thì cứ nói ra. Ai mà không bằng lòng, thì rút lui.

Tôi đoán rằng Ninh đã được từ bên kia xa xăm chấp nhận đề nghị, và Nguyễn Văn Tạo đã nhận chỉ thị Nên tôi xin nói trước :

— Cá nhân tôi, tôi xin tham gia, với điều kiện là có ai thắc mắc gì hãy cho tôi biết ngay bây giờ.

— Tôi cũng như Tường, Tạo nối lời.

Ba anh em thuộc phái Trotsky là Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh và Phan Văn Hùm nhìn Tạ Thu Thâu. Thâu suy nghĩ một khắc, đáp :

— Tôi cũng tham gia.

Bước khó khăn đã qua, là giải quyết được hai mũi dùi đương chọi nhau. Khi mà khó khăn nầy giải quyết xong, thì bước vào đường thi hành, tức là mở rộng sự hợp tác. Lúc ấy, Lê Văn Thử còn dính với phái Staline, tôi cảm thấy bên phía Trotsky có đến năm người, tôi đề nghị ghi thêm Lê văn Thử vảo. Tuy Thử không viết tiếng Pháp thông thạo, xong mọi công việc bên trong và chạy bận bên ngoài, Thử lại rất giỏi. Thêm được Thử cánh của Tạo chỉ có hai. Tôi nhắc điều đó. Ninh đề nghị mời thêm Trịnh Hưng Ngẫu, Trần Văn Thạch, và chọn thêm một người không thiên bên Đệ tứ Trần Văn Luông được chọn đề làm thơ ký làm đủ thứ chuyện trong nội bộ.

Thế là đầu tháng Mười năm 1934, báo La Lutte tái bản, đánh số 5 và đề là «năm thứ hai», với Ganofsky làm quản lý, và in tại nhà in của một thực dân hạng to, tại đường Catinat, nay là Tự Do, nhà in Ardin. Trên mặt báo, chỉ có ba cái quảng cáo «nhà». Một cái to là của Fabrinat 108 đường Lagrandière, xéo xéo nhà báo, đặt tại cầu thang của dãy phố lầu, số 99 tức là nhà bán chiếu của vợ chồng Tạ Thu Thâu. Cái quảng cáo thứ hai, nhỏ bằng phân nửa cái trước rao bán sách Le francais correct của Trần Văn Thạch, năm cắc một cuốn. Và cái quảng cáo chót bé tí teo rao bán dầu cù là hiệu An Ninh, chuyên trị bá chứng.

Dựng xong tờ báo, Ninh tìm cách thoát ra đi, cỡi xe đạp với một cặp đầy cù là mà bán khắp nơi, «đề kiếm tiền nuôi vợ con, nên không rảnh mà viết». Nhưng mật thám

Pháp đâu có tin như vậy. Ninh đi tới đâu, thì dân bu theo đó «đề mua dầu cù là» có thứ cù là thiệt thì thoa xức ngoài da. Và dân chúng muốn thứ cù là kia đề xức những vết thương lòng, do chế độ thực dân gây nên.

Báo La Lutte ra được ba số, thì Trịnh Hưng Ngẫu tuyên bố ly khai, viện lý do rằng mình là một chiến sĩ anarcho - syndicaliste, không chấp nhận thiểu số phục tùng đa số. Ở xứ ta, xưa nay không có người nào theo chủ nghĩa vô chánh phủ nầy, còn ở Âu-châu môn đệ Bakounine khá đông, và phần nhiều hoạt động trong nghiệp đoàn và chống đối lại sự «chánh trị hóa» các nghiệp đoàn,

Rồi cũng chẳng bao lâu, Huỳnh Văn Phương rời Sài-gòn, ra Hà-nội mà tiếp tục học luật. Số là khi ở Paris, Huỳnh Văn Phương đã học gần xong cử nhơn luật. Chỉ còn một tháng nữa là thi. Nhưng bởi biểu tình, bị bắt, mà Phương bị trục xuất về, hoạt động cách mạng luôn. Lúc ấy, Phương có người anh rể, tên là Lê Thành Tường, làm thơ ký đặc biệt cho Khâm sứ Châtel, đương cai trị ngoài Bắc. Tường òn ỉ với Châtel rằng, nếu cho Phương tiếp tục học năm thứ ba, rồi thi, nếu đậu, thì ra làm luật sư, Phương sẽ bị tư bản hóa, rồi hủ hóa. Chớ bây giờ, đề Phương dân chẳng ra dân, làng chẳng ra làng Phương thành một thứ «vô sản trí thức», thì Phương sẽ đi luôn trong con đường cách mạng. Gẫm ra chủ trương chánh sách «chiêu hồi», Ngô Đình Nhu hãy còn một đấng tiên phong, là Lê Thành Tường vậy.

Báo ra vài số, tôi cảm thấy Nguyễn Văn Tạo không được vui, lắm khi tỏ ra buồn chán. Thâu can dỗ hết lời. Tôi nghĩ rằng Tạo buồn vì trong La Lutte, Tạo thấy

mình cô đơn, nên tự tôi nín êm, không viết bài một lúc để cho có một «quân bình». Chưa đủ, tôi thừa có Nguyễn Văn Nguyễn ở Côn-lôn mới về, tôi giới thiệu vào viết loạt bài về tình trạng chính trị phạm tại Côn-đảo. Nhưng vẫn thấy cán cân còn chênh lệch.

Đầu năm 1935, mùa bầu cử Nghị viên Hội Đồng Quản Hạt sắp đến. Bấy giờ, nhóm La Lutte hội ngày hội đêm, Nguyễn An Ninh bỏ việc bán dầu cù là, về tham gia vào cuộc sanh hoạt. Có đêm thức sáng đêm để bàn cãi, đi lót lòng, rồi trở lại bàn cãi. Vấn đề là nên hay chăng đưa ứng cử viên tranh cử ? Và đưa ứng cử viên ra tranh cử, thì nhắm vào mục đích nào, khi mà thuở ấy, cử tri toàn là đại điền chủ, đại thương gia, hay học phái có bằng díp lôm sắp lên. Nên nhớ rằng thuở ấy, dân mình thường hơn hai mươi tuổi, mới thi bằng nầy, kể ra trong thực tế, học hành công phu hơn là học tú tài bây giờ. Thái độ chung, sau cuộc bàn cãi sôi nổi, là nhóm chỉ đưa hai liên danh ra tranh cử ở hai quận miền Đông, trong khi mà toàn Nam-kỳ có năm quận Lý do là không đủ ứng cử viên, không đủ cán bộ, và không đủ tài chánh Mỗi liên danh phải có ba ứng cử viên. Nguyên tắc đặt ra là phải có quân bình giữa hai phái Đệ tam và Đệ tứ mỗi bên đưa ra ba ứng cử viên. Điều kiện được nhận làm ứng cử viên là phải hơn 25 tuổi, đóng thuế trên một chừng nào đó, hay là có bằng cấp trên bực díp lôm Bên Đệ tam chỉ đưa ra được hai ứng cử viên, là Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn Văn Nguyễn. Do đó mà nhóm phải mở cửa mà đón rước thêm vào Dương Bạch Mai. Bên Đệ tứ nhân nhượng chịu lép, đưa ra Phan

Văn Hùm, Hồ Hữu Tường (mặc dầu thiếu điều kiện tuổi tác, chưa đầy 25), và một người đứng giữa là Trần Thạch.

Cuộc tranh cử tổ chức có qui mô lắm. Bản tuyên ngôn do Tạ Thu Thâu và Hồ Hữu Tường hợp thảo, đăng trên La Lutte để lấy lệ. Nhưng mà truyền đơn in thật nhiều, cử tri cũng phát. Nông dân thợ thuyền không cử tri lại càng phát nhiều hơn, cho họ «đọc cho đã». Tiếng «đọc cho đã» là do mấy anh nông dân nói. Họ bảo rằng, truyền đơn cộng sản in xương xoa, lén đọc «ở tù thấy mẹ» mà đâu có hay bằng ? Nên mỗi anh phát cho một tờ, họ xin thêm năm mười tờ, để cho bà con đọc cho đã. Chính là Nguyễn An Ninh ngồi xe cùng ba ứng cử viên Phan Văn Hùm, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Nguyễn, một chiếc xe mới, máy mạnh mà chạy phăng phăng, sau lưng có ba chiếc xe mật thám hộ tống đi rải truyền đơn không đâu không len vào.

Bọn thực dân chẳng dè chúng tôi dám hành động mạnh đến liều mình. Liên danh quận II, với Nguyễn Văn Tạo đứng đầu sổ, Trần Văn Thạch và Dương Bạch Mai, thì hội đủ điều kiện, nên được chấp nhận ứng cử. Liên danh quận I với Phan Văn Hùm đứng đầu sổ, thì mắc phải Hồ Hữu Tường còn thiếu tuổi, chẳng được chấp nhận, nhưng chúng tôi cứ dán bích chương đầy vách, phát truyền đơn khắp nơi. Chúng chỉ có nước cho lính đi xé bích chương và tống trát cho làng xã ra đi thâu truyền đơn lại. Nhưng mà trát ấy chỉ quảng cáo cho thiên hạ tìm truyền đơn mà đọc cho biết, chẳng ai nạp truyền đơn cho làng và khai rằng vì sợ quá, nên đã đốt hết.

Chẳng biết làm sao, bọn thực dân chỉ có nước ra lịnh cho mấy nơi bỏ phiếu kể là những lá thăm bỏ cho liên danh tôi là không giá trị. Nhưng mà chúng tôi không cần, bởi vì mục đích chánh là lợi dụng những tự do được ban bố trong thời gian tranh cử để tha hồ mà tuyên truyền, thì điều đó chúng tôi hoàn toàn thỏa mãn.

Trong năm nầy, tôi tuy không trực tiếp viết vào báo Việt ngữ và ký tên, nhưng cũng gián tiếp có vai trò. Năm ấy là năm mà Phan Văn Hùm dạy Việt ngữ tại trường trung học tư Lycéum Paul Doumer. Danh tiếng của Hùm lẫy lừng trên văn đàn nên nhiều báo nhờ viết bài. Lại cũng do đó, mà Hùm trở nên cái đích để cho thiên hạ khai chiến. Tôi nhớ năm ấy có ba cuộc bút chiến rất sôi nổi. Cuộc bút chiến thứ nhứt xảy trên lập trường triết học. Một bên là Phan Văn Hùm, còn bên kia, có rất đông người, mà tôi không nhớ lại là ai. Đề tài tranh biện là : Duy tâm hay là duy vật ? Sau nầy, ở Huế có Hải Triều xông vào bên cạnh Phan Văn Hùm, và Hải Triều có góp những bài của mình mà đăng trong một tác phẩm lấy đề tài đó làm tên. Cuộc bút chiến thứ hai xảy ra trên địa hạt văn nghệ. Nhơn Nguyễn Công Hoan, một tiểu thuyết gia ở Hà Nội vừa cho ra một tiểu thuyết, nói cho đúng hơn là một tập truyện ngắn, lấy tên là *Kép Tư Bền*. Dư luận các nhà phê bình chia thành hai phe. Phái khuynh tả thì khen, cho rằng đó là một công trình «nghệ thuật vị nhân sinh». Phái chê lại đứng trên quan điểm «nghệ thuật vị nghệ thuật» mà chỉ trích. Ban đầu còn bàn về tiểu thuyết ấy. Riết rồi thiên hạ bỏ hẳn tác phẩm nầy, mà bàn cãi về hai lập trường khác biệt của nghệ thuật.

Trong cả xứ, chẳng ai dè tôi là con nhà học toán, mà có những ý kiến về những địa hạt này, nên chẳng ai kêu đích danh tôi ra mà khêu chiến. Còn Phan Văn Hùm bị gọi đích danh luôn luôn.

Trong cuộc tranh biện thứ nhứt về triết học, Phan Văn Hùm là một người đã học triết có căn bản, thỉnh thoảng hỏi tôi một vài ý kiến lặt vặt mà thôi. Đến cuộc tranh biện thứ hai về nghệ thuật, thì tôi bị làm cố vấn nhiều hơn. Nhưng dầu sao, vai trò chủ động cũng là Phan Văn Hùm. Và đối phương thua tơi bời trong hai cuộc bút chiến ấy.

Thua me, gầy sòng bài cào dễ gỡ. Phan Khôi viết trong báo Công Luận, kêu đích danh Phan Văn Hùm mà khêu chiến trên địa hạt xã hội học. Lập luận của Phan Khôi là danh từ «phong kiến» tức là việc phong tước và kiến địa, chỉ có bên Tàu vào thời Xuân Thu và Chiến Quốc, trước khi nhà Tần qui nhất thống, định xa thơ. Chế độ «phong kiến» xuất hiện ở Âu-châu vào thời Trung cổ. Còn ở Việt-nam, việc phong tước chỉ là một việc «hàm» mà không có thực chất. Còn việc kiến địa thì chẳng có bao giờ. Vậy những người thiên tả chủ trương việc «chống phong kiến» là làm một việc bắt chước vô ý thức. Nên Phan Khôi kêu đích danh Phan Văn Hùm trả lời. Báo hại Phan Văn Hùm lúng túng, bởi vì Hùm không có học xã hội học và kinh tế học. Hùm trao gánh nặng cho tôi. Nhưng đã bị gọi đích danh, mà chạy, thì mất thể diện, nên hai anh em thuận ý, bài thì tôi viết, Hùm gọt lại cho có vẻ là văn của Hùm, rồi gởi đến nhà báo, với chữ ký của «cọp Đồng Nai».

CHƯƠNG TÁM

Báo bí mật cuối cùng : Thường Trực Cách Mạng

Từ khi ra tù tháng V năm 1933, đi đâu thì bị mật thám theo bén gót, thêm bị một cái án treo nhủng nhẳng trên đầu ba năm tù thiếu chịu, tôi kể là dứt nợ phong trần với nghiệp làm báo bí mật. Nhưng mà lòng người muốn vậy, mà trời có cho nào. Khổng Minh ngày xưa đã than câu ấy một lần, nay thế sự bắt buộc tôi phải nhớ lại.

Trong tờ báo La Lutte, bài viết phần nhiều là Tạ Thu Thâu và Trần Văn Thạch, ngoài ra là những cộng sự lai rai. Phan Văn Chánh mỗi tuần góp một bài bình luận về tin tức quốc tế. Nguyễn Văn Tạo phỏng theo tin tức các cuộc tranh đấu thợ thuyền mà viết lại bằng tiếng Pháp. Nguyễn An Ninh chạy phăng phăng trên chiếc xe đạp, khắp nẻo đường đất nước «để bán dầu cù là Ân Ninh» cả ngày, đến tối dừng chơn nơi một nhà quen, thiên hạ bu chung quanh mà nghe Ninh giải thích những bài vở được đăng trong số rồi. Bởi báo viết bằng tiếng Tây, mà người đọc không được lại rất nhiều, thêm Ninh có biệt tài diễn tả rất bình dân. Đây không phải là một quyển sách viết về Nguyễn An Ninh, nên chẳng cần theo trật tự của thời gian, mà đi trước mấy năm để kể một giai thoại, ai nghe cũng phải cười như nghe một câu chuyện «tiếu lâm», để chứng minh cái tài phổ thông tư tưởng.

Năm ấy là năm 1939. Chiến tranh Âu-châu vừa bùng nổ, thực dân vơ vét hết những người có tư tưởng khuynh

tả, từ lãnh tụ đến người có cảm tình, có những em 16, 17 tuổi nữa. Nhốt đầy hai khám 5 và 6 ở Khám lớn, hơn hai trăm. Đệ tam, Đệ tứ, quốc gia gì, dồn xà ngầu chật cứng. Vào khám, cuộc tranh chấp giữa Đệ tam, Đệ tứ ngoài đời sôi nổi, nay dồn ép lại, càng sôi nổi hơn. Giữa hai bữa cơm, họ tụ hội lại mà tranh biện coi đường lối cách mạng nào là đúng. Tuy nhiên, những lý thuyết xa xuôi, những nhận định thâm viễn không làm sao mà những người nông dân phân biện đâu là phải, đâu là trái. Nhứt là mấy anh nhỏ tuổi, chỉ ngồi ngáp chảy nước mắt mà trân mình, chẳng hiểu cho. Nguyễn An Ninh đứng ngoài cuộc tranh biện, vì Ninh là người quốc gia có tư tưởng xã hội, nên chẳng theo Đệ nào cả.

Thấy mấy thanh niên buồn chán, Ninh khều họ lại một góc, kêu Hồ Hữu Tường lại «chứng minh», và nói với họ rằng :

— Qua thấy mấy em nghe chánh trị, mà chẳng hiểu, qua thương hại nên nói chuyện này cho mấy em nghe, chắc là thích nghe hơn là nghe chánh trị. Mà qua có nói sai, thì có thằng Tường đây, gần thi nhạc sĩ toán học, một nhà khoa học cừ, em cứ hỏi nó thì biết.

Hơn cả chục thanh niên chăm chú nghe Ninh nói với giọng rất đạo mạo của một đại lãnh tụ, chẳng hề nhích mép cười :

— Mấy em còn nhỏ, chưa biết vợ con. Thế nào ra đời rồi cũng phải cưới vợ. Vậy để qua dạy cho em học làm chồng có lẽ có lợi ích hơn là học làm cách mạng với mấy anh đó, nói cái gì mà mấy em không hiểu. Đây qua hỏi các em vậy chớ l... có mấy lỗ ? Đừng có cười chớ ! Các em

làng chàng, không học bài học căn bản nầy, rủi làm bậy vợ nó chết thì làm sao?

Mấy cậu thanh niên ngơ ngác nhìn nhau, thì Ninh dạy:

— L... có ba lỗ, một lỗ để đái, một lỗ để đẻ, và một lỗ để đ... Các em phải thuộc cái đó, bằng không thì không được đa.

Bọn trẻ cười lăn, nhưng cũng nghe Ninh kết luận:

— Ừ thì Đệ tam một lỗ, Đệ tứ một lỗ, và con đường dân tộc cũng một lỗ. Các em làng chàng, đi sai đường, thì không khác nào cưới vợ mà đ... sai lỗ vậy.

Nhưng rồi Ninh thêm một câu làm cho ai khó tánh đến đâu cũng phải phục tài tỉ dụ của Ninh:

— Ừ thì các em cứ cười cho đã đi, rồi nghe qua nói một câu nầy. Tất cả con trai cưới vợ, nào để nhìn nó đái? Nhà nghèo, thêm sợ nó đẻ. Chỉ cưới vợ vì cái chuyện vợ chồng mà thôi. Thì Đệ tam hay Đệ tứ gì thì cũng ví như đái và đẻ. Chớ toàn dân thảy đều muốn cuộc cách mạng dân tộc, giải phóng dân tộc mình khỏi gông cùm ngoại bang. Có phải vậy không?

Nhờ ví dụ hay như vậy, mà Ninh chinh phục ngay những thanh niên ít học. Chính là nhờ cái tài phổ thông tư tưởng đó, mà Ninh được tất cả anh em thuận tình để đi bán cù là. Bởi vì, đã dành Ninh viết tiếng Pháp cừ lắm, nhưng chỉ phụng sự cho một thiểu số có học rành tiếng Pháp. Chớ mà Ninh đi bán dầu cù là, thì tư tưởng của Ninh, và cả nhóm mới thâm nhập vào đại chúng.

Bởi Ninh đi bán cù là, mà công việc thường vụ của nhóm mất người đại diện cho đường lối quốc gia, cán cân vẫn nghiêng nặng về bên Đệ tứ. Muốn cho giữ

được quân bình, tôi «rút dù êm thắm» không viết bài, chỉ góp ý mà thôi. Bởi vì chánh thức đại diện và lãnh đạo cho Đệ tứ ở xứ nầy là Hồ Hữu Tường, vì lúc bấy giờ, Tạ Thu Thâu chưa công khai chọn lập trường (Đến tháng bảy 1937 Thâu, mới công khai công bố rằng mình đứng hẳn bên Đệ tứ). Và muốn cho vai trò cầm cân thì chúng tôi muốn phải có một người, vai trò nầy mới cụ thể Nguyễn Văn Số bấy giờ là đệ tử trung kiên của Nguyễn An Ninh được mời vào nhóm.

Với bao nhiêu đặc biệt cẩn thận dè dặt như vậy, cũng không tránh được ảnh hưởng cá nhân của Thâu lấn áp ảnh hưởng các người khác. Những thanh niên có Tây học, mà đọc báo La Lutte một thời gian rồi, tự nhiên đến văn phòng mà tìm cách làm quen. Một số muốn dấn thân, theo hỏi lý thuyết, rồi lịch sử, và cũng không tránh khỏi về những thắc mắc tại sao có sự phân biệt Đệ tam và Đệ tứ v.v. Bên trong, Thâu nghiêng về Đệ tứ, nhưng ở cương vị làm lãnh đạo cho cả nhóm công khai nầy, Thâu kẹt rất nhiều. Đã trót hứa rằng cơ quan là cơ quan chung của hai ba xu hướng, chẳng lẽ Thâu lại khai thác riêng cho xu hướng riêng của mình. Còn riêng trong phái Đệ tứ, Thâu không phải là thủ lãnh e huấn luyện có lệch đường, thì sẽ bị chỉ trích. Nên những thanh niên ấy, Thâu dùng hết cho tôi, tùy nghi mà dẫn dắt. Có người thì để ở giai đoạn cảm tình viên, ai có khả năng hoạt động công khai, thì làm việc công khai, ai có khả năng làm việc bán công khai, thì giao cho công việc bán công khai, ai có khả năng hoạt động bí mật, thì dạy cho kỹ thuật làm công tác bí mật.

Trong hạng sau nầy, có Trịnh Văn Lầu, nay đã chết sau khi lui tới với tôi vài lần, thì mất dạng trong một thời gian khá dài. Đầu năm 1936, Lầu trở lại gặp tôi, hỏi về viễn đồ của phong trào cách mạng Việt-nam trong tương quan đối với những biến cố thế giới.

Thuở ấy, Việt-nam là một thuộc địa của Pháp. Nam-kỳ chánh thức trực thuộc Trung và Bắc, trên giấy tờ là «được bảo hộ» song trong thật sự, bị hai cái ách chồng chất lên, ách đô hộ của thực dân và ách phong kiến của Nam triều, nên bị giày xéo nghiệt ngã hơn. Chung qui, vận mạng của nước ta đều do «chánh quốc» định đoạt cả. Mà trong lúc ấy, nước Pháp gặp một cơn khủng hoảng chánh trị trầm trọng. Đầu năm 1934, đảng «hỏa thập tự» của đại tá De La Rocque biểu tình tại Paris, đe dọa đảo chánh. Một tuần lễ sau, các phái khuynh tả, trước hiểm họa bị bọn nầy tận diệt, nên phản biểu tình mãnh liệt, rồi từ đó, bắt đầu liên kết nhau và năm 1935, tổ chức nhau lại thành Mặt Trận Bình Dân, liên minh nhau mà tranh cử.

Cuộc bầu cử vào Hạ viện Pháp tổ chức vào tháng VI năm 1936. Lầu hỏi tôi đầu năm ấy. Tôi suy luận mà đáp :

— Sáu tháng nữa đây, ở Pháp sẽ có cuộc bầu cử Dân biểu Hạ nghị viện. Mặt Trận Bình Dân, theo những tin tức mà tôi thâu nhận được, sẽ thắng thăm một cách rạng rỡ. Ở Pháp, sẽ có hai loại biến cố vĩ đại. Biến cố thứ nhứt xảy ra từ lòng đáy của phong trào thợ thuyền. Bởi từ nhiều năm qua, những yêu sách của họ không được thỏa mãn, thì nhơn cuộc thắng thăm, tinh thần của lao động sẽ hăng hái lên, tức là sẽ có một cuộc nổi dậy

vĩ đại, tức là những lượn sóng đầu của phong trào cách mạng. Biến cố thứ hai là do cái trò chơi dân chủ ở Pháp. Những đảng thắng thăm sẽ tổ chức chánh quyền, tức là đưa thủ tướng ra lập nội các. Hai biến cố ấy sẽ ảnh hưởng to tát đến thời cuộc ở Việt-nam, nếu ta biết đón phong trào ấy mà khai thác nó.

— Khai thác bằng cách nào ? Lầu hỏi.

— Hành động chánh trị tất phải rành về tâm lý, nhứt là tâm lý quần chúng. Quần chúng ở xứ ta tin tưởng, tôi không nói rằng đúng hay sai, rằng bọn thực dân ở xứ ta làm trời làm đất bởi vì ở bên Pháp phe chúng nó cầm quyền che chở thưởng lệ chúng nó. Nay ở Pháp có một chánh phủ thiên tả, thì quần chúng ở đây tin tưởng rằng chánh phủ ấy sẽ «bồ bịch» với quần chúng lao khổ ở xứ nầy. Và khi ở Ph p thêm có một phong trào tranh đấu của lao động nữa. Như vậy sự thắng thăm to tát của Mặt Trận Bình Dân sẽ đem lại một sự thay đổi vĩ đại trong tâm hồn của dân chúng xứ nầy. Họ sẽ hết sợ sệt mật thám, công an, họ sẽ tin rằng mấy thằng thực dân sẽ co đầu rút cổ. Nghĩa là họ tin rằng nhờ Mặt Trận Bình Dân ở Pháp thắng, mà họ cũng «bất chiến tự nhiên thành». Rồi do đó mà họ sẽ dạn dĩ «thừa thắng xông lên». Muốn khai thác sự thắng thăm của Mặt Trận Bình Dân, thì ta phải đưa ra một kế hoạch thích nghi và khoa học để khai thác cái tâm lý «thừa thắng xông lên» đó.

— Anh nói rõ chi tiết đi.

— Phàm là tâm lý quần chúng, thì không phải xảy ra cùng một lượt. Nếu lấy tính xác suất (calcul des pro-

babilités) ra mà nghiên cứu, thì cái quá trình thay đổi tâm lý ấy có thể vẽ ra một đồ thị hình cái chuông úp. Trước khi có phong trào, là một tối thiểu số ý thức được việc nầy và dám dấn thân. Nhưng mà họ ý thức việc nầy nhờ dự tưởng, nhờ suy luận chuyện bây giờ, để mà dự đoán việc xảy đến. Số người này gọi là người giác ngộ. Thời cuộc tiến gần đến, thì số người này gia tăng lên rất mau chóng. Đến khi sự việc xảy ra đúng như dự liệu. thì cả thảy mới tin. Tuy vậy không phải cùng một lượt, và cũng kẻ trước người sao, làm cho cái lằn của đồ thị sụt dần trở xuống, mà có hình cái chuông úp. Nóc cái chuông nầy cao hay thấp là tùy nơi sự hoạt động của những phần tử tiền phong giác ngộ. Và tùy theo cái sự cao thấp của cái nóc nầy, mà ta mới tính sẽ làm nồi cái gì. Bởi vì hành động mà thành công, cần thiết là là phải có một số nào đó hưởng ứng. Thiếu số ấy, hành động thất bại.

Tôi còn cắt nghĩa thêm nhiều chi tiết về phương thức làm việc. Nghe xong Lầu năn nỉ :

— Anh làm ơn viết tất cả điều vừa nói, và giải thích thêm cho cặn kẽ, thành những luận cương rành mạch để cho tôi học kỹ lưỡng.

Tôi thấy Lầu tha thiết, chịu khó viết một xấp dày, tuần sau giao cho. Và dặn đọc kỹ, học nằm lòng rồi, thì đốt đi. Đừng để dấu tích.

Lầu biến đi mất. Ba tháng sau, Lầu đem lại cho tôi một tờ tạp chí, in bằng chữ in hẳn hòi nhan đề là Thường Trực Cách Mạng.

Tập hồi ký nầy, lòng tôi muốn gạt bỏ tất cả những

rườm rà thuộc về chánh trị, để chỉ nói đến cạnh khía «làm báo» mà thôi. Nhưng mà đối với tạp chí nầy, không thể làm được như vậy. Mà tôi không thể nhận chìm tuốt luốt tất cả giai đoạn nầy. Âu là tôi bỏ qua tất cả phần chánh trị, mặc dầu quan trọng đến đâu, mà chỉ giữ một vài chấm phá, để nhắc lại bầu không khí.

Trong cả giai đoạn tiền chiến tranh, tạp chí Thường Trực Cách Mạng là tờ báo duy nhứt in trong xứ bằng chữ in. Thuở ấy thành phố Saigon còn nhỏ, mật thám đông, khủng bố khít khao, một cây kim cũng qua không lọt, thì in như vậy thật là một mầu nhiệm. Khi mà sở mật thám mấy tháng sau, có được một số, thì dửng dưng không biết làm sao. Công việc đầu tiên là lùng tất cả nhà in, để dò xét có nhà in nào đồng lỏa. Vả lại công việc nầy rất dễ. Mỗi nhà in mật thám đều đặt sẵn người giả làm thợ. Chủ nhà in nào cũng bị con ma sợ nó theo dõi. Thì làm sao có nhà in nào dám in ẩu ?

Sau sự thất bại đó, sở mật thám đi đến cái kết luận rằng, đây là một nhà in bí mật, do tụi Đệ tứ tổ chức. Nhà in nầy đặt ở đâu ? to bực nào ? chẳng có dấu chi. Họ bèn bỏ cái đường ấy mà đi một ngả khác để phăng tới. Trong lúc chưa đến kết quả, thì họ khui lại kho ký ức, để tìm coi những nhà in bí mật đã tổ chức ra làm sao. Sẵn Trotsky là một lãnh tụ ở Nga thì họ nghĩ rằng ở Việt-nam bọn nầy chắc rút kinh nghiệm nước Nga mà tổ chức nhà in nầy.

Nguyên hồi Nga hoàng, mật thám khủng bố bọn cách mạng dữ dội. Đảng Bôn-sê-vích, cần tổ chức một cái nhà in bí mật, bèn đến sang một hiệu bán trái cây

sang cho khách sang, có xe đưa tới nhà trong những hộp giấy bọc cực kỳ trang nhã. Hiệu trái cây nầy lại nằm ngay trước bót cảnh sát lớn, trên một con đường sang trọng. Sang được hiệu trái cây, họ bèn đưa tới đó «làm chủ» cả một ê kíp cán bộ trung kiên, và giữ kỷ luật sắt, là không được giao thiệp với bất cứ ai bên ngoài. Điều kiện phòng mật xong xuôi, họ mới khởi sự làm một cái hầm bí mật, chỗ vào nghi trang rất cẩn thận, nếu chẳng ai chỉ, thì không sao người ngoài biết mà tìm. Để khoét đất đào hầm, họ cẩn thận không cho rơi một miếng nhỏ chung quanh, bao nhiêu đất, gạch, cát, vôi, đều phong gói cẩn thận, vô hộp, đưa vào xe, dường như những hộp trái cây quí mà chở đi giao cho khách hàng. Và những khách hàng nầy mới có trách nhiệm đem những hộp đất đó mà thủ tiêu cho chẳng còn dấu vít. Hầm xây bằng xi măng cốt sắt. Thì vật liệu chở đến nghi trang dưới những giỏ trái cây. Và thợ cũng là những người đến sẵn đó, mà chẳng được quyền ra khỏi tiệm. Hầm xây xong, mới chở máy móc nhà in, mọi dụng cụ cần thiết, giấy mực. Những người đến làm việc nơi nhà in nầy chỉ được đến, mà chẳng được bước ra ngoài, hay giao thiệp với bất cứ ai, dầu là bằng thơ. Chỉ có bà chủ, vài cô bán hàng và phu xe vận tải «trái cây» mới được ra về. Những tài liệu in xong, mới phong gói cẩn thận, bỏ vào hộp đẹp, rồi chở giao cho khách hàng. Và những khách hàng nầy cũng chẳng biết những trái cây kỳ dị nầy từ đâu đưa đến. Và chỉ có phận sự «tiêu thụ» ém nhẹm mà thôi. Nhà in nầy tổ chức chu đáo như vậy, nên sở mật thám Nga hoàng không làm sao tìm ra tông tích. Mãi

khi cách mạng thành công, đảng cho phép nhân dân đến viếng chứng tích lịch sử nầy, thiên hạ mới biết.

Mấy tay mật thám thực dân có đọc tài liệu nầy, óc tưởng tượng châm thêm nghĩ rằng cái nhà in bí mật nầy sẽ góp những kinh nghiệm mới mà tổ chức còn hay hơn nữa. Đến chừng bắt được cơ quan lãnh đạo, tra tấn họ chịu không nổi, bắt dẫn đến bắt cái nhà in bí mật, thì mới bỗ ngửa.

Nguyên trước đó, có anh thợ nhà in có cảm tình với phong trào. Nhưng anh bị ho lao nặng, bác sĩ khuyên nên để ở riêng, kẻo lây cả nhà. Cha mẹ anh mới cất cho anh một cái chòi lá, đủ che nắng che mưa, giữa ruộng, cách chợ Thị Nghè độ năm trăm thước, trên bờ rạch nhỏ chạy dọc theo đường xe điền. Ai đi xe điễn, ngồi trên xe, thấy chòi cô lập, coi bộ nghèo sơ, chẳng để ý làm gì. Mấy cán bộ khảo cứu «địa hình» và yếu tố «nhân hòa» rất thuận lợi, bèn mở chiến dịch tuyên truyền :

— Thế nào mầy cũng chết. Thà chết mà để chút danh gì với núi sông.

Hắn ta chấp nhận lấy chòi ấy mà mở cơ quan ấn loát. Thường ngày, trong nhà cho người mang cơm tới. Bấy giờ đoàn thể mới đưa một nữ đồng chí đến, đóng vai trò có chút tình, nay đến tình nguyện nuôi người yêu trước khi nhắm mắt. Có người, bây giờ phải lo tới việc máy móc. Không thể nói tới việc mua. Vì thuở ấy từ chữ in, máy in, mọi thứ thảy đều phải mua tận bên Tây. Mà mua bên Tây, tức là phải đi ngang qua sự kiềm soát của cảnh sát. Không mua được, mà muốn có, tất phải ăn cắp. Mà đâu phải dễ. Những nhà in, vô ra, thảy đều bị xét

túi. Phải tổ chức cho cả một cái nghiệp đoàn thợ in (lúc đó cũng tổ chức bí mật nữa) tham gia vào cuộc ăn cắp tập thể nầy. Mỗi anh công nhân tham gia vào kế hoạch, (lấy cớ là ăn cắp để đem bán lại cho nhà in chữ, dường hụt một số chữ nào đó mà thôi, để lấy tiền gây quỹ cho nghiệp đoàn) chỉ phụ trách ăn cắp chỉ có một thứ chữ. Gói lại cột chắc, rồi nhét vào ống túp xe đạp, nơi cái ghi đông. Mãn giờ làm, thì đẩy xe đạp ra, không có tên gác nào để ý mà xét ghi đông xe cả. Chữ in ăn cắp như vậy, chỉ có vài hôm là đầy mấy hộc, dư dùng. Máy móc không cần. Hễ xếp xong, thì cột chắc lại, lăn mực lên, đặt giấy lên mà vỗ.

Công phu tuy nhiều, song hai người làm, thì mỗi tháng ra một số tạp chí mấy mươi trang. Còn mật thám, dò xét mãi không tìm ra nhà in ở đâu, đành kết luận rằng tạp chí Thường Trực Cách Mạng in ở xứ ngoài và chở về bí mật bằng những đường tàu. Chúng có dè đâu nhờ làm quen tay, mà họ in khéo chẳng ai biết là bản vỗ.

Đến khi ở Pháp, bầu cử vừa có tin Mặt Trận Bình Dân thắng thăm vẻ vang thì liền ngày sau, có truyền đơn in rải khắp Saigon, để kêu gọi hưởng ứng, «thừa thắng xông lên». Bấy giờ mật thám mới lượm truyền đơn nầy, so sánh chữ lại, thấy do một lò sản xuất. Và chúng kết luận rằng nhà in nầy phải đặt quanh Saigon mới phản ứng mau lẹ như vậy được. Sở mật thám mới «tổng động viên» mà ráp bố tất cả những người tình nghi là thân Đệ tứ, xét nhà có người giữ tạp chí Thường Trực Cách Mạng tra tấn thẳng tay, hỏi ai đưa cho, rồi phăng lần ra manh mối khi đến cái chòi lá mà bắt thì may, cô «nhân tình» lại

đi chợ, mà khỏi bị bắt. Đến khi bao nhiêu tang vật gom đem về hết tại bót Catinat tức là sở mật thám bấy giờ bọn thực dân mới ngạc nhiên.

Tạp chí nầy báo hại tôi phải trở vào tù non một tháng. Nhờ tổ chức nói láo tinh vi và khôn khéo không khác nào cái nhà in, mà khỏi án. Không vậy, chắc chắn là phải ở ít lắm là năm năm tù về cái tội mới, và thêm ba năm tù treo còn thiếu chịu, chưa hết thời hạn năm năm, mà án tự nhiên tiêu đi.

Tôi thấy cần nhắc lại giai đoạn làm báo bí mật nầy, mặc dầu trong ấy tôi chỉ viết một bài dài, in trọn một số tạp chí. Bởi vì đây là bài báo chót mà tôi viết cho báo chí bí mật. Sau đó, đoàn thể cho ra rất nhiều tờ báo bí mật. Nhưng tôi không viết bài nào. Lý do thứ hai là một tờ báo in chữ in, trong lịch sử báo chí bí mật, thì chỉ có tờ đó mà thôi. Mà tổ chức công phu không nhiều, vốn liếng kể như là không bao nhiêu cả. Dường như là trò con nít làm chơi, như là trẻ nhỏ ở nhà quê «chơi nhà chòi» Thế mà ảnh hưởng khôn lường nổi. Được như vậy chẳng qua là nhờ sáng kiến của quần chúng mà thôi.

Tôi nhấn mạnh vào chi tiết nầy, để cho tất cả rút kinh nghiệm. Ý kiến của những nhà lãnh đạo trí thức là cần rồi. Nhưng mà những sáng kiến bất ngờ của đại chúng lắm khi là vô giá.

CHƯƠNG CHÍN

Đông-dương đại hội

Vào khám non một tháng, tôi được miễn cứu, mặc dầu trong thực tế, việc bỏ tù tôi có thể thành sự thật. Nhưng mà nhờ «nói láo có tổ chức» mà luật pháp phải chấp nhận thả tôi ra.

Điều làm cho tôi vừa vui vừa ngạc nhiên là báo La Lutte đăng được một bài ký tên hẳn hòi là N.A.N. Đó là trái với thường lệ của báo nầy. Vì khi thành lập, các phe phái đã ước hẹn với nhau không đăng tên ai cả là tác giả, một là để tránh việc bị tòa án truy tố, hai là để tỏ rằng lập trường là lập trường chung, ba là để tránh việc quảng cáo cá nhân. Nhưng trong trường hợp mà có sự bất đồng ý kiến, thì chỉ trong trường hợp đó, việc ký tên bằng những chữ đầu được chấp nhận, để cho tác giả riêng lãnh trách nhiệm của bài mình. Vì những lẽ đó mà khi thấy bài ký tên dưới cùng N A.N. thì tôi không khỏi ngạc nhiên.

Trong cái ngạc nhiên, có cái vui, là Nguyễn An Ninh chánh thức cổ võ cho việc thành lập Đông-dương đại hội, để cho dân chúng Việt-nam thừa có chánh phủ Mặt Trận Bình Dân, đưa những thỉnh nguyện chánh đáng của mình. Đây là một hình thức công khai của đường lối mà chính tôi đã vạch trong tạp chí Thường Trực Cách Mạng.

Bấy giờ, tôi mới hiểu vì sao Ninh phải ký tên. Bởi vì Ninh cần lãnh trách nhiệm về bài báo. Sau vụ tôi bị

bắt giam, ai cũng biết đường lối của tạp chí Thường Trực Cách Mạng. Nếu cả bộ biên tập báo La Lutte chấp nhận mặc nhiên bằng cách đăng bài không ký tên, thì hóa ra báo La Lutte chỉ là cơ quan công khai của đoàn thể bí mật xuất bản tạp chí. Và như vậy, chưa chắc phái Đệ tam chấp nhận.

Có một vấn đề thể diện, cần phải lánh né, để cho tự ái của anh em phái Đệ tam khỏi bị chạm. Bên trong, tôi tuyên truyền rỉ tai trong nội bộ nhóm La Lutte. Bên ngoài, tôi mua chuộc cảm tình của các báo khác, để cho chủ trương được toàn dân tán thành. Đáng lẽ phong trào Đông-dương đại hội chỉ nên nhắc lại trong một thiên hồi ký về chánh trị, như vậy mới là phải hơn. Đây chỉ nên nói chuyện làm báo mà thôi. Nhưng mà tôi thấy cần nhắc lại trong phong trào nầy hình thức làm báo đã được sử dụng. Là thay vì tôi viết bài trực tiếp, tôi lại dùng hình thức «hóa chỉnh vi linh».

Xin phép độc giả cho tôi cắt nghĩa khá dài về cái thuật này. Những ai hiếu kỳ, để biết, cho khỏi bỡ ngỡ. Những người sau nầy, nếu không phải «làm báo vì nghề báo», mà dùng báo để phụng sự cho cái khác, thì những người « dùng báo » cũng nên biết. Trong quân đội, một đơn vị tổ chức hàng ngũ khít khao, đi đứng chung nhau, gọi là «chỉnh». Khi cũng với số binh lính ấy mà ta phân tán thật mỏng, chia ra thành nhiều, rất nhiều toán nhỏ, thì bên ngoài xem như không còn gì cả. Đó là cái số không, gọi là «linh». Hóa chỉnh vi linh, tức là biến một cái hữu hình thành ra cái vô hình. Ứng dụng trong cái thuật «dùng báo» thì một bài ta viết dưới

cũng cố tên ký hẳn hoi, đó có thể gọi là « chỉnh ». Bây giờ, cũng với những ý kiến trong cùng nội dung đó, mà ta không cần ký tên ta, lại phân tán đăng trong các tờ báo thì bề ngoài, không thấy có gì là của ta cả. Nhưng mà bên trong, tất cả ý kiến đăng lên báo thảy đều là do ta hướng dẫn.

Lúc Nguyễn An Ninh viết lên báo La Lutte bài vở hẳn hoi, thì bài báo của Ninh có thể gọi là chỉnh. Nhưng mà phong trào Đông-dương đại hội là một phong trào đại chúng, gồm nông dân, thợ thuyền bình dân, phần đông ít học không sao đọc được chữ Pháp, thì cần phải có những bài viết bằng tiếng Việt để cho hạng người không đọc được chữ Pháp. Mà dễ gì, trong chế độ báo chí bấy giờ, có giấy phép để ra một tờ báo hằng ngày bằng Việt ngữ ? Tình cảnh ấy chỉ có cách duy nhứt là khai thác những tờ báo sẵn có. Vốn liếng khỏi lo, phép tắc khỏi lo, ký giả khỏi lo. Chỉ khôn khéo làm sao cho họ đăng tin tức, nhét một vài câu phẩm bình có lợi cho phong trào. Khỏi phải mượn giọng tuyên truyền. Bởi vì biến cố thay đổi hằng ngày, lòng dân sôi sục từng giờ có một sức quyến rủ và tuyên truyền còn hơn cái chi cả.

Do đó mà tôi lân la với các nhà báo trẻ, những ký giả săn tin, đùa giỡn với họ, xì «bật mí» một vài bí mật của phong trào, để cho họ tự ý mà khai thác. Ban đầu họ còn sụt sè e dè, sau lần lần dạn dĩ lên. Vô tình, một số ký giả lúc ấy chưa tên tuổi bằng những Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ, Phan Khôi, nhờ tham gia vào công cuộc «hóa chỉnh vi linh» nầy mà tên tuổi lần lần chường lên hàng đầu. Như Thúc Tề, viết cho báo Dân quyền, mà chủ là một người Pháp, Nguyễn Văn Thới, ký

giả của Công Luận, Huỳnh Hoài Lạc, Trương Lập Tạo, Nguyễn Văn Sinh, tức là Nam Quốc Cang, Nguyễn Kim Lượng, tức là Ngọa Long, Nguyễn Thế Phương tức là Nam Đình...

Lúc ban đầu, anh em trong nhóm La Lutte chưa hiểu giá trị của chiến thuật hóa chỉnh vi linh nầy, tỏ vẻ ngờ vực. Tạ Thu Thâu phản ảnh sự ngờ vực đó, kêu tôi mà nói :

— Anh em không được vui, vì mầy bỏ bê công việc trong nhóm mà chạy theo tuyên truyền và mất thời giờ với những ký giả không đáng tốn thì giờ..

Tôi hỏi chận :

— Ai là người mà anh em cho rằng là hạng ký giả không đáng tốn thì giờ ?

Thâu nói tránh :

— Ví như Hiền Sĩ.

Tôi cười xòa, bởi vì lần thứ nhứt tôi mới nghe tên Hiền Sĩ nầy, và tôi cũng chưa từng gặp bao giờ. Sở dĩ tôi nhắc chuyện vặt nầy vì cái ý nghĩa tiên tri do miệng Tạ Thu Thâu thốt ra. Mười năm sau, Hiền Sĩ bị ném lựu đạn vì bị kết án là «Việt gian» ra báo mà nịnh bợ thực dân để thóa mạ phong trào dân tộc. Sau đó mấy năm, khi tôi sang Paris rồi năm 1950, tôi mới gặp mặt Hiền Sĩ lúc ấy được thực dân «đền ơn» cho đi Pháp một chuyến, bao cả tồn phí đi lại và ăn ở cả tháng.

Nhắc một tên Việt gian, tôi cố ý nêu gương của những ký giả khác đã vui lòng tham gia vào chiến dịch «hóa chỉnh vi linh». Chẳng mấy tháng, có thể nói rằng chẳng mấy tuần, họ đã biến thành cảm tình viên của

phong trào. Từ đó, tôi khỏi mất thì giờ mà bị anh em trách móc. Anh em thấy rằng thay vì một tờ La Lutte viết bằng tiếng Pháp, số độc giả không đến năm trăm, thì muốn lái dư luận, nhóm cả đến bốn năm tờ báo hằng ngày (tức là gần hết số báo lúc ấy) lại viết bằng Việt ngữ. Bấy giờ mới chấp nhận mà tổ chức việc «hóa chỉnh vi linh» có qui củ.

Người đặc trách công việc nầy là Lê Văn Thử, sau vào làng báo Việt với bút hiệu là Chuột Tha Tánh anh nầy hề hà, tửu lượng khá cao, nhậu nhẹt và đùa giỡn với anh em ký giả, họ không bị mặc cảm như đối với những «thần tượng». Về nước lả lướt với phụ nữ, Thử đứng vào sổ dách, nếu không được vị vào loại siêu hạng. Tức là Thử có đủ những cái «tật xấu», thành một bạn rất tốt với những ký giả thời đó.

Trong nhóm có điều gì cần phổ biến, thì giao cho Thử, rủ anh em ký giả ra quán, bày la ve, củ kiệu, lòng gà, nhậu mặt mày đỏ ké, rồi giả vờ «tửu nhập ngôn xuất» mà bật mí đôi điều bí mật» còn dặn thêm :

— Tụi bây mà cho bể tuy dô, thì ngày sau đừng có cạy răng tao.

Nhờ lối hóa chỉnh vi linh ấy mà Thử đưa tin của phong trào cho tất cả các báo đăng. Hễ có phong trào thì ai cũng háo hức mua báo đọc để biết tin tức. Số in lên, ký giả có uy tín, họ trở nên hăng hái. Mười cái tin đưa ra trúng cả mười thêm chi tiết đầy đủ, khỏi mất công chạy khắp nơi mà có tin nhiều như vậy, ký giả nào không thích ? Chiều chiều ngồi chung quanh một bàn đầy chai la ve và mấy dĩa đồ nhậu, nói tiếu lâm cười vang

rân, trao đổi tư tưởng, mà bài vở phong phú và chính xác hơn nhiều, ký giả sống một thời gian vàng son.

Nhưng một lần, và một lần thôi, tôi xúi Thử «thả vịt» một con vịt cồ, dầu có một cái nồi đồng to bằng chùa Bà ở Chợ-lớn cũng nấu không hết. Nhưng đây là một việc « chẳng đặng đừng ». Số là bởi phong trào Đông-dương đại hội phát động mạnh mẽ quá, chánh quyền thực dân chận không xuể, bèn dùng phương pháp mạnh mà chụp bắt ba nhà lãnh tụ Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh, và Nguyễn Văn Tạo. Chúng tôi đã dự liệu điều đó, nên mặc dầu tôi là Tổng Thơ ký của Đông-dương đại hội, song ngoài các buổi họp chánh thức (mà tôi biết có vách nghiêng tai), thì tôi lánh tiếp chuyện với quần chúng. Tôi lại mặc quần sọt, áo cụt tay, cỡi xe máy đua, vào hồ tắm ở An-đông mà «xem đùi xầm». Với sự đồng lõa của Thâu, Thâu cứ lắc đầu than phiền :

— Công chuyện mê mè như vầy, mà thằng Tường không lo. Làm tổng thơ ký mà cứ lo đi chọc xầm trong Chợ-lớn.

Nhờ vậy mà bọn mật thám hơi tin. Thêm tôi vừa «ê càng trong vụ vào tù» vừa qua, chắc là tôi lánh né thật Nhưng mà hồ tắm là chỗ hẹn hò tuyệt đối bí mật để nhận báo cáo và đưa chỉ thị cho cán bộ. Nhứt là các đồng chí cán bộ lại là nữ đồng chí, nhỏng nhẻo « nhờ anh dạy em lội ». Tôi vốn là một tay lội vào hạng khá. Tuy lội không mau, không xa như thằng quái kiệt em tôi là Hồ Văn Hoài, song các môn lội tôi thảy đều lội coi đẹp mắt. Thì trong lúc dạy lội như vậy, mật thám có đứng trên bờ hồ có biết đâu chúng tôi nói gì với nhau để mà báo cáo.

Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo bị bắt, tuyệt thực tranh đấu nhưng mà chánh quyền thực dân kiên quyết không chịu thả ra. Nếu cuộc tranh đấu này bên nầy thua, thì quần chúng, bị khủng bố từ năm 1930, nay mới vừa ngóc đầu lên, sẽ mất tinh thần. Trái lại, nếu cuộc tuyệt thực của ba nhà lãnh tụ ấy thắng, thì quần chúng sẽ hăng hái và sẽ có tâm lý «thừa thắng xông lên». Và bọn thực dân cũng hiểu như vậy. Vấn đề đặt ra là cuộc tuyệt thực của Thâu, Ninh, Tạo phải thắng nghĩa là ba nhà lãnh tụ phải được thả ra và không có án tiết chi cả. Một mặt, chúng tôi đánh điện văn sang Pháp mà cầu « ngoại viện », thôi động sự phản đối của các đoàn thể bạn trong Mặt Trận Bình Dân. Một mặt tôi tổ chức « hù » bọn thực dân. Và cơ quan « hù » là cái hồ tắm Chợ-lớn và quán nhậu ở góc đường Colonel Grimaud do Lê Văn Thử trấn ải ở đó và cứ xì ra từng giọt tin tức.

Khi nào Thử và anh em ký giả ngồi quanh bàn nhậu, thì bọn ruồi xanh bu quanh như chúng bu quanh hột xoài chín. Anh em cũng chẳng sợ gì, bởi những tin tức phổ biến tại đó, ngày mai sẽ biến thành bài vở, có gì đâu mà ngại ? Nhưng mà sở mật thám cần biết trước việc chi sắp xảy ra để ứng phó cho kịp thời.

Trong khi Thâu, Ninh, Tạo tuyệt thực hơn mười ngày, thì từ hồ tắm đã chuẩn bị một kế hoạch để « hù » bọn thực dân. Mấy cô tân thời, vì lúc đó, có mấy ai dám mặc đồ bó da mà chường đến hồ tắm ? Mấy cô cán bộ đóng vai cô gái tân thời đến hồ tắm về truyền lịnh «nghi binh» là như «mười tám thôn vườn trầu» Bến-lức,

Gò-đen, Cần-giuộc, Lái-thiêu, Biên-hòa... chuẩn bị một cuộc «tổng khởi nghĩa» để cứu ba nhà lãnh tụ. Tin tức từ các địa phương dồn dập về sở mật thám. Vạn sự câu bị, chỉ khiếm một cái «tin chánh thức» (mặc dầu là tin vịt) là sở mật thám tin ngay. Lê Văn Thử lãnh trách nhiệm tung cái tin ấy ra, và để đề phòng bất trắc cần phải làm cho chính là Thử cũng hơi tin có chuyện như vậy. Càng xì tin ra một cách «bí mật» bọn thám tử càng tin. Chúng báo cáo ngay. Tin tung ra buổi sáng rằng qua ngày sau, từ khuya, sẽ có một vụ phá nhà thương Chợ-quán (ba người tuyệt thực dời vào trong đó để cho bác sĩ theo dõi từng giờ) còn vĩ đại gấp mấy lần hơn là vụ anh chị phá Khám Lớn để cứu Tư Mắc năm 1916.

Để tránh việc phá khám (tưởng tượng) nầy, đến chiều, thống đốc Nam-kỳ hạ lịnh chở Thâu, Ninh, Tạo, trên ba chiếc băng ca đến tận văn phòng báo La Lutte mà trả lại. Tin ba nhà lãnh tụ được thả ra chỉ nửa giờ sau là «Mười tám thôn vườn trầu» và các vùng phụ cận thảy đều hay. Và dân chúng reo mừng thắng một trận mà khỏi dời một tên quân ra xông trận.

Trên đây là một thủ đoạn rất nhiều trong thủ đoạn đã được sử dụng trong phong trào Đông-dương đại hội. Cũng nên nhắc riêng một vai trò khác của báo chí. Thuở ấy, sức mạnh của phong trào Đông-dương đại hội là sức mạnh phong trào quần chúng, tổ chức lại thành những ủy ban hành động.

Khẩu hiệu «ủy ban hành động» là do tạp chí Thường Trực Cách Mạng tung ra. Khi toàn thể nhóm La Lutte

chấp nhận việc cổ động cho Đông-dương đại hội, mà chưa tổ chức được chi cả, thì trong tờ báo Đuốc nhà Nam của Nguyễn Phan Long, có đăng lời mời tất cả nhân sĩ lại văn phòng của báo nầy để tổ chức ban triệu tập Đông-dương đại hội. Đêm hội ấy có độ năm trăm người hưởng ứng, mặc dầu Hồ Hữu Tường được bầu làm tổng thơ ký của ban triệu tập, song đắc cử cũng lộn xộn đủ loại người và những lãnh tụ của nhóm La Lutte không được cử bao nhiêu. Nghĩa là nhóm nầy mất cái thế chủ động. Để tranh cái thế chủ động nầy, nhóm La Lutte hội lại ngay và theo đề nghị của cánh theo Đệ tứ, lấy khẩu hiệu «ủy ban hành động» mà tung ngay lên báo, mặc dầu chưa minh định sinh hoạt nội bộ của một ủy ban hành động ra làm sao.

Ngày sau, nhóm quần chúng ở vùng Đa-kao hội lại và cử ngay một ủy ban hành động có tánh cách hoa tiêu, để các nơi noi theo đó mà hoạt động. Ủy ban nầy in truyền đơn tung gần khắp nước, để kêu gọi hưởng ứng, cho xuất bản một tập sách nhỏ nhan đề «Cách làm việc của một ủy ban hành động». Xong rồi nhờ báo chí thông tin cho độc giả toàn quốc. Vài hôm sau, thiên hạ từ các tỉnh đến nườm nượp nhờ tin tức đó. Họ đến để nghiên cứu tại chỗ, coi một ủy ban hành động thành lập ra làm sao, sanh hoạt ra thế nào, mua sách nhỏ kia về để mà thể theo để làm việc. Đến đổi, ủy ban hành động Đa-kao phải tổ chức một bộ biên tập để viết và in truyền đơn giùm cho các ủy ban khác đương thành lập. Máy in chạy liên tục, hoạt động rần rần. Những chi tiết đó được thông tin trên mặt báo, làm cho mọi nơi háo hức, rần rộ bắt chước theo.

Tôi kể vai trò thông tin của báo chí trong phong trào ủy ban hành động nầy trong tác dụng mà phần đông các ký giả ít ai để ý đến. Đó là ảnh hưởng trong tâm lý quần chúng. Tâm lý quần chúng là một khoa học xuất hiện vào đầu thế kỷ, đáng lẽ phải được các nhà làm chánh trị học thật kỹ. Bởi vì tâm lý là một cuộc «truyền nhiễm» mà sức truyền nhiễm càng cao càng mạnh khi mà hiện tượng càng lan rộng to tát nhờ tin đồn, nhờ báo chí phổ biến v.v... Để thôi động cho phong trào ủy ban hành động, chúng tôi chỉ cần gieo rắc «vi trùng» rồi nhờ báo chí làm như gió mà tung khắp bốn phương...

Cũng trong thời kỳ nầy, tôi có cho ra được một tuần báo bằng tiếng Pháp vừa để tung tư tưởng của phái Đệ tứ, vừa để tạo tiền lệ trong qui chế báo chí.

Số là, như ở trước đã nhấn mạnh, miền Nam thuở ấy là Nam-kỳ, hưởng chế độ thuộc địa của Pháp. Báo Việt ngữ thì phải có giấy cho phép. Báo Pháp ngữ thì phải có quản lý người Pháp. Nên tờ La Lutte có Ganofsky đứng tên làm quản lý và mỗi số phải ký tên lên những tờ báo nạp bản.

Nhơn ở Pháp có chánh phủ Mặt Trận Bình Dân làm hậu thuẫn, trong xứ có phong trào Đông-dương đại hội làm cho chánh quyền bù đầu, tôi gọi một thanh niên đồng chí, tên Đoàn Văn Trương để nghị lập thủ tục mà ra một tờ báo Pháp ngữ, mà anh đứng tên làm quản lý. Chúng tôi khai thác chỗ sơ hở của luật pháp. Luật báo chí minh định « người quản lý tờ báo phải là người Pháp ». Lúc ấy, trên giấy tờ, người Việt sanh đẻ ở Nam-kỳ thì được ghi vào giấy tờ là sujet français de Cochinchine (thần dân

của Pháp ở Nam-kỳ). Chúng tôi tính rằng hễ đưa ra tòa, chúng tôi sẽ chiếu theo giấy tờ mà bảo rằng chúng tôi cũng có Pháp tịch.

Tờ báo cũng làm thủ tục đàng hoàng, khai ở biện lý cuộc 24 giờ trước khi ra máy in. Nhà in là nhà in Fauquenot. Tôi bao sân viết hết bài vở. Tên báo là Le Militant. Và là tuần báo.

Mục đích ra báo là để khiêu khích cho tòa án bắt Đoàn Văn Trương ra mà truy tố, chớ đâu có dư tiền để mà tài trợ cho nó ra đều đều. Ra đến số 4, thì qui hết trọi. Người viết bao sân đã mệt. Mà tòa án chê tụi nầy không thèm truy tố. Mắc cỡ, hai anh em dẹp báo. Tuy vậy tạo được một tiền lệ là từ đó, báo Pháp ngữ không cần viên quản lý phải là người Pháp nữa.

Năm sau, xu hướng Đệ tứ trưởng thành hơn, độc giả đòi có một cơ quan công khai, nên tôi cho ra tờ Le Militant trở lại, phen nầy với Nguyễn Văn Cử làm quản lý. Đợt nầy, báo ra được 21 số. Đến khi xảy ra vụ phân liệt trong nhóm La Lutte, Đệ tam và Đệ tứ chia rẽ nhau, anh đi đường anh ra thành lập tờ L'Avant-garde (sau đổi tên là Le peuple) cũng với quản lý người Việt, còn phái Đệ tứ không còn lý do để chủ trương hai tờ báo khác nhau và cùng đường lối. Nên báo Le Militant dẹp tiệm.

Nhơn việc nầy, kể là một công lớn cho chế độ báo chí của Đoàn Văn Trương, cũng nên nhắc lại một giai thoại. Số là hai vợ chồng anh mới cưới nhau, và bà vợ vừa cấn (Sau nầy cậu con sanh ra, và chính tôi đặt tên cho là Đoàn Thu Phong, hiện nay là một nhà bác học về nguyên tử lực của xứ Pháp trong số những người lỗi lạc), thì xảy

ra việc cơm chẳng lành canh không ngon. Trương buồn rầu, bỏ vợ, thì coi không phải. Mà còn ở, thì cản đẳng nhau hoài chịu không nổi. Trương hỏi tôi có cách gì để tính cho êm đẹp. Khai thác cơ hội, tôi mới đề nghị cho anh ta « hy sinh vì đại nghĩa », đứng lên làm quản lý tờ Le Militant, chịu vào tù, để mượn bàn tay đế quốc mà rẽ thúy chia loan. Trương hăm hở chịu. Nhưng mà bàn tay thực dân ngán thời cuộc, nín êm, mà Đoàn Văn Trương gây được một tiền lệ cho chế độ báo chí mà sau nầy nhiều báo khác được hưởng.



CHƯƠNG MƯỜI

Tự do báo chí

Dưới thời Pháp thuộc, chế độ báo chí ở chỗ nầy thay đổi lần lần. Tôi nói ở đây là tôi nói về báo chí Việt ngữ. Và ở Nam-kỳ. Còn ở Trung và Bắc thuộc chế độ «bảo hộ» mọi biến cố đi chậm hơn. Trong mấy năm sau cùng trước Thế chiến II, khi ở Nam-kỳ đã có tự do báo chí rồi, thì ở Trung và ở Bắc, vẫn chưa có. Năm 1939, tôi bị bắt và bị án, đày ra Côn-lôn, thì chế độ báo chí bị chánh sách phát xít của Pétain, trở nên khe khắt. Nhưng chuyện sau nầy ở ngoài đề của thiên hồi ký nầy.

Trước khi kể chuyện, xin độc giả cho tôi nhắc lại lịch trình của chế độ báo chí ở đây cho đến năm 1939. Lúc ban đầu, những tờ như Gia-định báo, chỉ có những ông Tây mới xin được một cái giấy phép ra báo cho người an-nam mình đọc. Lần lần mới có một vài tờ báo, do Tây đứng làm chủ, nhưng lén cho người an-nam mướn măng sết, như bây giờ thường xảy ra. Sau đó, đến đợt người an-nam có quốc tịch Pháp, hạng người « xi toi-dăng phờ-răng-xe. » Mãi đến sau Thế chiến I, mới có những tờ báo do người Việt có địa vị và uy tín được phép ra báo. Những người nầy thường là những ông huyện, ông phủ hưu trí, hay những ông hội đồng. Thân sinh anh Ngọa Long vốn là ông hội đồng Nguyễn Kim Đính, nhờ đó mới được phép ra tờ Đông Pháp thời báo. Thường thường, xin phép ra báo phải được văn phòng báo chí thuận ý, sở mật thám cho điểm cao (nghĩa là không có hồ

sơ đen hay xám gì cả), rồi nha Giám đốc chánh trị tối hậu quyết định. Thủ tục nầy có thể kéo dài cả năm. Đó là không nói đến những chi tiết lì xì.

Song song với báo chí Việt ngữ, lại có báo chí Pháp ngữ, với một qui chế tự do y như bên Pháp. Muốn ra báo, chỉ cần có một mình ông quản lý nạp trước 24 giờ tại biện lý cuộc lời khai tên họ lý lịch của mình, nhà in nào, tên của tờ báo. Và cứ nạp bản mỗi số là mang ra bán được. Điều kiện duy nhứt là người quản lý phải là người Pháp.

Năm 1936, Đoàn Văn Trương với tôi xung phong đánh một kẻ hở trong qui chế nầy. Là thay vì đưa một người Pháp, hay một người có quốc tịch Pháp đứng làm quản lý, báo Le Militant ra đời với một an-nam-mít đặc sệt làm quản lý. Còn mọi chi tiết khác thì không đổi thay. Chúng tôi chờ chánh quyền chiếu theo luật báo chí mà truy tố Đoàn Văn Trương bởi vì anh tính vô ở tù mà nằm vạ với vợ. Nằm vạ như vậy tức là buông một cây tên mà trúng cả hai con chim. Một đàng anh cho vợ ở nhà phòng không lạnh lẽo để rồi đừng có cằn nhằn nữa. Một đàng chánh quyền mắc vào một trận giặc thủ tục qua mấy cái ải mà bọn tôi tính như sau : ải thứ nhứt, Đoàn Văn Trương sẽ bị tòa tiểu hình truy tố và kết án ; ải thứ hai lên tòa chống án do Đoàn Văn Trương chống lên ; ải thứ ba là tòa phá án ở tận Paris ; và ải chót là Hội đồng quốc gia (Conseil d'État). Chúng tôi bỏ công bỏ của, ra ba số báo mà chờ. Không biết chó nào dắt, mà Huê-dung đạo hai anh em đặt ra, lại Tào Tháo chẳng lọt vào...

Hai anh em bẽn lẽn. Nhưng mà báo chí có một tiền lệ.

Sang đến năm 1938, một hội ký giả ra đời với Nguyễn Văn Sâm, lúc ấy là chủ nhiệm Đuốc Nhà Nam làm hội trưởng và Trần Văn Thạch làm tổng thơ ký. Hội nầy lấy tên là A.J.A.C. (Association des journalistes annamites de Cochinchine, tức là Hội ký giả an-nam ở Nam-kỳ). Trụ sở đặt tại đường Lagrandière, tức là đường Gia Long bây giờ. Trong những mục phiêu chánh yếu của hội, việc tranh đấu cho báo chí Việt ngữ được hưởng qui chế «tự do báo chí» y như báo Pháp ngữ, là mục phiêu đầu. Hội nầy tuyên truyền cổ động ầm ĩ theo đường lối ấy.

Nhưng mà con đường nầy chỉ là con đường «sạn đạo» do toàn hội đóng vai Phàn Khoái mà «minh tu». Trong lúc ấy, một nhóm rất nhỏ đóng vai trò Hàn Tín mà «ám độ Trần Thương». Và con đường Trần Thương nầy cũng là con đường mà Đoàn Văn Trương với tôi đã vì Trương giận vợ, mà đi, nhưng không lọt. Trong nhóm nầy có tôi quạt mo. Vai chủ động là một anh Đệ tam mà nay tôi quên tên đi. Đồng lõa là ông Tây Fauquenot, nay còn sống ở Gia-định và là dượng của Trương Vĩnh Lễ. Ông Fauquenot là Tây, làm giám đốc một công ty ấn loát tên là S.A.T.T thường in báo La Lutte, le Militant và l'Avant-garde, ông chấp nhận «chịu chơi». Bên Đệ tam tình nguyện đưa cán bộ ra ủ tờ. Còn tôi chỉ «quạt mo» rồi đứng xa mà cười thút thít.

Anh quản lý annam-mít trân, làm thủ tục y như là ra một tờ báo Pháp ngữ rồi «ra báo». Tôi nay quên phứt tờ báo tên gì. Bởi có ai thấy mặt mày nó đâu. Ra bao nhiêu là sở mật thám đón hốt hết. Và anh quản lý

«xộ khám». Cái mà Đoàn Văn Trương thất bại vì Le Militant là báo Pháp ngữ, thì nay anh cộng sản sung sướng hơn. Vì báo «phi pháp» của anh là báo Việt ngữ. Ra tòa tiểu hình, hắn ta bị án. Chống án lên tòa trên, rồi qua tòa Phá Án. Đến Hội đồng quốc gia (một thứ Tối Cao Pháp Viện) án đó bẻ đi, bởi vì trong luật không minh định tự do báo chí riêng cho báo Pháp ngữ.

Khi mà bản án của Hội đồng quốc gia tới tai các ký giả, thì sự vui mừng đo không xiết. Tôi nhớ chừng đâu lối mùa thu năm 1938.

Khai thác sự thắng trận nầy là những đoàn thể cách mạng.

Nhóm Đệ tam lập tức đổi tờ Le Peuple của họ ra tờ Dân Chúng.

Nhóm Đệ tứ, lúc ấy đã chia đôi. Cánh Tạ Thu Thâu đổi tờ La Lutte ra tờ Tranh Đấu. Nhóm Hồ Hữu Tường làm «xôm tụ» hơn hết. Khởi đầu ra một tuần báo lấy tên là Tia Sáng. Đầu năm 1939, lại đổi thành báo hằng ngày. Hằng tháng ra một tạp chí lý luận lấy tên là Tháng Mười. Lại còn thêm một tờ tuần báo cho phong trào nghiệp đoàn, lấy tên là Thầy Thợ.

Tờ Dân Chúng đã có ai làm quản lý ? Ngày nay tôi quên mất tên anh ấy rồi. đến cuốt tháng chín năm 1939, nhơn cuộc quét hốt sạch sành sanh nhơn Thế chiến II, anh ấy bị vào khám cùng độ ba bốn trăm người khác. Tờ Tranh Đấu thì có Nguyễn Văn Quá làm quản lý. Trước khi Thế chiến nổ, anh bị bắt, bị kết án 3 năm tù. Đưa ra Côn-lôn, anh mang bệnh ho lao

rất nặng. Ngày mãn tù, anh đi hết nổi. Đưa về đến đất liền, thì anh chết, vừa thấy được mặt người thân. Báo Tia Sáng, khác lại, lại có ông Tây Ganofsky đứng làm quản lý. Bởi vì, khi ông tỏ ý đi sát cánh phong trào, chúng tôi thỏa mãn ngay ý nguyện chánh đáng của ông, đồng thời chúng tôi khỏi ghi tên trong sử là bọn « ném vỏ chanh khi vắt hết nước ». Đến tháng sáu, ông cũng bị bắt. Thực dân oán thù kêu án ông ba năm tù ở và mười năm biệt xứ. Mãn tù giữa lúc chiến tranh, Ganofsky bị biệt xứ tại Cần-thơ và chết tại đó, khi tôi còn ở Côn-lôn. Năm 1944, khi tôi bị an trí tại Cần-thơ, tôi có hỏi tìm một ông già cao trường này. Rất tiếc là không ai biết mà chỉ. Một nhà trí thức Pháp, hòa mình vào cuộc tranh đấu của nhân dân Việt-nam, đến phút chót chưa nói được một câu tiếng Việt, mà tâm hồn y như người Việt, hết sức chung thủy và tận tụy với lý tưởng. Thiên hạ tưởng đâu chúng tôi thuê mướn ông nhiều tiền lắm. Không khi nào Ganofsky nhận tiền của chúng tôi, đứng tên làm quản lý, mà còn viết bài công kích điều 91 hình luật canh cải mà các luật gia phải thán phục, hơn cả chục bài.

Tạp chí Tháng Mười thì Đào Hưng Long đứng làm quản lý, cũng như báo Thầy Thợ. Anh cũng bị bắt tháng VI năm 1939, lãnh ba năm tù. Sau đó đi Tà-lài, Bà-rá, rồi Madagascar cho đến năm 1947 mới đưa về.

Trong tuần báo Thầy Thợ, tôi không viết bài nào cả, mặc dầu anh em coi tôi như linh hồn của phong trào. Trái lại, trong tạp chí Tháng Mười, tôi viết cả từ tràng

đầu đến trang chót, mỗi tháng 32 trang bài vở khổ tạp chí. Đối với thủa ấy, mỗi kỳ in 1.000 số, mà bán hết, thật là ngoài sức tưởng tượng. Trình độ bài vở cao không thua những tạp chí lý luận Âu Mỹ, khi mà ở Trung học, lớp tú tài cả xứ chỉ có ở Hà-nội và Sài-gòn là có mà thôi, Đại học chưa có ban Văn khoa, kể ra độc giả cũng cố gắng hết sức.

Báo Tia Sáng tám số đầu là tuần báo. Sau đó, lại ra hằng ngày. Ký giả toàn viết không lấy tiền. Bởi mỗi anh đều có chơn ăn lương trong một tờ báo khác, còn đến viết ở đây kể là «công quả cho chùa». Riêng phần tôi, không ai ngờ rằng mỗi ngày tôi phải dạy học, mà còn viết cho bốn bài khá dài nữa, thì thật là nghe mà ngán.

Mỗi sáng, vừa thức dậy, là tôi tập thể dục độ hai mươi phút, rồi cầm đầu viết hai bài. Vừa xong là dùng điểm tâm. Nếu có trễ là vừa ăn vừa viết. Xong cỡi xe đạp, đi dạy. Trên đường đến lớp, tạt vào nhà in đưa bài. Dạy học từ tám giờ sáng đến mười một giờ rưỡi, cách khoảng bởi ba lần nghỉ xả hơi, là tôi xả ra xong bài thứ ba một cái phim nhan đề là «một vài tia sáng», mà ý nghĩ đã được nhơi trong khi đương dạy. Ra lớp, ghé lại nhà in, thì viết bài thứ tư, vừa xem lại bản vỗ của các bài. Kể ra, trong đời làm báo của tôi, chưa lúc nào làm việc như một cái máy chạy hết tốc lực như vậy, Cộng chung, mỗi tờ báo, tôi bao gần một trang rưỡi, còn các anh em khác lãnh hội trang rưỡi.

Ngoài việc ấy, báo Tia Sáng lại có một đặc điểm khác. Là ra báo không có vốn, mặt dầu là một nhựt báo. Chủ nhà in là bà Diệp Văn Kỳ, một người đàn bà rất

tế nhị. Chúng tôi nhờ in số đầu, ôm đi bán, sáng sau đem tiền đóng cho số sau. Nội báo bán lẻ ở Sài-gòn, đủ trả cho tiền nhà in. Còn lời bao nhiêu thì gởi đi tứ phương. Gởi ra Hà-nội một ngàn số. Gởi ra Hải-phòng một ngàn rưỡi số. Các nơi khác lai rai vài trăm số. Nếu là báo với mục đích kinh doanh là lời to. Nhưng mà độc giả ở Trung và Bắc nghèo quá, nên chúng tôi theo luật «giang hồ» lấy của nhà giàu mà nuôi nhà nghèo. Tương đối lúc ấy độc giả ở Sài-gòn giàu hơn, nên số lời bán ở Sài-gòn, đem bao cho độc giả mấy nơi khác. Báo ở Sài-gòn phân nửa bán có cho hoa hồng cho nhà phát hành, phân nữa bán không tốn hoa hồng ấy là nhờ cán bộ bắt chước gương của Nguyễn An Ninh, ăn mặc chỉnh tề, ôm báo mời độc giả. Bán báo mời hay hơn tất cả là Trịnh Văn Lầu, không biết có duyển ngầm gì mà mời nữ độc giả hay lắm. Các anh trai thấy nữ độc giả mua, chẳng lẽ mình là bực tu mi, lại không mua? Một hôm có trận đá banh ở sân Mayer, tức là một cái sân nằm trên đường Hiền Vương bây giờ. Trời nắng còn gắt. Lầu ôm báo lại, mời mấy cô mua báo, còn dặn «Làm ơn đem về nhà hãy đọc, bây giờ lấy tờ báo mở ra mà đội che nắng dùm cho!» Trời nắng gắt lên, cả sân banh, khán giả thảy đều mỗi người đội một tờ Tia Sáng. Hôm ấy là ngày 1 tháng năm. Chưa được chánh thức thành quốc lễ. Mà cả sân banh, ai cũng đội lên một tờ báo cực tả, hôm ấy có in dấu hiệu của xu hướng chánh trị in đỏ chói. Sở mật thám hoảng hồn vì cuộc biểu tình bất ngờ có gần mười ngàn người tham dự.

Tháng sáu, tất cả hoạt động báo chí bị đàn áp dữ dội.

Cuối tháng chín, tôi vào tù, ở hơn năm năm. Mọi hoạt động báo chí đình trệ cho đến đầu năm 1948 mới nối lại.



CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Lật qua trang mới

Đời tôi nói chung, việc làm báo của tôi nói riêng, có một khúc gãy rõ rệt. Ấy là những năm chiến tranh.

Về tư tưởng, trước chiến tranh, tôi đã đứng dưới bóng cờ của duy vật biện chứng pháp. Sau chiến tranh, tôi quay về con đường đạo đức của ông bà. Con đường mà gần đây, tôi đúc kết thành tác phẩm Việt Đạo.

Về chánh trị, trước chiến tranh, tôi đứng trong hàng ngũ Đệ tứ quốc tế, riêng ở Việt-nam, tôi là lý thuyết gia và chỉ huy tổ chức bí mật. Sau khi ở tù ra, chuyến tù do thực dân nhốt ở Côn-lôn lần thứ nhứt, tôi lại đi vào đường lối dân tộc.

Trong địa hạt làm báo, tôi là kẻ dụng văn chớ không phải là nhà văn, thì đời làm báo của tôi cũng thay đổi rất nhiều. Chỉ trong chín năm, từ 1930 cho đến 1939, tôi viết không biết cơ mang nào mà kể. Nay không còn dấu vết gì cả. Tôi không tiếc nhưng nếu đếm trang, chắc chắn là nhiều hơn số trang tôi đã bôi mực từ năm 1944 tới bây giờ. Sở dĩ tôi nhắc lại và nhấn mạnh về cái khúc gãy này, ấy để cho độc giả đừng ngạc nhiên khi thình lình xem được nội dung của một bài «tiền chiến».

Tôi vào làng báo năm 1930. Năm 1939, tôi lui ra. Đến năm 1948, tôi mới trở vào. Hai khoảng thời gian đúng chín năm.

Và tôi bước trở vào là nhờ thi sĩ Đông Hồ nắm tay dắt vào. Đầu năm dương lịch 1948, tôi ở Hà-nội về Sài-

gòn. Còn một tháng là đến Tết. Một nhà văn quen là Thiên Giang, một hôm dắt tôi ghé thăm Đông Hồ, lúc ấy ở một cái nhà vách ván, lợp ngói âm dương trong xóm Nancy, bây giờ là sau bộ Lao động. Nơi ấy, tôi cũng làm quen với Dương Tử Giang. Hai người mới rủ tôi viết bài cho báo xuân, để kiếm chút đỉnh tiền xài Tết. Lúc ấy, tôi chẳng nuôi mộng văn chương tư tưởng gì cả, và rất túng tiền. Đông Hồ với tôi chưa biết nhau, nhưng đã nghe tiếng nhau. Đông Hồ là đàn anh trong văn đàn, khét tiếng trong nước, tự nhiên tôi đã nghe danh. Còn thi sĩ lại do anh cây tre Hà-tiên là Trúc Hà Trần Thiêm Thời nhắc nhở đến khá nhiều và thường giới thiệu tên tôi với Đông Hồ, như là một «quái kiệt về toán». Đông Hồ và Dương Tử Giang lãnh biên tập cho một tờ báo Xuân do Lư Khê bỏ vốn, vừa lên tiếng rủ ren, là tôi nhận ngay vì túng tiền. Phải nhìn nhận rằng đối với tôi, nếu làm một nhà xuất bản, thì Đông Hồ có biệt tài còn hơn làm thơ nữa. Tôi vừa nhận lời hứa viết, là anh dí vào túi tôi một món tiền khá to với lời nói rất cởi mở :

— Cứ xài trước đi, rồi sao sẽ tính.

Nhưng tôi chín hấu mà còn mại hơi :

— Với điều kiện là không được để tên thiệt.

Ví như Đông Hồ không bằng lòng mà đòi để tên thiệt, thì tôi cũng phải vâng để có tiền xài Tết. Nhưng mà Đông Hồ tế nhị, chấp nhận điều kiện của tôi. Và chính là anh đặt cho tôi hai bút hiệu Lân Trinh và Ly Duệ, còn tôi tự chọn bút hiệu thứ ba là Ý Dư. Bởi vì

trong một lờ báo, mà có nhiều bài chung một tác giả thì hơi chương chướng.

Tôi vừa buột miệng nói:

— Trên tờ báo mà nhiều bài trùng một tên người viết thì xem chương chướng. Thành ra đó là một thứ văn chương chướng.

Đông Hồ cười hô hố, khen:

— Chất trào phúng nằm sẵn quá vậy? Đã có một đề mục cho báo rồi: « Văn chương... chướng ». Âu là đặt thêm ít cái đề dành đó.

Tôi vâng lời đề ra: « Mấy vần thơ thẩn », « Tin tức mình »...

Có một đề mục, mà ký ức tôi chẳng bao giờ quên. Số là trên báo chí lúc đó, có người cầu kỳ, muốn gọi người anh em bạn rề bằng chữ nho, mà viết ẩu là « trạo huynh », tức là dịch từ chữ: trạo là chèo, huynh là anh. Đông Hồ và tôi đọc qua cảm thấy danh từ nầy thuộc về loại văn chương... chướng. Nhưng mà quên phứt đúng là làm sao. Đông Hồ nhứt định là khi nhỏ, đã nghe người bác nói tiếng ấy rồi, bây giờ quên đi, song nhứt định không phải là trạo. Hai anh em moi óc ba bốn ngày, mới tìm ra chữ đúng là á huynh. Bèn đồng ý mở một mục kép, đặt tên là « nhổ cỏ dại... » để nhặt những đậu dọn trong văn chương đương sử dụng, đối diện là mục « cấy hoa thơm... » trích dẫn và phê bình những câu ý hay lời đẹp để nêu lên làm gương. Đông Hồ giao cho tôi giữ mục ấy, bảo tôi chọn một bút hiệu. Tôi chọn Huệ Tôn, lấy điền trong sử Việt, khi vua Huệ Tôn nhường ngôi cho con, vào chùa tu, đương ngồi làm cỏ, thì Trần Thủ Độ vào viếng, thấy vua làm cỏ nói:

« Hễ nhổ cỏ thì nhổ cho tận gốc. » Huệ Tôn là bút hiệu duy nhứt mà tôi tự đặt ra. Và Đông Hồ mở cửa hàng của hai mục nầy bằng một cuộc thi thơ, trong ấy phải điền một câu còn bỏ trống.

Bài thơ ấy, chính Đông Hồ viết ba câu sau đây :

Bạn hỡi nhổ đi, chòm cỏ dại!
Cấy thay vào đó giống hoa thơm
Cho vườn hoa Việt đầy hương sắc

....

Sáu tháng sau, chấm những câu thơ gởi dự thi, Đông Hồ không thấy có câu nào đắc ý. Tôi tuy đôi khi có viết mấy vần thơ thần, song ít khi có hứng. Thỉnh thoảng, sực nhớ bạn, thì tôi làm một câu mà điền vào. Rồi tôi đặt cả một câu chuyện để giải thích vì sao, tôi lại lựa câu thơ như vậy.

Lần thứ nhứt, tôi ở Pháp, nhận được thư Đông Hồ bảo tôi viết một bài cho tuần báo Thế Giới anh sắp chủ trương. Đọc thơ, tôi sực nhớ câu thơ còn chưa làm Đông Hồ thỏa mãn. Nên tôi viết một câu chuyện ngắn, nhan đề là « nhạc nôm », ý muốn nói rằng đã có hương, có sắc, thì phải có thêm nhạc mới lột được tinh thần của tiếng Việt. Trong đời cầm bút của tôi, có lẽ bài nhạc nôm là bài mà tôi vừa ý nhứt.

Mười mấy năm sau, Lục giấy tờ cũ, tôi lại thấy lần thứ hai bức thư nọ. Tôi lại đặt cả một tiểu thuyết, nhan đề là « Tiểu Phi Lạc náo Sài-gòn », để nhốt một câu thơ thứ hai vào trong khổ bài thơ mà Đông Hồ đã viết ba câu.

Bây giờ, xin cắt nghĩa những bút hiệu mà Đông Hồ đặt cho tôi. Lân Trinh có nghĩa là gần với chữ Trinh. Mà

trong thành ngữ Hán Việt, thì hai chữ Trinh Tường đi sát với nhau thường lắm. Hễ nói chữ Trinh, thì người ta hội ý ngay chữ Tường. Vậy với bút hiệu nầy Đông Hồ nhắc khéo rằng là Tường đó. Còn trong bút hiệu Ly Duệ, thì chữ « duệ » có nghĩa là con dòng giống. Còn chữ Ly trỏ Hồ Quí Ly. Tức là nói rằng tác giả ký tên bài đó là con cháu của Hồ Quí Ly.

Trong những tờ báo do Đông Hồ chủ trương biên tập, nhà thơ nầy cứ cho rằng tôi có một cây viết khoẻ, rằng cây viết của tôi không biết mệt, nên trong mỗi số, bắt tôi viết nhiều bài. Do đó mà có nhiều bút hiệu khác nhau. Nay còn nhớ một bút hiệu mà tôi đã chọn trước ở Hà-nội.

Năm ấy là cuối năm 1945. Vì trốn tránh mắt tai của trinh sát Việt Minh đương hăng say vơ vét bắt cho hết những phần tử Đệ tứ, nên tôi nhờ bác sĩ Phạm Ngọc Khuê dắt tôi đi Nam-định. Anh Khuê muốn tìm nhà thuê để mở phòng mạch tại đó. Và tôi sẽ gởi thân nơi nhà anh. Tiền túi cũng cạn, nên khi anh Khuê chạy rong phố, ở nhà tôi viết cuốn *Muốn hiểu chánh trị*, để bán bản quyền. Tên tác giả, tôi đề là Huân Phong, rút từ một câu thơ của Đường Thái Tôn: «Huân Phong tự Nam lai» mà hồi nhỏ tôi nghe anh hai tôi ê a học. Bây giờ, tôi từ Nam ra Hà-nội, thì chọn bút hiệu Huân Phong cũng nhắc nhở một đôi kỷ niệm. Chẳng dè họa sĩ Tô Ngọc Vân, tránh việc «lạy ông tôi ở bụi nầy», nghĩ rằng nếu đề bút hiệu Huân Phong, ắt người ta sẽ đoán rằng tác giả từ Nam mà đến, thì có ai đâu lạ? Tô Ngọc Vân bèn kiểm duyệt đồng thời sửa lại là Thuần Phong. Bấy giờ, để nhắc nhở

kỷ niệm ấy đối với Phạm Ngọc Khuê, Tô Ngọc Vân, thì một số bài, tôi cũng ký tên là Huân Phong.

Nhân tiện, tôi cũng xin kể ra đây một số bút hiệu khác. Do lai là gần đây, có vài giáo sư Đại học cho sanh viên khảo cứu và sưu tầm về tác phẩm của tôi. Trong thời kỳ đó cũng như về sau, tôi viết gởi rải rác cho rất nhiều báo và tạp chí, và ký tên nhiều bút hiệu quá, có khi quên lửng đi. Vậy để cho sanh viên sưu tầm, thì nghĩ cũng nên ghi lại đây những bút hiệu nọ,

Bút hiệu Bửu Liên, tôi đã dùng từ năm 1931. Nó là tên tự, do một ông đồ nho đặt cho tôi, khi tôi mới ra chào đời. Cha tôi, đêm tôi lọt lòng, nằm chiêm bao thấy một đóa sen lạ, nói chuyện ấy cho ông bạn nghe, nên ông nầy đặt cho cả tên Hữu Tường có nghĩa là có điềm lành, lẫn tự là Bửu Liên. Một bút hiệu nên nhắc luôn, là Khổng Cưu, mà tôi đã dùng ký ba bốn cuốn sách do nhà xuất bản Tân Việt cho ra đời năm 1945 và 1946, như *Kinh Tế học và Kinh Tế chánh trị nhập môn*, *Xã hội học nhập môn*. Cũng trong thời gian nầy, những sách tôi giao cho nhà xuất bản Hàn Thuyên, tôi lại giấu dưới bút hiệu Nguyễn Huệ Minh, là tên của người đàn bà của tôi. Những sách viết cho nhà xuất bản Minh Đức lại ký tên Duy Minh, Huấn Chi... Về bút hiệu Duy Minh nên nhắc rằng lập trường của tôi đã biệt lập giữa duy tâm và duy vật. Bởi tôi cho rằng cái vật vô tri vô giác, thì duy nó mà làm chi. Còn cái tâm theo như Hégel, lại đầy chủ quan, duy nó thật là phiêu lưu. Vậy tôi kết luận là phải duy minh, mới đến được cái giác của nhà Phật. Còn về bút hiệu Huấn Chi, thì trong trí tôi sắp chương trình

phổ thông các môn học là bốn cấp, mỗi cấp lấy một chữ «hư trong : chi, hồ, giả, dã là những chữ mà người ta hay nêu ra đề nhạo báng các ông đồ. Chương trình «huấn chi, huấn hồ, huấn giả, huấn dã», mà tôi phác họa cho nhà Minh Đức mới khởi sự phần thứ nhứt, thì binh lửa nổi lên tại Hà-nội, anh em mỗi người một nơi.

Khi hợp tác với Đông Hồ, tôi lại có một bút hiệu khác khi viết những tiểu thuyết *Thu Hương, Chị Tập*. Ấy là Duy Cúc. Đây là tên thiệt của một nữ sinh viên ở Hà-nội, mà tôi mượn hình ảnh đề phác họa ra nữ nhân vật Thu Hương trong tiểu thuyết. Viết tiểu thuyết cũng tại Đông Hồ xúi. Từ thuở nào, tôi chưa hề viết truyện ngắn truyện dài chi. Một hôm, khi nhậu với thi sĩ, tôi kể chuyện lung tung trong chuyến đi ra Bắc, thì Đông Hồ nhứt định bảo tội mượn hình thức tiểu thuyết đề thi vị hóa một mớ chuyện thiệt. Tôi vâng lịnh, mới viết được hai cốt chuyện trong một thiên trường giang nhan đề là «Gái nước Nam làm gì ?» Nhơn đây, xin cắt nghĩa tại sao có nhan đề nầy. Cách trước đó không bao lâu, ông Hoàng Đạo Thúy có viết một quyển sách nhan đề là «Trai nước Nam làm gì ?» Một hôm ở Hà-nội, Duy Cúc hỏi ý kiến tôi về tác phẩm ấy. Lúc đó, Pháp đã tấn công và chiếm gần hết Nam bộ, thanh niên ồ ạt đăng tên nhập ngũ vào Nam. Tôi bèn trả lời nửa đùa nửa thật ; «Pháp đã tấn trai nước Nam vào cuộc hành động mà trả lời rồi. Câu hỏi ấy hóa ra cũ. Câu hỏi phải đặt ra cho mấy chị ngày nay là : «Gái nước Nam làm gì ?». Khi tôi viết bộ tiểu thuyết, thì Duy Các đã vừa sang qua Ba-lê. Và hiện nay Duy Cúc đã trở nên một nhà điêu khắc nổi danh.

Tiểu thuyết viết chưa xong; mà Duy Cúc đã trả lời một cách quá đẹp. Năm 1969, tôi sang Ba-lê, có gặp lại Duy Cúc. Nàng bây giờ là một bà sồn sồn, bóng dáng quyến rủ của nàng Thu Hương của tiểu thuyết nay không còn, nhưng nụ cười, tâm hồn vẫn như nàng nữ sanh viên ở Hà-nội. Và Thu Hương, có nghĩa hương mùa thu, nói trắng trợn là bông Cúc, vẫn còn mùi thơm tho của cô gái Huế, với giọng nói sông Hương. Có điều là tâm hồn đã thể hiện trong những bức tượng, triển lãm được giới phê bình ca ngợi không tiếc lời.

Cũng trong lúc hợp tác với Đông Hồ, tôi có dắt vào làng văn và trong vòng bè bạn của thi sĩ một cây bút kỳ lạ. Người ta thường biết anh nầy dưới bút hiệu Triều Sơn. Tạp chí Văn đã dành một số đặc biệt tưởng niệm nhà văn quá cố nầy. Ở đây, xin nói thêm những điều có quan hệ với việc Triều Sơn hợp tác với chúng tôi. Khi vào tới Sài-gòn, Triều Sơn được đưa vào làm thợ nơi một chiếc tàu đậu bên bờ Thủ Thiêm. Công việc của anh là vô dầu, làm máy ở hầm. Mặc dầu xuất thân trí thức, song anh vui sống với cái nghề lao động, mình đầy nhớt nầy. Làm việc xong, anh rửa tay sạch sạch, mặc áo quần dân thầy, đi tán dóc với tôi, vì tôi đã quen vói anh từ Hà-nội. Do đó mà chúng tôi thường gặp nhau ở nhà Đông Hồ. Trước hết bởi tại nhà Đông Hồ, mặc dầu thi sĩ không uống rượu, song thi sĩ biết tật của tín đồ của của Lý Thái Bạch, nên bao giờ cũng sắm rượu ngon. Và bà chị Thất Tiểu Muội lại biện món nhấm rất khéo. Triều Sơn với tôi thảy đều kém tửu lượng, hễ nốc vào nửa giọt, là đã say khướt. Đúng câu tửu nhập ngôn xuất,

chúng tôi bị phục rượu để cho cả nhà cười chẳng tiếc, sau những câu chuyện « văn chương chướng » mạnh ai nấy kể. Triều Sơn cũng là một tay làm thơ mới rất khoẻ. Mà Đông Hồ, tuy là thi bá về Đường luật, song vẫn là một nhà thơ mới ngay hồi loại thơ nầy mới xuất hiện.

Trước khi vào Sài-gòn, Triều Sơn đã làm chủ bút tờ Kháng Chiến ở Bắc Việt. Và nhờ đó mà anh biết rất nhiều mẫu chuyện của các anh cán bộ « dân, quân, chính » của bên kia, xuất thân từ hạng bần cố nông, đi vào cách mạng với cả tinh thần và hăng say của từng lớp nầy, song không khỏi mang theo rất nhiều màu sắc cũ xưa của dân quê miền Bắc. Chính là Đông Hồ và tôi đã khuyến khích Triều Sơn điển hình tất cả các anh cán bộ nầy vào một nhơn vật là « Nuôi Sẹo ». Nếu vào thế kỷ 17. Molière đã đưa lên sân khấu một anh « trưởng giả học làm sang », nếu nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã tạo được một tượng trưng với anh chàng Lý Toét, thì, rất tiếc là Triều Sơn chết quá sớm, và một đôi việc nguyên tắc của một nhà trí thức chưa cho phép công bố tiểu thuyết Nuôi Sẹo của Triều Sơn. Tôi chưa thấy ai để nhiều công phu, trong lịch sử văn chương Việt-nam, để viết đi viết lại tác phẩm mình như vậy. Khởi công từ 1948, đến 1954 chưa xong, viết lại ba lượt, viết tới đâu đem đón hỏi những lời chỉ giáo của các tay đại văn hào quốc tế quần tụ ở Paris.

Triều Sơn cũng có nhiều bút hiệu, như Ninh Huấn, Ninh Huy, Thang Thang và kể cũng xứng đáng được chọn làm đề tài cho một luận án cao học hay tiến sĩ văn chương. Những vị trí thức trẻ, như Nguyễn Ngọc Bích Trần Ngọc Ninh rất mến tài Triều Sơn nhưng không

thẳng nỗi số mạng, mà không làm sao đưa tên Triều Sơn vào chỗ lừng danh. Khi nghe Triều Sơn qua đời, anh em văn hữu tổ chức một lễ truy điệu nghiêm trang, thi sĩ Đông Hồ có đọc một bài thơ khóc bạn rất cảm động.



CHƯƠNG MƯỜI HAI

Cai thầu biên tập

Vào làng báo, tôi cũng có làm cai thầu biên tập. Thật là một việc không ngờ. Càng là một việc chẳng đem lại lợi lộc chi cả. Nhưng mà, nghĩ ra, quả thật là một danh dự hiếm có. Nhơn việc viết hồi ký, nếu mắc cỡ mà không kể ra, thì thiên hồi ký thiếu sót. Mà kể ra, phải tô điểm cho oai.

Mà oai thật chớ phải chơi sao ? Ông chủ báo đến mướn tôi làm cai thầu là Đặng Văn Ký, hiện bấy giờ tên tuổi nổi như cồn, vì là đương kim chủ tịch Mặt Trận Tranh Thủ Hòa Bình, hễ đi tới đâu, thì thanh niên biểu tình tới đó.

Anh Mười Ký quen với với tôi từ năm 1935. Lúc ấy anh có nhà tại ga xe điện Đakao, nay, anh đã dẹp và lãnh họa truyền hình mà sống. Chính anh là họa sĩ vẽ bức tượng «con mắt» tượng trưng Đấng Tối Cao mà đạo Cao Đài thờ bây giờ. Anh là người sanh ra ở thế kỷ trước và từ có ý thức, hễ có phong trào nào, là anh có chơn ở trong. Năm ấy, tôi mới dời về ở Đakao, nên tới lui chơi với anh. Và anh nhiệt liệt hưởng ứng với phong trào tranh đấu của nhóm La Lutte. Trước đó, năm 1926, anh đã tham gia vào nhiều phong trào quần chúng, như đám táng cụ Phan Châu Trinh, phong trào Nguyễn An Ninh, vô đạo Cao Đài khi mới thành lập.

Lúc chiến tranh vì chống đối với thực dân, anh bị đưa đi Bà-rá. Khi được thả về, thì lại liên lạc với

nhóm người ái quốc chống Pháp, do đó mà dính líu với những người thân Nhật. Bị khủng bố, bị Pháp hăm bắt, anh móc nối với Trần Văn Ân và được Trần Văn Ân nói với Nhật cho tị nạn theo Ân mà sang Tân Gia Ba cùng với Trần Trọng Kim, cụ cử Dương Bá Trạc. Nơi đó, cụ Dương Bá Trạc qua đời. Nhật đảo chánh xong, Trần Trọng Kim, Trần Văn Ân và Đặng Văn Ký được đưa về. Trần Trọng Kim được cắt làm thủ tướng chánh phủ tại Huế. Năm 1947, Trần Văn Ân làm Tổng Trưởng Thông Tin cho chánh phủ Nam phần Nguyễn Văn Xuân nên ban cho Đặng Văn Ký một cái giấy phép ra một tờ báo. Trước khi tôi từ Hà-nội về, báo nầy đã ra đời, nhưng không ăn khách, phải đình bản.

Đến khi tôi về, Đặng Văn Ký đến thăm và đề nghị đổi tên tờ báo là Sanh Hoạt, và chạy vốn để ra hàng tuần. Thú thật là tôi nghi ngờ vốn nầy là do Trần Văn Ân đưa ra để bủa lưới bắt tôi kẹt vào chánh trị. Nên tôi bắt buộc, để từ chối, rằng nếu tôi hợp tác, thì chỉ trên lập trường văn hóa xã hội mà thôi. Tuyệt nhiên, tôi không viết và cũng không để có bài chánh trị đăng vào trong ấy. Tưởng đâu anh Mười Ký từ chối. Không dè anh chấp nhận. Và giao cho tôi cai thầu cả bộ biên tập, như vậy tôi khỏi trành tròn gì. Số tiền không lớn lao chi. Đáng lẽ tôi từ chối, nhưng mà tôi lại nhận. Bởi vì trong nhà tôi có một cây viết khỏe. Nói ra không ai ngờ cả. Vì từ ấy, ngoài tờ Sanh Hoạt ra, tôi chưa thấy ký giả nầy viết cho báo nào cả. Ký giả nầy, bây giờ tên tuổi lừng cả thế giới, nhưng thiên hạ thán phục anh là một nhà toán học đại tài, chớ chẳng ai

biết y ta viết báo bây giờ. Và nếu bây giờ tôi không khai, thì việc nầy bị chôn vùi trong lãng quên. Tôi thấy cần viết lại, để khi nào ai có viết chi về đời sống của nhà toán học, thì không nên quên tài viết báo khoẻ của anh. Về chủ quan của tôi, để nhắc nhở rằng trong cái động của tôi, đã xuất hiện lắm nhơn tài. Và y ta là một.

Phạm Mậu Quân, tên của chàng, vốn là một thanh niên lỗi lạc ở Hà-nội.

Khi ở trung học, Quân đã làm cho giáo sư Hoàng Xuân Hãn rất phục về một biệt tài chép cua lạ lùng. Mặc dầu thầy đọc cua rất lẹ, học sinh khác chép không kịp, nhưng mà Quân chép rất mau, không sót một chữ nào, chẳng hề viết tắt đến một chữ, giấy không gạch hàng, mà ngay ngắn vuông vắn, chữ đẹp như trong tập đồ đem ra, và hình vẽ đẹp mắt không tưởng tượng nổi. Hoàng Xuân Hãn phục quá, đến đỗi kỳ hội chợ Hà-nội đem ra trình bày, cùng một lúc bức thơ của hoàng đế Quang Trung gởi cho La Sơn Phu Tử, tập cua chép toán của Phạm Mậu Quân.

Đến khi tôi ra Hà-nội, Phạm Mậu Quân ở vào nhóm sanh viên lỗi lạc quanh tôi mỗi ngày, và hiện nay tên tuổi sáng chói trong giới khoa học ở Hà-nội. Khi tôi bao thầu việc xuất bản sách giáo khoa khi mới vừa làm cuộc thay đổi tiếng Việt làm tiếng học thừa, thì Quân lãnh trọng trách chỉ huy việc khắc bản gỗ những hình in trong sách. Hai thanh niên sáng chói nhứt Hà-nội là Triều Sơn và Phạm Mậu Quân. Khi tôi về Nam, thì cả hai cũng vô Sài-gòn, Triều Sơn thì xuống tàu làm thợ. Còn Phạm Mậu Quân thì ở trong nhà tôi, để tiếp tục học toán ở Phân khoa khoa học.

Trong nhà đông miệng ăn, mà việc làm không có gì chắc chắn, Quân xúi tôi đứng ra làm cai thầu biên tập của tờ Sanh Hoạt, tôi chỉ mỗi tuần viết một bài xã thuyết và dịch một đoạn Tam Quốc Chí với lời bàn theo lối Mao Tôn Cương. Còn bao nhiêu là Phạm Mậu Quân bao hết.

Hoàng Xuân Hãn thấy được Quân có cái tài chép cua. Còn tôi tìm nơi Quân cái tài viết báo. Chẳng những viết khoẻ mà còn viết bài nào, ai đọc cũng tưởng rằng chính tôi là tác giả bài ấy. Do đó, mà một số bút hiệu mà Quân đặt ra gán đại cho tôi, tôi cũng không nhớ. Bây giờ dở chồng báo cũ, nhà sưu tầm nên nhớ rằng hầu hết bài viết trong Sanh Hoạt là của Phạm Mậu Quân. Mùa thu năm 1948, Quân sang Pháp học thêm để trở thành một nhà toán học lừng danh của nước Pháp, không biết còn nhớ đến cái đời ký giả của mình chăng ?

Tuy ít viết trong Sanh Hoạt, song những bài viết trong ấy thảy đặt những vấn đề lớn. Vấn đề lớn thứ nhất là đường lối dân tộc. Trong những bài xã thuyết, đặc biệt là trong bài *Thân Việt*. Thuở ấy, vấn đề trước mắt là chiến tranh Việt Pháp. Mọi người chỉ thấy nên đứng bên kháng chiến chống thực dân, hay hiệp tác với thực dân mà chống lại Việt Minh. Trên báo chí, không có ai bàn đến việc thế giới bị cắt làm đôi trên mặt báo chí Việt-nam. Lúc ấy, có tin cựu đại sứ Hoa Kỳ là William Bullitt sang Việt-nam, móc nối với mọi thành phần chánh trị. Nghe tin ấy, tôi khởi sự phân tích vấn đề thân Mỹ. Bởi lúc ấy có một số chánh khách, tuy không theo Việt Minh, song cũng chán bọn thực dân mà từ chối

hợp tác với những chính phủ do Pháp dựng lên tại Sài-gòn. Những người nầy nhơn chuyến đi của vị cựu đại sứ Hoa-kỳ, gởi hy vọng vào Hoa-kỳ, chủ trương thân Mỹ. Vì chỉ có Mỹ, vì lý do chống Nga mới giúp cho dân tộc Việt-nam được độc lập, để lấy dân tộc Việt-nam làm một tiền đồn chống cộng. Nhóm trí thức chủ trương thân Mỹ nầy quây quần cố dân biểu lập hiến Trần Văn Văn, để kể tên chỉ của người khuất mặt. Tôi thường giao thiệp với những người thuộc nhóm ấy, mới viết bài *Thân Việt*, để vạch đường lối dân tộc, không thân Nga mà chống Mỹ cũng không thân Mỹ mà chống Nga. Trong cái thế giới hai phe, đường lối dân tộc chỉ cho phép «thân Việt» mà thôi. Còn đối với các dân tộc khác, không chủ trương chống với ai cả. Đây là bài báo mà tôi công khai thái độ của tôi, để trả lời cho những người thân Mỹ. Đồng thời, tôi cũng lập lại câu tôi đã nói với Hồ Chí Minh năm 1945; khi Hồ Chí Minh ở chiến khu vừa về tới. Tôi đã biết Hồ Chí Minh trên hành động, mặc dầu chưa gặp nhau. Khi gặp nhau lần đầu, tôi nói rằng Hồ Chí Minh mà kéo nước Việt - nam vào lập trường thân Nga, thì chiến tranh sẽ kéo dài mãi mãi trên đất nước. Vậy có thể nói bài *Thân Việt*, tuy là bài công bố lập trường dân tộc, không theo một khối lớn nào, song vốn là đường lối mà tôi đã dõi theo từ lâu mà chỉ được dịp nói lên năm 1945, viết ra năm 1948. Và sau nầy lần lần tô đi điểm lại.

Cũng trong báo Sanh Hoạt nầy, tôi công bố cho độc giả miền Nam một tác phẩm đã in ra tại Hà-nội năm 1946. Ấy là quyển *Tương Lai Văn Hóa Việt - nam*.

Đến nay, tôi chưa viết quyền nào đắc ý hơn. Các tác phẩm khác chỉ là đem những tư tưởng đã nói rồi trong quyền nầy, đem ra mà mở rộng về bề mặt, hay moi sâu hơn mà thôi. Năm 1946, sách nầy là quyền duy nhất được in ra ở Hà-nội, với tên thiệt. Hình thức là một bản sách quí, in trên giấy «sắc thần» chế tạo riêng tại làng Bưởi, chữ cỡ to, sắp trong một lõm nhỏ nằm giữa trang thênh thang. Bìa đặc biệt do Tô Ngọc Vân trình bày. Xem như là một tập thơ. Mà văn tuy viết là văn xuôi, song đọc và ngâm thì có trầm bồng tiết tấu, hòa điệu, viết trong hình thức «thơ bằng văn xuôi». Nhưng sách in chỉ có 500 quyền, vừa đem ra phát hành, thì binh lửa xảy ra ở Hà-nội.

Bởi muốn phổ biến tư tưởng trình trong sách nầy, tôi cho trích từng đoạn mà in trong báo. Dương Tử Giang thích thú, mở một nhà xuất bản, lấy tên là Đồ Chiểu mà in lại thành quyền mỏng. Rất tiếc là kiểm duyệt, chẳng những cắt bỏ đi, mà còn cho rằng văn của tác giả không hay, nên sửa nát hết. Kể là ba lần ra chào đời. Đến năm 1965, có cho in lại bản Đồ Chiểu. Nhưng độc giả nào muốn biết nguyên văn, tất phải lấy bản của nhà Minh Đức hoặc đã in lại trong Sanh Hoạt. Chớ còn hai lần in sau đã là «tam sao», chắc chắn là thất bản rồi.

Khi tập thơ nầy ra đời, giới văn nghệ ở Hà-nội đã trải qua một hồi náo nhiệt. Họ gặp gỡ nhau để thảo luận, để phê bình. Đây xin kể lại hai buổi «hội thảo» mà tôi được mời dự. Buổi thứ nhứt là một bữa tiệc «nhậu». Có Lưu Trọng Lư, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Đình

Lạp, Phạm Ngọc Khuê, Bùi Huy Phồn, Huyền Kiêu, với trước mắt thịt gà cơm nếp và rượu. Tôi tưởng đâu bị đem ra bàn mổ xẻ. Nhưng những nghệ sĩ này thảy đồng ý không đề cập đến nội dung của quyển sách, mà chỉ nhấn mạnh đến sự xuất hiện một thể văn, hoàn toàn mới, là thể «thơ bằng văn xuôi» để tải những bài «thơ tư tưởng»...Sau nầy, tôi có dịp đọc một mớ thơ của các thi sĩ trẻ. Nếu họ đừng cho in qua dòng, theo hình thức thơ cũ thì quả là «thơ bằng văn xuôi» nếu có đầy đủ chất thơ. Và nếu chẳng có chất thơ, thì hiện nguyên hình là văn xuôi mà thôi.

Thú thật, khi ngồi viết, tôi chẳng có ý định làm thơ. Hôm ấy có cô nữ sinh viên Duy Cúc đến viếng và đòi tập tành viết văn, nên bảo tôi thử «làm một bài mẫu» để tập viết theo. Nhơn Hội nghị văn hóa toàn quốc đương cổ động rầm rộ, và ở Hà-nội đã tung ra thị trường bán hai quyển sách trùng tên là *Văn Hóa là gì ?*, một quyển do Đào Duy Anh viết, một quyển do Đặng Thái Mai và Nguyễn Hữu Đang cùng viết để định nghĩa danh từ văn hóa, nên tôi muốn đưa ra định nghĩa thứ ba của tôi, nhân tiện thảo ra một bản «hịch văn hóa» để phổ biến trong dịp Hội nghị. Nội dung đã có, hình thức lại do Duy Cúc yêu cầu. Nên tác phẩm do Tô Ngọc Vân trình bày, nhà Minh Đức xuất bản, có đề tặng cho cô Duy Cúc một cách kín đáo. Nhưng cảm thấy ít ai hiểu, dầu hiểu khó có ai làm theo. Họa may là thế hệ sắp tới, lúc đó đương là «xích tử». Công khai thì đề : «Tặng X.T. độc giả vị lai của quyển nầy». Rất mong rằng năm 1976, nước Việt-nam sẽ có một người, xứng đáng là X.T, đọc

quyền ấy mà sanh hứng, thực hiện mộng của tác giả.

Buổi hội thảo thứ hai có cả Đặng Thái Mai, Đào Duy Anh, Nguyễn Hữu Đang, gồm những «học giả» lụ khụ. Trong cuộc nói chuyện tôi cứ bị hỏi : «Cái văn hóa đó cái gì ?» Đến nay, hãy còn rất đông người thắc mắc như trên. Tôi không cướp quyền trả lời của X.T. Và tôi ước mong X.T. trả lời bằng việc làm hơn bằng ngôn từ.

Cái mà, trong báo Sanh Hoạt, Phạm Mậu Quân cổ động rất hăng say, là việc dùng tiếng Việt để là chuyển ngữ dạy các môn học, từ tiểu học đến Đại học. Phong trào dùng tiếng mẹ làm tiếng học thừa, đã được tạp chí Khoa học đề xướng và cổ võ từ dạo năm 1940. Đến khi Nhật đảo chánh, giao cho Trần Trọng Kim tổ chức chánh phủ, thì trong nội các nầy có giáo sư Hoàng Xuân Hãn được chọn làm bộ trưởng Bộ Giáo Dục. Hoàng Xuân Hãn công bố ngay kế hoạch dùng tiếng Việt để dạy trong các trường, và cuộc thi tú tài tháng sáu, tổ chức tại Huế, thí sanh được thi thử bằng tiếng Việt ngay. Từ ấy, ở các vùng do bên chánh phủ cách mạng chiếm đóng, thì chương trình dùng tiếng Việt được tiếp tục áp dụng. Còn trong Nam, sau khi Pháp tái chiếm đóng, thực dân lại bắt buộc trẻ con học lại tiếng Pháp. Nên chi, ở Sài-gòn, năm 1948 ấy, các trường, kể cả tiểu học, thảy đều dạy y như cũ, tức là trẻ con học rằng tổ tiên «chúng ta là người Gô-loa».

Trước khi vào Nam, Phạm Mậu Quân đã từng dạy học cho các trường công, bực trung học, ở Hà-nội, trong suốt ba năm 1945-1946, 1946-1947, và bắt đầu 1947...

Tự mình kinh nghiệm, thấy kết quả rõ ràng, nay thấy trong Nam, các cấp lãnh đạo nghe theo Tây mà đi ngược dòng, thì mặc dầu Phạm Mậu Quân không phải là có óc cách mạng, song Quân lấy làm tức. Vì vậy mà Quân viết những bài đề cao Hồ Quí Ly và Nguyễn Huệ là những bực tiền phong trong việc dùng chữ nôm để làm thừa ngữ trong việc dạy dỗ cũng như trong công văn.

Kể ra, nghề cai thầu biên tập của tôi ví chẳng khác chi đi thuyền gặp gió ngược. Về chánh trị, thiên hạ đổ xô nhau mà vọng ngoại, không dấn thân bên nầy, lại theo bên kia. Chúng tôi là nhóm tí hon, chủ trương chẳng vọng ngoại mà chỉ «thân Việt». Về văn hóa, đặt những vấn đề cao xa, chẳng mấy ai thích, ít có người ưa. Báo khó đọc, viết cao, tự nhiên bán không chạy ồ ạt như những tờ báo viết tiểu thuyết, bán bài chánh trị đầu cơ (theo nghĩa đẹp cũng như theo nghĩa xấu của chữ nầy). Cứu cánh đến tất phải đến. Số độc giả teo dần, ông chủ nhiệm bắt buộc phải đình bản.

Không phải là chúng tôi không tài viết những bài chánh trị sôi động và ăn khách. Không phải chúng tôi chẳng viết được những tiểu thuyết hấp dẫn độc giả. Nhưng mà, cá nhân tôi mắc vào một thế kẹt. Bởi vì năm 1945, tại Hà-nội, tôi đã tuyên bố nghỉ làm chánh trị trong một khoảng từ năm đến mười năm. Mà lúc ấy, mới vừa ba năm mà thôi. Nếu nhảy ra làm chánh trị, thì còn gì chữ tín đối với công chúng ? Bây giờ, vì chút cảm tình với Đặng Văn Ký, mà mất chữ tín đối với toàn thể đồng bào, việc làm ấy tôi không thể làm được. Nên chi, khi khó từ chối việc cai thầu biên tập của tờ Sanh Hoạt, tôi

đã ước hẹn chỉ chuyên về văn hóa giáo dục mà thôi. Tờ báo có ra thế nào, cũng không trách tôi được.

Cũng trong chiều hướng đó, bây giờ mới hiểu lý do tại sao lúc ấy, để kiếm ăn, tôi phải bắt buộc viết báo, mà viết báo, tôi phải trốn dưới những bút hiệu. Và rất hiếm có những bài ký tên thiệt của tôi. Có điều lạ là mặc dầu tôi ký tên là gì, độc giả đọc xong bài, là biết ngay rằng tôi là tác giả. Câu văn ấy là người, đối với trường hợp của tôi, không khác nào cái thẻ căn cước vậy.

Báo Sanh Hoạt chết. Cộng sự viên của tôi giữa năm 1948 sang Pháp, sau khi thi xong bằng cử nhơn toán học, được ban giám khảo từ Paris gởi sang chú ý đặc biệt, hứa sẽ vận động cho học bổng, nếu tiếp tục học nữa. Sang Pháp, Phạm Mậu Quân được ngay học bổng để chuẩn bị thi thạc sĩ và tiến sĩ.



CHƯƠNG MƯỜI BA

Phi Lạc sang Tàu

Cũng trong khoảng thời gian 1948-1949 nầy, mà tôi hợp tác với bà Bút Trà viết trong báo Sài-gòn Mới. Gia đình của bà Bút Trà, tôi đã quen từ nhiều năm trước. Song tôi có tật là không mấy khi đi tìm xin viết cho báo nào, mặc dầu đói le lưỡi. Một hôm, bà đến nhà, nhờ tôi viết bài. Chín hấu mà còn mại hơi, tôi buộc điều kiện là bài không được ký tên thiệt, và tự ý tôi viết gì là tôi viết. Bà bằng lòng. Tôi lại buộc một điều kiện khó hơn, đề chờ bà từ chối. Ấy là tôi chỉ viết lời thiệt ngắn, rồi tìm họa sĩ lấy tứ mà vẽ, xong làm bản mà in thành tiểu thuyết có hình. Bây giờ kỹ thuật này tràn đồng. Nhưng đối với năm 1948, ấy là một việc rất mới đối với xứ Giao-chỉ. Bà cũng chịu nốt. Thế là tôi kẹt, phải viết cho Sài-Gòn Mới. Tiểu thuyết hình lúc ấy là câu chuyện thằng Quỳnh và thằng Thơm đi vòng quanh thế giới, với hai bàn tay trắng. Họa sĩ Tú Duyên được nhà báo đặc phái hợp tác với tôi mà viết vẽ tiểu thuyết cho trẻ con nầy. Té ra người lớn lại là độc giả đông đảo hơn hết. Nhờ đó mà tôi mới biết rằng tôi có chút duyên khi kể chuyện. Bấy giờ, tôi mới hết cái mặc cảm rằng văn của tôi là thứ văn dùi đục chấm nước muối, tôi mới moi bộ tiểu thuyết mà tôi đã viết năm 1945, khi tôi trốn trinh sát Việt Minh, ngày đêm, tôi không bước ra khỏi phòng. Nói là viết, song độc giả chớ nên nghĩ rằng tôi viết mực đen trên giấy trắng.

Từ năm 1932, khi bị nhốt ở bót Catinat, tôi đã tập viết tiểu thuyết nhầm, như tôi đã thuật ở trước. Lúc đó, để đừng quẫn trí, tôi xuất bản một tờ báo nhầm, thì trong báo nầy, có một cái phơi-dơ.tông, mỗi ngày chấm dứt với câu : «Muốn biết sự ra thế nào, xin độc giả đón số ngày mai phân giải». Trong những năm ở tại Côn-lôn, bị nhốt trong một khám hẹp té cả trăm rưỡi tù, không chỗ chạy giỡn, chúng tôi lại tổ chức xuất bản tiểu thuyết miệng. Mỗi chiều, nhóm văn nghệ quần tụ lại một góc, để nghe một tiểu thuyết gia xuất bản miệng tác phẩm của mình. Do đó mà tôi rất quen cái nghề viết tiểu thuyết bằng miệng, cũng tình, cũng tiết, cũng tả cảnh, cũng đối thoại, cũng gây cấn, cũng hấp dẫn, mê ly, rùng rợn, sống động, và về hình thức, cũng chia thành chương thành hồi. Lúc nhỏ, tôi đọc truyện Tàu quên cả ăn ngủ, nên tôi quen dứt mỗi hồi bằng câu : «Muốn biết việc ra thế nào xin xem đến hồi sau phân giải».

Nơi đây, tôi xin mở một dấu ngoặc lớn, để nói về trò chơi bi đát là ra tiểu thuyết miệng. Ban đầu, chỉ một nhóm văn nghệ sĩ tham gia vào cái hàn lâm viện của chúng tôi. Tiểu thuyết có vẻ chọn lọc, có màu «tự lực văn đoàn» lắm. Nhưng mà số người tham gia càng ngày càng đông. Riết rồi cả khám tổ chức nói truyện Tàu. Trong khám nhốt tôi, lúc ấy cũng nhốt Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Lê Doãn, có một anh thợ rèn, người gốc Biên-hòa, tên là anh Soái, có biệt tài thuộc từng chữ một bộ Phong Thần và Tây Du. Cả khám nằm thin thít, mà nghe anh đọc lại truyện. Thú vị nhất là mỗi lần có một vị tiên xuất trận, thì anh ngâm bài thi với một giọng ông đồ ở nhà quê, nghe rất mùi tai.

Chuyện đọc truyện khởi từ khám của tôi. Sau lan tràn tất cả khám. Một hôm, có ai báo cáo gian không biết, nói rằng tụi chánh trị mỗi đêm tổ chức diễn thuyết có thằng Tây gác dan, mà anh em thường gọi là thằng Tây quần rình. Xin độc giả cho phép tôi mở một cái ngoặc nhỏ đã nói tại sao chúng tôi gọi thằng đó là Tây quần. Bởi vì khi ra ăn cơm nó buộc ai nấy phải cởi trần truồng như nhộng, vì nó muốn kiểm soát khi vào khám, chẳng ai lén giấu theo một cục sỏi nhỏ, hay một cái lá rụng, một cọng cỏ để xỉa răng. Hễ ai lơ đễnh, mà trước khi đi ra, còn mang cái quần đùi, thì nó đè đánh một trăm roi liền. Vì chuyện cái quần đùi che chỗ kín trong mười lăm phút mà trả giá một trăm roi, nên anh em đặt tên nó là thằng Tây quần. Xin khép dấu ngoặc nhỏ lại. Hôm ấy, thằng Tây quần rình bên khám của Dương Bạch Mai, nghe thấy ai nấy nằm im thin thít mà nghe một tiếng nói thao thao, nó để quyết là đương diễn thuyết chánh trị, mở cửa vô, kéo ra từng người, đánh mỗi người năm mươi cây củi đòn lớn, rồi làm báo cáo buộc tội tất cả các khám đương tổ chức chuẩn bị phá khám vượt ngục. Kết quả là đám chúng tôi bị biệt giam luôn hai năm, sau khi bị còng cẳng chín mươi ngày. Và kết quả tai hại nhứt là sau chuyến còng cẳng đó là một cuộc truyền nhiễm bịnh ỉa chảy tràn lan, báo hại số anh em chánh trị thuần túy hơn sáu trăm, mà chết luột sạp, chỉ tồn còn một trăm hai mươi lăm mạng. Đến đây xin khép dấu ngoặc lại, để nói về cái ảnh hưởng tai hại của truyện Tàu.

Thế mà tôi không tởn, nên khi ở Hà-nội, tôi đã viết nhầm tiểu thuyết Phi Lạc Sang Tàu mà phân chia từng hồi,

mỗi hồi chấm dứt y như truyện Tàu, mời độc giả xem đến hồi sau phân giải. Thuở ấy trí nhớ của tôi rất là kinh khủng. Mỗi khi tôi nghe qua, là tôi nhớ cả chi tiết. Tiểu thuyết đã xuất bản nhầm một lần ở Hà-nội, bây giờ, bà Bút Trà yêu cầu cho xuất bản, mỗi ngày tôi chép lại một đoạn ngắn mà giao cho nhà in.

Tác giả ký tên là Ý Dư. Về bút hiệu nầy, tôi cũng xin nhắc lại một đôi kỷ niệm của người có biệt hiệu là Ý Dư. Năm 1945, khi vừa ra Hà-nội, tôi đến nhà của nhà văn Phạm Ngọc Khuê. Một hôm, lục sách đọc chơi, tôi thấy một mảnh giấy mà văn chương rất là trữ tình. Tôi đưa cho Khuê hỏi : « Ai mà viết thơ quá trữ tình như vầy ? » Khuê đáp : « Anh ấy là Đặng Ngọc Tốt, một trong ba quái kiệt của Đại học Hà-nội. Ba quái kiệt nầy là Nguyễn Đình Thi, Huỳnh Văn Tiểng và Đặng Ngọc Tốt, thường tổ chức những cuộc diễn thuyết rất sôi nổi ». — « Sao mà anh có bức thơ tình rất thống thiết như vầy ? » — « Anh Tốt mê cô em trong nhà, nên gởi thơ cho cô ấy ». Tôi đọc thơ lại, thấy thơ ký tên là Ý Dư, theo tiếng Hán là nên để ý đến tôi mà thương cho tôi nhờ. Tôi lại thấy nghĩa nôm ngồ ngộ. Ý Dư theo tiếng ta là tiếng, là ý nó dư ra ngoài, kể là bỏ đi, không cần thiết, nghe cũng được, thiếu cũng không sao. Khi về Sài-gòn, nghe anh em trong kháng chiến thôi về Sài-gòn kể lại anh Tốt cũng nói chuyện rất sôi nổi ở trong khu, mà lập luận hơi khoác lác một chút, nên tôi mới mượn chữ anh ký nơi cuối bức thơ tình mà làm bút hiệu tác giả tiểu thuyết.

Sở dĩ làm chuyện ấy, bởi vì có một luồng dư luận cho rằng lời khoác lác của Đặng Ngọc Tốt chẳng có giá

trị chi cả. Nước Mít đã là nước chẳng có địa vị gì trong bàn cờ thế giới, anh Đặng Ngọc Tốt lại chẳng phải là danh nhân, sao lại nói lớn lối làm chi vậy? Nhưng tôi lại thấy Đặng Ngọc Tốt có cái gì hao hao giống như anh chàng Phi Lạc trong tiểu thuyết, và tôi nghĩ lại muôn việc cũng chỉ tại cái Thời. Nếu cái thời đến, thì thằng mõ làng Phù-ninh hay Cổ-nhuế gì cũng có thể thành công, huống hồ là một Đặng Ngọc Tốt, mà khi còn là sinh viên, đã nổi tiếng là quái kiệt?

Bây giờ, nhơn viết hồi ký, tôi mới nói đến ý nghĩa của bút hiệu Ý Dư. Có lắm điều, hoặc tôi nói, hoặc tôi làm, thiên hạ chẳng hiểu, hoặc hiểu sai, tôi cứ cười mà trừ, chẳng hề đính chánh. Trường hợp Ý Dư là một. Nói như vậy để cho những ai cố suy tư nên cẩn thận, kẻo thố ngộ khi áp dụng câu « chẳng nói là nhận » cho tôi.

Mặc dầu bà Bút Trà hứa hẹn và cố giấu bí mật, nhưng chẳng bao lâu, độc giả thảy đều biết tác giả của Phi Lạc sang Tàu là ai. Họ theo dõi, bởi luận điệu hóm hỉnh, trào phúng. Nếu có ai mà nghĩ đó là một áng luận cương về chánh trị, thì chắc người ấy không khi nào đọc cho đến dòng chót. Trong văn nghệ gọi đó là bọc liều thuốc đắng bằng đường. Tôi biết nội dung sách nầy thiên hạ chê như trẻ chê liều thuốc đắng vậy. Nhưng nếu bọc liều thuốc đắng trong đường mà làm cho trẻ dễ nuốt, thì xảo thuật ấy có thể ứng dụng trong văn chương.

Mớ xảo thuật để bọc đường tư tưởng cao siêu là cả cái kho tàng văn chương bình dân đương tàng trữ trong dân gian, mà ít ai chịu khó khai thác. Tôi có diễm phúc là có một người cha có thiên tư kể chuyện và đặt chuyện

tiếu lâm. Bất cứ có đề tài nào để châm biếm với mục đích răng đời, là ông có sẵn trong kho ký ức một câu chuyện hay của ông đã nghe mà ghi nhớ. Ví như không có, thì ông cũng đặt ra. Ngoài thân sanh tôi, gần nhà tôi có một nhà giàu, ngày nào cũng có một vài chục phu phen đến giúp việc. Để quên nhọc, họ thi nhau nói chuyện nầy đến chuyện kia. Lúc tôi nhỏ, tôi hay đến nghe lóm, cười hùn. Nhờ vậy mà cái khoa nói dóc của tôi có một nguồn kể như là vô tận.

Có thể nói rằng tôi có chút danh trong làng văn là nhờ quyển Phi Lạc Sang Tàu. Mà có vậy, ấy bởi tôi có gan lì mà đem văn chương bình dân, cái thứ không nhà văn chính cống nào dám ký tên mình vào và đặt vào vai chủ động. Điển hình là tôi đem thằng mõ ở ngoài Bắc đặt lên trên ngôi ông tiên chỉ, trên cả ngôi của vị học giả nổi tiếng toàn quốc. Hơn nữa, trong lúc mà miền Bắc bị quân đội của Lư Hán chà đạp dưới gót sắt giày xéo của chúng, cả nước coi chẳng ra chi, mà tôi lại gài cho cả nước Trung-hoa phải xếp ve trước thằng hạng bét của nước Việt-nam. Đó là một mối trả thù nằm trong tinh thần của mỗi câu chuyện tiếu lâm, tức là cái lối bình dân chưởi vua, chưởi quan, chưởi cường hào ác bá, chưởi cả thánh thần, nếu thánh thần sai nốt. Có những câu chuyện tiếu lâm chưởi cả Diêm Vương, chưởi Ngọc Hoàng thượng đế, thầy chùa, hòa thượng gì chưởi tuốt luốt. Có một vị mà tôi chưa hề nghe câu tiếu lâm nào đá động đến, vị ấy là Phật mà thôi. Và cái hay của chuyện tiếu lâm, là khi chưởi như vậy, tất cả ngồi nghe thảy đều chấp nhận luận điệu bằng một cái cười hồn nhiên biểu đồng tình.

Phi Lạc Sang Tàu là một câu chuyện tiếu lâm dài, chưởi hết kinh điển của Tàu, ngũ kinh, tứ thơ, y, lý, số, tướng... Đó là tiếng nói của thằng nông dân Việt-nam phản ứng lại cái ách văn hóa của Hán tộc. Bởi tôi nhận rằng chúng ta bị Tàu đô hộ cả ngàn năm, giành được tự chủ từ Ngô Quyền, nhưng mà mãi đến bây giờ suốt một ngàn năm thêm, vẫn còn bị dưới ách văn hóa của Hán tộc. Mở miệng ra thì nếu không phải là « tử viết », thì cũng một ba Tàu nào đó « viết ». Chớ chẳng có ai trích lục tư tưởng của một người Việt nào để mà « viết ».

Trong chiêu hướng « cách mạng văn hóa » đó, tôi trích lục tư tưởng của hai vĩ nhân mà tôi thấy không bị Tàu chi phối. Ấy là Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm và Đức Phật Thầy Tây An. Tôi cho chỉ có hai vị nầy tư duy với đầu óc Việt, còn tất cả các danh nho khác chỉ nhai đi nhai lại những bã văn hóa của Tàu. Tôi đề cao « sấm ký » như nhà văn Nguyễn Mạnh Côn chê bai, không phải tôi mê tín sấm ký. Nhưng tôi thấy rằng « Trạng Trình viết », hay là « Tây An viết » sao lại thua Khổng Tử viết, hay Mạnh Tử viết? Đó là một cạnh khía mà bấy lâu nay chưa có nhà phê bình nào đề cập đến.

Dựa vào hai nhà tư tưởng Việt là Trạng Trình và Phật Thầy, để chống lại tất cả hệ thống Hán Nho, tôi không cần biết những đấng Việt Nho nầy nói trúng hay nói sai, cũng như bất cứ lý luận chi của Cống Quỳnh, tôi cho là đúng hơn lý luận của Tàu, ấy là tôi trung thành sùng kính câu ca dao mà tôi đã nghe và thuộc nằm lòng, khi tôi mới bập bẹ vài tiếng: « Ta về ta tắm ao ta, dầu trong dầu đục, ao nhà vẫn hơn. » Cái ao Việt nho thật là

lèo tèo hai vị bằng xương bằng thịt là Trạng Trình và Phật Thầy, và một vị tưởng tượng là Cống Quỳnh. Đối với thiên hạ, cái ao nầy là một cái ao nhỏ xíu mà nước đục. Nhưng mà tôi thích tắm ao ấy hơn. Bởi vì là ao ta.

Cũng trong chiều hướng đó, bộ tiều thuyết « Ngàn năm một thuở ». tôi quan niệm phải xây dựng trên ba quyền. Quyền thứ nhứt là Phi Lạc Sang Tàu, mà phần đông độc giả có đọc. Quyền thứ hai, nhan đề là Phi Lạc Náo Hoa Kỳ. Quyền nầy đã được đăng từng đoạn trong Sài-gòn Mới, sau cũng trích đăng từng đoạn trong Phương Đông năm 1953. Rồi năm 1955, in thành sách. Khốn nồi, gặp làn sóng Mỹ hóa tràn vào xứ quá mãnh liệt, sách nầy chịu số phận quá hẩm hiu trong khi anh em Ngô Đình ngự trị miền Nam. Đến khi chế độ Ngô Đình đồ. sách chôn giấu, moi lên, lớp bị mối ăn, lớp bị ẩm thấp, mót máy lại chỉ còn ba ngàn quyền, bán lại trong vòng hai tháng. Vừa lấy lại được vốn. Vì bảy ngàn đã hư hao cả.

Hãy còn một quyền thứ ba, nhan đề là Phi Lạc bỡn Nga. Bản thảo nầy, năm 1954, tôi viết được phân nửa. Kế rồi mắc nạn, phải vào khám với bản án tử hình.. Vào tù, tôi viết lại đến hai lần. Lần thứ nhứt, bản thảo bị xét lấy rồi đem làm mồi nuôi mối. Lần thứ hai viết lở dở được một ít, kế được phóng thích. Ra tù, thấy trong chín năm, thời cuộc thay đổi nhiều quá, muốn khai thác thêm, bèn viết lại. Viết tới đâu, thì trích đăng trong nhựt báo Ánh Sáng. Viết gọi là đề thử coi sức mình còn đủ đề viết chăng? Vì lúc ấy bịnh quá nặng, tưởng đâu đã theo ông bà. Kè ra, nếu có thời giờ, cũng nên viết lại.

Cũng trong thời gian hợp tác với Sài-gòn Mới nầy mà tôi cũng viết hai tiểu thuyết Thu Hương và Chị Tập· Hai quyền nầy, trong đầu óc xây dựng của tôi, tuy mỗi quyển là một tiểu thuyết trọn, song đọc tiếp nối theo, lại nằm trong một bộ tiểu thuyết lớn, nhan đề là «Gái nước Nam làm gì ?». Bộ nầy, tôi tính viết thành 28 quyển, mỗi quyển có một nhân vật bật nồi lên trong khung trời chánh trị của thời. Và trong một lúc mà thôi.

Tại sao lại chọn đề tài « Gái nước Nam » ? Bởi vì tôi quan niệm rằng chiến chinh sẽ kéo dài mấy mươi năm. Bọn « Trai nước Nam » kẹt vào công việc quân sự. Riêng có đảng áo dài, khi xưa lẩng mình sau bức màn the, bây giờ bắt buộc phải dấn thân ra ngoài xã hội mà làm đủ thứ việc khi xưa dành cho nam phái. Thời loạn ly là thời mà đàn bà con gái làm những việc của đàn ông. Tuy nhiên, họ làm với tình cảm của họ, tật xấu của họ, tánh tốt của họ, sắc thái của họ. Hòa bình mà trở lại, dễ gì thấy những mẫu ấy mà tả ra ? Rất tiếc là tôi hoặc lãng du nơi hải ngoại, hoặc giam hãm giữa bốn tường của tù đày, hoặc khi được tự do, mà không cơ hội giao thiệp với những cô bóng hồng, bởi bức tường tuổi tác ngăn cách, nên tôi đành gát bỏ luôn một đề tài, chưa chắc sau nầy có ai có dịp khai thác.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Làm báo tại Pháp

Vừa hết mùa Xuân năm 1949, vì một lý do chánh trị, tôi không muốn ở trong xứ. Nên đành rời gia đình, bè bạn, và làng báo Việt-nam mà sang Pháp. Và tôi tới Paris vào đầu tháng V, sau gần một tháng ở trên tàu.

Tuy là nói rời làng báo, song vẫn không cắt đứt dây liên lạc. Báo Sài-hòn Mới vẫn nhờ tôi làm đặc phái viên ở Âu châu. mỗi kỳ máy bay đều có gởi bài về. Và mục tiểu thuyết, tôi vẫn giữ cho dứt bộ tiểu thuyết *Phi Lạc náo Hoa-kỳ*. Đối với Đông Hồ, mỗi khi anh có tổ chức một tờ báo, anh vẫn gởi thơ qua nhờ tôi giúp một đôi bài. Nhưng mà, hoạt động nầy vẫn liên hệ với quê nhà.

Sang năm 1950, tôi gặp một người bạn cũ. Anh Huỳnh Văn Tư, tuy nhỏ hơn tôi mấy tuổi, song trải qua một đời lưu lạc không kém chi tôi. Bấy giờ, anh trụ tại Paris, mở một trường dạy khoa cảnh sát khoa học bằng lối hàm thụ. Lúc ở Hà-nội, tôi đã bày kế mọn để anh thoát móng vuốt cộng sản, nhờ đó mà anh thoát được, sang Tàu. Nên anh rất mang ơn tôi. Gặp tôi nghèo đói ở quê người, anh mới nâng đỡ cho tôi mở một lớp dạy làm báo bằng lối hàm thụ. Đợt bài đã in, năm 1965, tôi cho in lại trong tuần báo Hòa Đồng, sau đóng lại thành sách và nhan đề là *Những kỹ thuật căn bản của nghề viết báo*, rồi bây giờ, được

nhà sách Khai Trí cho in lại thêm một lần nữa. Học viên ghi tên học có đủ từng lớp học thức cả. Có người đã viết báo rồi. Có những học viên đương ở bực Đại học. Mà cũng có những anh ở nhà quê, học vừa biết đọc, biết viết, nhưng chưa sạch chánh tả.

Có một lần, nằm trong khám tử hình, lọt vào một miếng giấy gói đồ, tôi vuốt thẳng đọc chơi. Té ra là một bài phỏng vấn một ký giả nổi tiếng. Người ta hỏi : «Do đâu mà ông bước vào làng báo ? » Tôi rất ngạc nhiên mà đọc thấy câu trả lời gọn gãy : «Năm ấy, tôi ghi tên học cua làm báo bằng lối hàm thụ của Hồ Hữu Tường.». Lại một lần tôi bắt tay một giáo sư Đại học, thì anh ấy nói : « Tôi hồi trước là học trò của bác đây » Tôi quá ngạc nhiên, vì tôi mới gặp anh lần thứ nhứt. Thì anh ấy cắt nghĩa : «Tôi học nghề làm báo bằng hàm thụ với bác, nhưng ghi tên khác. Lúc ấy tôi đương có học bổng, sợ thơ từ qua lại với bác, bọn thực dân cúp học bổng của tôi đi, nên nhờ người bà con làm bình phong mà học với bác đó».

Có một lần tôi đến viếng một vị cao niên, rất có tên tuổi, đã từng làm tổng trưởng, hơn nữa, đã đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc tranh đấu dân tộc. Vừa gặp tôi, Cụ liền lấy trong tủ một tập sách đóng bìa cứng, chữ mạ vàng ra mà khoe. Té ra là quyển *Những Kỹ Thuật căn bản của nghề viết báo*. Rồi, cụ nói : «Tác phẩm của anh, đến nay có hai được vào tủ sách của mọi người. Đó là *Phi Lạc Sang Tàu* và quyển nầy. Nên tôi đóng kỹ như vầy, để lại cho con cháu. Làm chánh trị, cần có tư tưởng chánh trị. *Phi*

Lạc Sang Tàu cung cấp một mớ kiến thức phong phú về tư tưởng chánh trị. Còn *Kỹ thuật căn bản của nghề viết báo* dạy diễn đạt tư tưởng ấy ra cho công chúng. Bằng bài báo, thì đương nhiên rồi. Mà muốn viết diễn văn, thì cũng nên đi qua những kỹ thuật căn bản nầy». Lời khen thật quá đáng. Song vị nầy đặt vấn đề rất trúng cách. Làm báo, làm văn, diễn thuyết, bao giờ cũng cần săn sóc nội dung và hình thức.

Về tiền bạc, lớp dạy làm báo đem lại một sự lỗ vốn khá to. Nhưng kết quả tinh thần, nghĩ ra, cũng đáng kể. Kết quả tinh thần là vô hình, là mai sau mới gặt được. Song lỗ lã về tài chánh bắt buộc tôi phải dẹp tiệm mà sang xoay xở khác.

Gần đến Tết, tôi bèn nghĩ ra một tập báo Xuân. Tức là tờ Cảo Thơm.

Đứng về phương diện kỹ thuật ấn loát, tập báo xuân nầy đánh một cái dấu mà hiện nay, trong lịch trình diễn tiến của báo chí nước nhà, chưa có một tờ báo nào đạt được. Sẵn đây, cũng nên dừng lại đây mà nói sơ lược về kỹ thuật ấn loát.

Nghề in phát xuất từ đời nhà Tống ở bên Tàu, với những bản in khắc trên bản gỗ Sang thế kỷ thứ mười lăm, một người Đức, tên là Gutenberg, sáng chế ra kỹ thuật chữ rời đúc bằng chì có pha chất ăng-ti-moa-nơ cho nó cứng hơn. Kể ra, phát minh của Gutenberg tiếp nối phát minh của người Tàu mấy trăm năm trước về hai chiều hướng. Một là chữ rời, sắp vào nhau cho ngay hàng thẳng lối, nêm chắc nhau, thì cứng như là một bản gỗ. Hai là những chữ rời nầy là chữ đục, thì việc sắp ngay hàng

thẳng lối mới thực hiện được. Còn cái máy in, từ đó đến bây giờ, trải qua gần năm thế kỷ tiến bộ không ngừng, tiến từ in trên mặt phẳng, sang qua in quanh ống tròn để cho tốc độ tăng lên thật to như các máy rotative tối tân in các báo Âu Mỹ. Nhưng mà nguyên tắc bôi mực lên bản in xong rồi in vào giấy, thì từ thời Gutenberg đến bây giờ vẫn không đổi thay. Nguyên tắc nầy gọi là in typo.

Sang đầu thế kỷ XX, do một sự tình cờ, mà người ta phát minh một cách in thứ hai, gọi là in offset. Ngay danh từ offset nầy chứng tỏ sự phát minh bất ngờ nầy. Tiếng Anh, off có nghĩa là ném đi, còn set có nghĩa là bộ. Dường như lúc đó, người thợ cầm một món gì đó, rồi thấy thừa, ném qua một bên, đến khi xong việc, thấy vật ném đó ăn sâu vào một miếng kẽm, nên nghĩ ra mà phát minh lối in nầy. Trong lối in nầy, cách bôi mực, gần giống như trong cách in typo, song khác nơi chỗ sau nầy. Khi in theo typo, thì mặt bôi mực phẳng phiu, nên mực chiếm cả diện tích in. Còn khi in offset, thì mặt in lại biến thành muôn vàn mặt nhỏ, nằm khít nhau, mỗi mặt nhỏ in phần của mình, gây cảm giác là cả mặt đều có bôi mực. Nhưng đem xem vào kiến hiển vi, thì ta thấy rõ toàn là lấm chấm nhỏ nhỏ. Do đó mà khi in bằng lối offset, từ trắng, đến xám, rồi đến đen, uyển chuyển rất sát với màu tự nhiên. Nhứt là khi in hình, thì hay lắm.

Cũng vào đầu thế kỷ XX, một lối in khác được phát minh, gọi là hélio. Nguyên tắc bôi mực lại trái ngược với của offset. Trong cách in offset, mực được bôi lên những mặt lồi ra. Còn trong lối in hélio, mực lại chứa trong những lọ tức là những hang tí hon, nghĩa là lõm vào, rồi giấy đặt lên, thì mực in vào.

Nói đại cương như vậy, song phải xem trên máy đương chạy, rồi cắt nghĩa mới hiểu được. Từ vài chục năm nay, những máy in offset được nhập cảng vào. Nhưng tôi chưa nghe nói có nhà in nào sử dụng cách thức in hélio. Bởi vì máy móc giá cao kinh khủng. Nói về giá cả, những chủ nhà in nói với tôi rằng hễ in dưới 15.000 thì giá in theo typo là rẻ hơn. Nhưng khi in hơn 15.000, thì in theo offset lại rẻ hơn. Nhưng khi in trên 50.000, thì in cùng giống nhau, thì giá in hélio lại rẻ hơn. Nhứt là in hình nhiều màu cho tuyệt đẹp. Ở xứ ta, có gì in trên 50.000 bản đâu mà chủ nhà in in bằng hélio ?

Khi bày việc ra tập báo Cảo Thơm, thì có một người Việt đã sống bằng nghề in rất lâu năm tại Pháp. Trước chiến tranh, anh là một người đã từng hợp tác với vài tờ tuần báo ở Sài-gòn về phương diện mỹ thuật bởi tài vẽ của anh. Khi có chiến tranh, anh tình nguyện ghi tên vào đạo quân Mọi để sang Pháp. Danh từ Mọi, là anh em bịa ra chơi, bởi ba chữ Pháp Main d'œuvre Indochinoise viết tắt mà ra, rồi anh em thêm cái dấu nặng cho có mùi vị Việt-nam.

Tên anh là Hồ Viết Tự, và lấy biệt hiệu là Việt Hồ. Anh có tài vẽ chấm phá với ngòi bút lông, trong vài nét là đã có một bức tranh tả cảnh thôn quê Việt-nam với cô thôn nữ chèo đò, với bà bán gánh đi dưới bóng vài nhánh liễu buông mành. Sau trận giặc, anh có sang Đức, sang Thụy-sĩ mà học về nghề in theo lối hélio, vì anh thấy rằng với nghề nầy, anh mới phát huy được năng khiếu. Vì vậy mà anh Việt Hồ tha thiết thuyết phục ra mắt độc giả của Cảo Thơm với kỹ thuật tối tân nầy. Đi chụp

hình cũng anh, vẽ phác những nét lồng dưới bài báo cũng anh, làm mi cũng anh. Tôi chỉ lo viết bài vở, giao thiệp với các nhơn vật. Và tập Cảo Thơm về Sài-gòn như độc giả lúc ấy đã thấy.

Mục đích của tờ báo, và mục đích ấy đã đạt được, là trình bày cho đồng bào thấy rằng, với bộ óc thông minh của người Việt mình, thêm có chí lớn, thì dễ đạt thành mộng lớn. Và Cảo Thơm trình diện với độc giả một số người Việt đã thành công tại Pháp, chỉ với hai yếu tố đó mà chẳng được trợ cấp tiền bạc nào. Thú thật, Cảo Thơm gây một ảnh hưởng sâu đậm cho độc giả cỡ đôi mươi vào lúc đó. Sau nầy, tôi có dịp gặp lại nhiều người nổi tiếng, họ nói với tôi bằng một giọng cảm động: «Nhà cháu nghèo, nuôi mộng lớn, mà sụt sè, không dám có can đảm xuất dương du học. Nhờ đọc tờ Cảo Thơm của bác, mà cháu dám có can đảm, Sang Pháp, làm anh sinh viên lao động, rồi có một sự nghiệp văn hóa như thế nầy.» Đời chánh trị cách mạng của tôi đã đưa vào ngục thất Côn-lôn một số thanh niên, rồi họ bỏ mình trong đó. Khi sực nhớ đến tên tuổi của họ, chẳng biết bầy con của họ có số phận nào, nay lưu lạc đâu, trái tim tôi thường se lại. Còn với tờ Cảo Thơm, mỗi lượt gặp một thanh niên tỏ lời cám ơn tôi, nhờ chỉ được đọc Cảo Thơm mà có gan dạ của một nhà văn hóa, lại thành công vẻ vang, thì trái tim tôi lại phồng lên.

Hơn ai hết, tôi nhận thức rằng tôi chắc chắn sẽ thành công vĩ đại trong địa hạt văn hóa, mà có thể «thân bại danh liệt» trong địa hạt chánh trị. Hơn ai hết, tôi muốn «làm văn hóa» hơn là muốn làm chánh trị. Nhưng mà,

từ năm 1945, tôi đã rời sân khấu chánh trị để làm văn hóa, tôi mới thấy rằng làm văn hóa cực kỳ khó, còn làm chánh trị ai làm cũng được. Cái khó thứ nhứt, là không phải ai cũng có khả năng văn hóa để làm văn hóa. Ví như có đủ khả năng rồi, thì lấy đâu phương tiện để làm? Ngồi viết một quyển sách, phải có tiền tiêu pha để sống, để thâu thập tài liệu, nhiều khi hao tốn không biết bao nhiêu. Một kiệt tác của A.France, nhan đề là *Le crime de Sylvestre Bonard* (Trọng tội của Sylvestre Bonard) đã miêu tả nỗi khổ tâm của một học giả tài hoa, mà trọng tội là không đủ phương tiện để «làm văn hóa». Một sự may vô cùng, không thể có lại lần thứ hai, giúp rập cho tôi ra số đầu và cũng là số chót của Cảo Thơm. Từ bốn phía, nổi lên một hợp nhứt chiến tuyến để diệt luôn tờ Cảo Thơm và mọi sự nghiệp văn hóa của tôi tại Pháp. Xin miễn bàn vì nó lại là những lực lượng chánh trị, và khi bàn ra, thì tôi lại viết hồi ký về chánh trị rồi.

Nói kỹ về chánh trị, hẳn là không nên rồi, nhưng nếu chẳng nói phớt qua, cũng không làm sao để cho độc giả hiểu được. Khi tôi sang Pháp vào giữa tháng V năm 1949, ý định là tổ chức một nhà xuất bản đại qui mô để lo cho một số tác phẩm có giá trị ra đời. Bởi tôi nhận thấy rằng chiến tranh sẽ đốt sạch các tác phẩm có giá trị cũ, ngăn ngừa những tác phẩm mới khó ra đời. Vậy cần có một nơi có đầy đủ phương tiện ấn loát để tái bản những tác phẩm đã mất mát bằng những kỹ thuật chụp ảnh mà in lại (procédés photomécaniques), như là offset, hélio, cliché. Như vậy, những tác phẩm có giá trị, mà bị chiến tranh tiêu hủy phần lớn, có thể cho in lại, để sau nầy khỏi mất mát, vì sự lưu

trữ tại Thư Viện Quốc Gia (Bibliothèque Nationale) ở Paris có.

Nhưng sang qua Paris, thì kế hoạch ấy bị phá không thể tả xiết. Nguyên nhơn của việc phá phách nầy chỉ vì người ta sợ rồi đây, với khả năng văn hóa của tôi, tôi sẽ tạo cho tôi một cái uy tín quá lớn. Nhận thức cái áp lực ấy, anh kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích và hai người phụ nữ (vì còn sống nên tôi tạm giấu tên) đứng ra thành lập một công ty xuất bản, lấy tên là «nhà xuất bản Minh Tân» để làm bình phong che giùm hoạt động văn hóa của tôi. Khi nghe việc đó, tôi nói với anh Bích :

— Không thể che đậy lâu ngày được. Việc xuất bản là việc làm công khai giữa chợ, ai liếc vào cũng thấy rõ hết. Họ đã quyết tâm ngăn chận con đường văn hóa của tôi, thì bất cứ với bình phong nào, họ cũng xô ngã cả. Tốt hơn là nhà xuất bản Minh Tân tự gánh trách nhiệm lấy, tự lo phụng sự văn hóa dân tộc.

— Nhưng mà, anh Bích đáp, chúng tôi không đủ khả năng.

— Trong những bước đầu, tôi có thể giúp ý kiến, với tư cách là cố vấn.

Sau một năm hoạt động, với những kế hoạch tôi đưa ra, nhà xuất bản Minh Tân lời một số tiền to lắm. Anh kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích trích ra trong số lời mà trả cho tôi một số tiền «cố vấn» rất cao là một triệu sáu trăm ngàn quan. Tôi từ chối số tiền đó, lấy cớ là tôi chỉ tốn nước bọt có mươi phút đồng hồ, rồi thỉnh thoảng được mời ăn cơm, thì làm gì mà xứng đáng với số tiền quá to tát như vậy ? Trọn trong một

đêm, hai anh em cãi nhau, mà anh Bích không chịu nhượng bộ. Tôi đành đưa ra một lối giải quyết không kẻ thắng, chẳng người bại. Là tôi tạm lãnh số tiền thưởng, nhưng mà lại không xài vào. Và tôi đem cả số tiền đó mà làm một công việc văn hóa có lợi cho dân tộc.

Do cái giải pháp chẳng kẻ thắng, không người bại nầy, mà tôi có một số vốn to để chơi bảnh mà xuất bản tại Paris một tờ tạp chí song ngữ (Pháp và Anh) tên là tạp chí PACIFIC (tạp chí của người Á châu) bìa đẹp, in trên giấy láng, hình ảnh lộng lẫy, bài viết do những cây viết lừng danh của Ấn, Miến, Anh-đô-nê-xia, Thái, v.v.. Anh Lê Hiến là người cộng tác về viết lách, anh Việt Hồ, về trình bài, các tùy viên văn hóa của các tòa đại sứ các nước Á-châu tại Paris phụ trách tìm những bài vở của danh nhơn xứ họ cho tạp chí.

Pacific ra đời đầu năm 1952, mà chúng tôi đã dự đoán rồi đây, hai khối do Mỹ và Nga lãnh đạo sẽ bị kẹt mà sẽ đi vào đường lối «cộng tồn». Chúng tôi cũng tiên liệu rằng cái thế cộng tồn nầy giúp cho các nước nhược tiểu và chậm tiến có cơ hội ngóc đầu lên nổi. Và chúng tôi kêu gọi thành lập cái «thế giới thứ ba» gồm những nước Á-châu, Phi-châu và châu Mỹ La-tinh... Lần thứ nhứt, chủ thuyết trung lập được trình bày có hệ thống và đại qui mô trong một tờ tạp chí in đẹp. Tạp chí Pacific ra đời đến số tám, cứ ba tháng ra một kỳ. Mãi đến năm 1954, khi tôi về xứ rồi vào tù, mới ngưng. Nhưng ngay số đầu, ông Nguyễn Văn Tâm,

lúc ấy làm thủ tướng, đã ra lệnh cấm nhập cảng lưu hành và tàng trữ trên đất Việt, do đó mà nền tài chánh bị bóp nghẹt, và số vốn cũng tiêu mòn dần.

Nếu đứng về phương diện tài chánh, Pacific không đem lại chút lợi lộc nào, song về phương diện ảnh hưởng, lại lan rộng khắp nơi. Nhờ đó mà tên tuổi tôi được phổ biến khắp các nước, trong giới trí thức, học giả, chánh trị. Nhờ đó mà năm 1957, khi tôi bị chế độ Ngô Đình kêu án tử hình, thì những độc giả cũ của tờ Pacific lập tức hưởng ứng lời kêu gọi của nhà văn A.Camus mà ký tên yêu cầu đình chỉ án lịnh xử tử của tôi. Thật là một kết quả chẳng sao ngờ được.

Đây là một kết quả nên rút làm kinh nghiệm cho những ai muốn làm chánh trị. Mặc dầu đây không lấy đề tài chánh trị làm chủ đề. Kẻ làm chánh trị, nhứt là làm chánh trị cách mạng ở những xứ kém mở mang, ắt gặp may ít, mà rủi lại quá nhiều, thành công nhỏ nhoi đã ít, mà thất bại hiểm nguy lại quá nhiều. Như vậy, nếu chẳng muốn vừa ra trận là ngã gục tại sa trường, tất phải có thuẫn thận chắc để đỡ đòn của địch. Xông xáo ra trận, mà không có thuẫn che thân, ắt khó đeo đuổi con đường cách mạng đến rốt ráo.

Ngày xưa, Tư Mã Thiên can tội chánh trị, mà phải bị án tử hình. Nhờ là một sử gia có tài, nên án tử hình được chuyển thành án hoạn, cho sống để viết xong tác phẩm của mình. Năm 1945, tôi cũng được hưởng trường hợp na ná như vậy. Lúc ấy, những ai có thế lực trong quần chúng mà đối lập với cộng sản thảy đều bị thanh toán. Riêng đối với tôi, Hồ Chí Minh đưa cái luận điệu

rằng diệt một bộ óc như vậy là quá uổng, nên để sống lợi nhiều, hại ít.

Năm 1957, khi tôi bị án tử hình, mặc dầu anh em nhà Ngô không được sáng suốt như trong những trường hợp trên, song cũng biết nghe lời kêu gọi của mấy ngàn học giả ưu tú khắp thế giới, mà chẳng dám hành quyết.

Như vậy, tôi khuyên đàn hậu tấn, trước khi dấn thân vào con đường hiểm nguy của chánh trị cách mạng, nên bắt chước con rùa nắp, mà có cái mu «bất khả xâm phạm» của mình. Cái «bất khả xâm phạm» dễ tạo hơn hết là cái bất khả xâm phạm về văn hóa. Đã đành, việc ăn học, sáng tác văn nghệ dễ đưa lên địa vị cao sang, rồi dễ hủ hóa con người, song hai vấn đề cách biệt nhau. Con người dễ hủ hóa, dầu là dốt, thì lại càng dễ phản bội hơn nữa.

Có điều tôi rất tiếc, là tôi không có đủ phương tiện để tạo cho tôi một cái bất khả xâm phạm vĩnh cửu bằng văn hóa. Viết một bộ sách to và có công phu lẫn giá trị như bộ *Tư Bản Luận* của Marx, phải có phương tiện sanh sống bên cạnh một thư viện phong phú như British Museum cả ba bốn chục năm, viết xong rồi còn phải in ra. Chẳng có một vị Mạnh Thường Quân nâng đỡ, thì việc đó là một ảo mộng. Nhưng nửa chừng, cũng có thể, nếu là thanh niên, tạo một sự nghiệp văn hóa song song với sanh kế. Chừng sanh kế vững vàng rồi sẽ xông pha. Cái mà tôi rất tiếc, là tội đã quá sớm «xếp bút nghiên lên đường tranh đấu» lúc vừa dứt hai mươi tuổi. Rồi kẹt trong tù tội cả mười lăm năm. Thế mà chưa dứt nợ đời. Còn phải mất thêm bốn năm làm dân biểu, mới mua chuộc

khỏi cái án 13 năm mà khi được phóng thích, tôi còn mang.

Nay nhìn kỹ lại, cái thuẫn vẫn còn mỏng manh, chưa đủ sức chịu đựng.



CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Nhật báo «Phương Đông»

Năm 1952, tôi có dịp về xứ, ở được chín tháng, đến giữa năm 1953, mới quày sang Pháp, đề rồi gần hết năm nầy, trở về lần thứ hai, lại đến tháng Ba năm 1954, lại trở qua, sang Genève tham dự với tư cách ký giả, vào vòng ngoài của hội nghị về vấn đề Đông-dương. Trong suốt thời gian nầy, tôi có dịp nhờ anh em tổ chức tờ Phương Đông, ban đầu là tuần báo, sau biến thành nhựt báo.

Giấy phép cho ra tờ Phương Đông là do Phan Văn Giáo cấp cho một ký giả, anh nầy giao cho ông bạn già của tôi là ông Tú Võ Oanh khai thác. Song lỗ lã, mà đóng cửa. Anh ký giả nầy có rất nhiều cảm tình với tư tưởng chánh trị của tôi, ngay từ lúc tôi ở Hà-nội, nên bảo tôi dùng cơ quan nầy mà tuyên truyền tư tưởng. Tuyệt nhiên không có chút vấn đề cho mướn măng-sết. Chủ bút là anh Lê Văn Siêu. Thơ ký tòa soạn là một ký giả trẻ, Thái Linh. Nhà phỏng vấn chuyên môn là Nguyễn Hữu Ngư tự Ngu Í. Cộng tác rất có nhiều cây viết bè bạn. Có điều rất lạ là báo in ở Sài-gòn, mà ba phần tư độc giả lại ở ngoài Bắc. Mỗi tuần phải chở máy bay tuốt ra Hà-nội mà bán. Độc giả ở Sài-gòn hơi chê báo viết quá cao, và văn chương hơi có mùi vị đàng ngoài. Trái lại, độc giả ở Hà-nội lại thích hơn nhiều. Với số bán tại miền Nam chỉ non một phần tư, những người nhìn phiến diện cho rằng tờ báo không làm sao sống nổi về

phương diện tài chánh. Thế mà nó sống, nên thiên hạ suy rằng nó có một nguồn tài chánh nào đó. Rồi từ cái kết luận đó, dư luận dễ chấp nhận mọi tin đồn ác, do một số người có dụng ý phao ra.

Một loại tin đồn cho rằng báo Phương Đông không đi với đường lối của chánh quyền (lúc đó là chánh phủ Bửu Lộc), ấy bởi vì là cơ quan tuyên truyền ở thành cho Việt Minh, nhưng khéo léo hơn các tờ báo khác cùng loại. Họ dựa vào cái luận cứ là hồi trước tôi là giáo sư, có nhiều học trò sau nầy vào kháng chiến ở vào cấp lãnh đạo. Rằng tôi quen lớn với mấy tay tổ cộng sản, nên thế nào cũng dính dấp với họ, và được họ tin,v.v.. Tóm một lời, tôi là một thứ cán bộ nằm vùng cho «bên kia».

Một luồng dư luận thứ hai, có biết chút đỉnh chánh trị, và giai đoạn tranh đấu trước có dính dáng ít nhiều với những cán bộ cộng sản, thì phao tin ngược lại. Rằng bên kia không khi nào đi với một tên Tờ-rốt-kít cũ như tôi. Rồi họ quả quyết rằng tôi lãnh tiền của văn phòng thứ Hai của Pháp để dọn đường cho một lập trường chánh trị mới cho thực dân Pháp, là con đường «trung lập.» Lập luận của họ là thế giới đã chia làm hai phe, một bên tư bản, một bên cộng sản, thì nhứt định phải ở bên nầy hay bên kia, chớ không thể nào trung lập được. Và kẻ nào chủ trương trung lập là tay sai bí mật cho thực dân. Họ còn phao tin quả quyết rằng tôi đã lãnh ba trăm triệu bạc (lúc ấy) để dọn đường cho cái giải pháp nọ.

Một luồng tin vịt thứ ba lại bảo rằng tôi không phải lãnh tiền của văn phòng thứ Hai của Pháp, vì Pháp đâu có dư tiền nhiều dữ vậy. Mà tôi lãnh đô la của Hoa-

kỳ mà dọn đường cho Hoa-kỳ đến khi Pháp rút đi.

Và một luồng dư luận thứ tư cãi lại rằng Hoa-kỳ là đứng đầu cho thế giới tư bản rồi, không chi tiền làm gì cho một phong trào trung lập. Và chính là nước Anh, xuyên qua mấy nước trung lập như Ấn-độ, Miến-điện đã bỏ tiền cho tôi ra tạp chí Pacific ở Pháp, rồi báo Phương Đông ở Việt-nam. Nghĩ cũng là vui. Vừa là tôi tớ cho cộng sản, cho thực dân Pháp, cho Hoa-kỳ và cho Intelligence Service. Mà không một ai thương tình cho rằng mình đi đường lối dân tộc.

Nói rằng không ai, là một lối nói lẩy đối với một số người được gọi là «thức giả». Nhưng trái lại, có một số rất đông, đi sát vấn đề, có óc phê phán, và nhứt là nhiệt tâm đối với tiền đồ dân tộc, tha thiết với đường lối dân tộc, đã thấy rằng dầu cho cá nhân của tôi có ăn tiền của ai đi nữa, việc ấy không can hệ chi đối với trào lưu của lịch sử. Mà nếu trào lưu lịch sử khiến cho nước Việt chảy xuôi trong dòng trung lập, ấy là thuận lòng trời, đẹp ý người. Và họ sẵn sàng tình nguyện lót đường cho dân tộc tiến tới nẻo ấy.

Trong số người mới hưởng ứng với đường lối dân tộc nầy, nên kể một thanh niên rất có khả năng. Tên hắn thật là Tạ Chí Diệp. Hắn gặp tôi năm 1945, tại nhà của Đào Duy Anh, tại Huế, khi tôi đến đó, và hắn còn là học sanh ở trọ nơi nhà học giả nầy. Đến năm 1952, tôi có dịp về Sài-gòn, thì những lời tôi nói, không có một lãnh tụ quốc gia nào tin. Tôi báo tri :

— Thế nào rồi cũng có sự thương thuyết giữa Pháp với Kháng chiến Việt-nam do cộng sản lãnh đạo. Chúng

ta là những người ái quốc không cộng, chúng ta phải chuẩn bị để ứng phó với viễn đồ ấy.

Một lãnh tụ quốc gia, có thể gọi là điển hình, đáp lại :

— Tụi Pháp đã thề với tôi rằng thế nào chúng nó cũng tranh đấu chống cộng đến cuối cùng. Anh Tường à, anh đừng có nhẹ dạ mà nghe những lời tuyên truyền huyễn hoặc ấy.

Suốt chín tháng, đi khắp đó đây, tôi chỉ nghe được có một giọng hệt như vậy. Nhưng trái lại, ngoài những bè bạn đã tin tưởng tôi từ lâu, chỉ có Tạ Chí Diệp và Phạm Chử chấp nhận lời của tôi là hữu lý. Phạm Chử, nghe đâu năm 1957 đứt gân máu mà chết. Còn Tạ Chí Diệp, đến năm 1963, mới bị mật vụ của Ngô Đình Nhu bắt cột lại quăng xuống sông Nhà Bè. Độc giả mới đọc sơ qua, chắc lấy làm lạ vì trên mặt báo, không có nêu tên nầy. Nhưng mà độc giả ắt sẽ không còn ngạc nhiên, nếu biết rằng Tạ Chí Diệp ấy đích thị là Nguyễn Phan Châu.

Tạ Chí Diệp là thí sanh đầu tiên thi đỗ tú tài triết học tại Huế, khi mà Hoàng Xuân Hãn tổ chức cuộc thi thử đầu tiên, 1945, bằng Việt ngữ, để xem phản ứng của thí sanh đối với sự dùng tiếng mẹ làm tiếng học thừa. Khi Việt Minh lấy chánh quyền, Tạ Chí Diệp tuốt ra Hà_nội, theo Hồ Chí Minh trong một thời gian, đến khi nổ súng toàn quốc, thì được lịnh về hoạt động tại khu V. Nơi đây, chàng móc nối được với một nhóm người ái quốc, do Nguyễn Hữu Lộc lãnh đạo mà tổ chức một đoàn thể bí mật, hoạt động ngầm trong nội bộ của Việt Minh

và lấy tên là «nhóm Quang Thùy». Quang Thùy là tên người con của hoàng đế Quang Trung, do người mẹ là một tình nhơn của Nguyễn Huệ, khi Nguyễn Huệ chưa lập gia đình. Tục lệ khi xưa, những đứa con ngoại hôn mặc dầu sanh trước, vẫn phải chịu phận làm em của những đứa con do bà chánh thất sanh ra. Vì vậy mà, mặc dầu tuổi của Quang Thùy có lớn hơn Quang Toản song ngôi vua phải nhường lại cho Quang Toản là đích tử. Quang Thùy xông trận mạt, tỏ gan dạ phi thường. Đến khi Tây Sơn vận mạt, Quang Thùy bị nhà Nguyễn bắt, nhưng không chịu đầu, đành tự tử cho tròn danh tiết là con của một đấng anh hùng. Người Bình định tôn sùng Quang Trung bao nhiêu là thương mến Quang Thùy bấy nhiêu. Và nhóm chánh trị bí mật chọn tên Quang Thùy mà đặt cho mình là muốn nói lên tấm lòng bất khuất của những người muốn theo dõi đường lối của Quang Trung. Mà đường lối của Quang Trung phân làm hai giai đoạn. Ở giai đoạn đầu thì «phò Lê diệt Trịnh». Nhưng sang qua giai đoạn sau, khi mà Lê Chiêu Thống đi làm tôi tớ cho nhà Thanh, cầu ngoại viện vào chà đạp lên tổ quốc hầu củng cố địa vị, thì diệt Thanh và dứt Lê. Chính là cái tinh thần khiến cho các nhà lãnh đạo cộng sản sanh ra mặc cảm. Vì họ thấy họ bị so sánh với Lê Chiêu Thống, và đám Quang Thùy nầy đã có ần ý «phò kháng chiến chống thực dân, mà đến khi họ quay đi theo Tàu, thì đám nầy cũng chống Tàu và chống luôn cộng sản». Nên chi một lưới công an chụp bắt các tay lãnh đạo của nhóm, rồi kết án tử hình một số đông, và đoàn viên bị cầm tù rất nhiều. Riêng Tạ Chí

Diệp cùng người chú là Tạ Chương Phùng thoát được, nhưng cũng bị kết án tử hình khiếm diện. Hai chú cháu vượt biển, từ Qui-nhơn đến Nha-trang, rồi vào Sài-gòn. Đến đây, Diệp thay tên đổi họ là Nguyễn Phan Châu và làm giáo sư dạy Việt văn nơi một vài tư thục ở Sài-gòn.

Tuy sự nghiệp văn chương và báo chí của Nguyễn Phan Châu không là bao, nhưng mà, gián tiếp, do ảnh hưởng chánh trị của Châu, chàng đem lại cho nhà báo Phương Đông rất nhiều cộng tác viên trẻ tuổi. Và đồng thời, cũng giúp cho báo nầy có nhiều độc giả ở miền Trung.

Về phương diện viết lách, Châu lại có một cái tài nhái rất hay. Là chàng tập lối văn của tôi, ai chẳng đề phòng dễ bị lầm lẫn. Nhờ cái tài ấy, mà có lắm luận cương chánh trị, tôi chỉ nói đại ý, sắp đặt dàn bài cho, rồi Châu tự viết cả, từ đầu đến cuối. Luận cương đưa ra làm tài liệu học tập, ai cũng tưởng là do tôi thảo.

Tờ báo Phương Đông có một tiếng vang mãnh liệt và ảnh hưởng đến bây giờ là bài «thuyết trình về trung lập chế». Đầu năm 1954, hội nghị tứ cường ở Bá-linh quyết định mở một hội nghị quốc tế về Triều-tiên và Đông-dương tại Genève. Nắm lấy cơ hội, tôi mời một số nhân sĩ miền Nam, từ cực hữu đến cực tả, không phân biệt chánh kiến, miễn là người có suy tư thành thật, đến nhà một người quen mà mở một buổi thuyết trình. Đại ý, tôi nói rằng, thế nào rồi chánh phủ quốc gia của Bảo Đại, do Bửu Lộc làm thủ tướng, cũng phải gởi phái đoàn đến hội nghị nầy. Vậy phái đoàn ấy phải

tiên liệu rằng vấn đề gì sẽ đặt ra? lập trường nào sẽ có lợi cho dân tộc?

Bốn tháng trước khi hội nghị Genève khai mạc, tôi đã đoán trúng rằng đề nghị cắt đôi lãnh thổ sẽ được đưa ra. Tôi không đứng về phương diện chánh trị mà nói. Tôi đứng về phương diện ký giả mà xét nét Phải nhìn nhận rằng làm báo mà đoán trúng diễn tiến được như vậy, là một ký giả sáng suốt lắm. Và trót mèo đã khen mèo dài đuôi, thì cũng nên khen cái đuôi nó dài thậm thượt.

Mùa đông năm trước, giải Goncourt ở Paris được cấp phát cho một nhà văn giáo sư; cho một tác phẩm nhan đề là «bên bờ sông Syrte», trong ấy tác giả nhắc lại một tranh cồ sử Hy-lạp, hai bộ lạc định cư hai bên bờ một con sông, lần lượt sanh chán cảnh thanh bình rồi gây chiến với nhau. Tôi mượn hình ảnh văn chương nầy mà quả quyết rằng sự chia đôi lãnh thồ Việt-nam muốn cho dễ, ắt mượn một con sông nào đó. Rồi hai bên bờ sông này tâm trạng trên sẽ khiến cho hai miền sẽ gây chiến với nhau. Và tôi lên tiếng cảnh cáo phải tìm một biện pháp khác hơn là việc chia đôi lãnh thồ, mới tránh được cái thảm họa chiến tranh Và biện pháp nầy, theo chỗ tôi thấy năm 1954, không ngoài «trung lập chế». Lùi lại 17 năm lịch sử, dự đoán và cảnh cáo nọ quả là một lời tiên tri của một ký giả.

Sang qua Genève, bản thuyết trình về trung lập chế được phiên dịch ra Pháp ngữ và Anh ngữ, gởi gần chục ngàn bản cho những danh nhơn trong thế giới. Năm 1957, khi tôi bị kêu án tử hình, số đông những

danh nhơn đã được tài liệu này đã ký tên can thiệp với Ngô Đình Diệm đình chỉ sự hành quyết bản án tử hình.

Bản thuyết trình về « trung lập chế » in thành số đặc biệt của Phương Đông, có in thêm đến hai mươi ngàn tờ để phổ biến khắp nơi. Sang qua Genève, bản dịch bằng tiếng Pháp nhan đề là «La seule bone voie», bản dịch bằng tiếng Anh nhan đề là «The only good way» thảy đều in trên giấy cực mỏng và láng gọi là giấy «Kinh Thánh» cực đẹp, bỏ vào bao và dán tem gởi khắp thế giới. Tính theo tiền ngày nay, mỗi cái thơ như vậy tốn đến gần năm trăm đồng bạc, vừa công in, tiền cò, tiền thuê người tìm địa chỉ tốt và đề bao. Gởi độ sáu ngàn cái như vậy, tức là cũng đến ba triệu bạc. Cũng may đồng tiền lúc ấy còn có giá, tôi xài trong vụ đó độ bốn triệu quan cũ. Nhưng một số tiền quá lớn, làm cho cả thế giới nghi ngờ. Điệp viên Mỹ thì nghi rằng tôi lấy tiền của Nga. Điệp viên Nga lại nghi tôi lấy tiền của văn phòng thứ Hai của Pháp. Văn phòng thứ Hai của Pháp nghi tôi lấy tiền của Việt Minh. Điệp viên của Việt Minh lại nghi tôi lấy tiền của Intelligence Service Anh. Và điệp viên Anh lại nghi tôi xài tiền của Mao Trạch Đông. Họ cứ nghi nhau lung tung, Còn tôi thì ỡm ờ, cười bí mật, chẳng để cho một ai hiểu chi cả. Ngay những kẻ thân thuộc nhứt, và chính người cầm tiền năm triệu quan giao cho tôi cũng chẳng hiểu chi nốt. Năm 1969, tức là mười lăm năm sau, tôi có dịp gặp lại người ấy, tôi hỏi, người ấy cũng đành lắc đầu.

Đây là một việc không cần «thanh minh thanh nga»

gì cả, vì tôi có làm gì tội lỗi đâu mà giấu. Chẳng qua tôi chẳng xì ra, để xem những kẻ trí trong thiên hạ có thấu được cái bí mật cỏn con nầy chăng. Nay kể lại, xin độc giả kể là một giai thoại của một tay du thuyết, lúc nghèo túng «bán óc» của mình mà có tiền nhiều xài chơi một mách.

Đầu tháng Avril, tôi chỉ vừa có đủ tiền mua vé máy bay sang Pháp. Túi hôm ấy còn độ một trăm quan. Mà nhà có tới mười sáu miệng ăn. Lại nuôi đại mộng sang Genève đập trống thổi kèn, để cổ võ cho giải pháp «trung lập chế». Tuy chưa có thể ví như Tô Tần bán áo hồ cừu của mình, song tình trạng cũng chẳng kém bao nhiêu.

Độ 11 giờ năm mươi, vô tình tôi đi bộ trên vỉa hè đại lộ Malesherbes mà không để ý. Thình lình, từ trong, xô cửa kiếng quày bước ra, có người gọi to : «Anh đi đâu đó ? Gặp tay mưu sĩ rồi». Quay lại, tôi thấy Nguyễn Đệ, đổng lý văn phòng của quốc trưởng Bảo Đại. Tôi đáp : «Tôi đi đến cửa hầm métro gần đây, để về nhà ăn trưa.»

— Có ăn trưa, thì vào đây mà ăn với tôi vậy.

— Thú thật với anh là tôi hết tiền. Với điều kiện là anh bao bữa cơm, thì tôi mới không từ chối được.

— Dĩ nhiên, tôi mời anh ăn, thì tôi bao rồi. Tôi cần hỏi tay mưu sĩ một việc. Không gặp đây thì tôi cũng đi tìm anh.

– Tôi nói thiệt. Túi tôi chỉ có lối trăm quan, mà vào nhà hàng sang trọng ấy, mỗi bữa ăn phải trả hơn ngàn quan. Vừa ăn, Nguyễn Đệ vừa trình bày vấn đề. Tôi tóm đại cương như sau. Trước đó, có một hội nghị Pháp Việt tại Pháp. Việt ở đây là chánh phủ Bảo Đại do Bửu Lộc

làm thủ tướng. Trong phái đoàn của chánh phủ Bảo Đại có mấy vị tổng trưởng thạc sĩ. Sau khi điều đình xong với Pháp, hai phái đoàn đã ký kết một hiệp ước. Còn chỉ đưa cho quốc trưởng Bảo Đại ký vào là hiệp ước có giá trị. Tờ hiệp ước đưa cho Bảo Đại duyệt xong, thì Bảo Đại toát mồ hôi, không dám ký, lấy cờ rằng nếu ký thì về xứ, quốc dân vấn tội, sẽ ăn làm sao nói làm sao ? Nhưng mà tánh Bảo Đại nhát lắm, nếu khôngký, thì sợ Pháp giết chết. Ở cái thế trên đe dưới búa, Bảo Đại không biết làm sao đừng ký vào hiệp ước mà chẳng bị thực dân đàn áp. Trình bày vấn đề đến đây, Nguyễn Đệ kết luận :

— Ba giờ chiều nầy, thằng Letourneau hẹn sẽ đến gặp Ngài để ký tên. Bây giờ đã quá mười hai giờ. Anh có kế gì chăng ?

Nửa đùa nửa thật, tôi đáp :

— Anh đã gọi tôi là mưu sĩ, nếu tôi chẳng có kế mọn, thì làm sao xứng đáng với cái anh gọi ?

— Anh nói thật chớ ?

— Tôi có khi nào nói dối với ai đâu ? Nhưng kế của tôi, tôi cơm cha áo mẹ mới có. Tôi bán để sống, chớ không cho không ai cả.

— Như vậy, tôi có thể điện thoại cho Ngài rằng anh đã nói với tôi như vậy à ?

— Thì anh điện thoại đi.

Tôi ngồi ăn một mình. Nguyễn Đệ điện thoại một hồi lâu, trở lại nói :

— Tôi đã nói rõ với Ngài rồi. Ngài vời anh đến gặp ngay.

Tôi cũng ăn vừa xong. Bắt tay Nguyễn Đệ, đi lấy

métro đến khách sạn của Bảo Đại. Đến nơi, thì là thơ ký đặc biệt là Phạm Bích, con của Phạm Quỳnh tiếp. Tôi nói với Bích :

— Chuyện nầy, tôi chỉ có thể nói với một mình quốc trưởng mà thôi, chớ tuyệt nhiên không thể nói với một người nào khác.

Bích vào trong. Bảo Đại bước ra hỏi ngay :

— Ông Tường có cách giúp cho tôi không ký hiệp ước à ?

— Đúng như vậy. Nhưng tôi đã nói với Nguyễn Đệ rằng tôi chỉ đưa kế mọn của tôi để lấy tiền sang Genève hoạt động. Với điều kiện duy nhứt đó mà thôi.

— Ông Tường muốn bao nhiêu ?

— Tôi muốn năm triệu quan, trả bằng tiền mặt, chớ không phải tiền V N. hay là ngân phiếu.

— Ông Tường có thể cho tôi biết trước kế hoạch ra sao chăng ?

— Đồng ý về giá cả, tôi sẵn sàng, trình bày kế của tôi. Nếu kế không thi hành được, thì quốc trưởng khỏi trả tiền Còn quốc trưởng thi hành, thì trả tiền cho tôi. Mình là người lớn với nhau.

— Vậy ông Tường cho biết.

— Hiệp ước mà Pháp bày ra đây chỉ là một lá bài mà Pháp chìa ra cho Việt Minh xem, để trả giá sự rút lui của quân đội Pháp. Họ sẽ nói với Việt Minh . «Đây chánh phủ Bảo Đại đã chấp thuận những điều kiện với nước Pháp như thế nầy. Nếu bên Kháng chiến mà chấp nhận những điều kiện như vậy, thì chúng tôi hợp tác với các ông, miễn cho chúng tôi hy sinh thêm. Nhược bằng

các ông đòi quá, thì sẵn có hiệp ước đây, chúng tôi cứ «tiếp tục». Như vậy, tờ giấy mà người ta đòi ông ký, chẳng qua là tờ giấy lộn, ông không ký cũng không sao cho họ...

— Nhưng mà họ làm dữ với tôi bắt cho tôi ký.

— Để họ chìa ra mà dọa bên Việt Minh. Bây giờ quốc trưởng muốn không ký, thì cứ khai thác cái danh mà họ đã tạo chung quanh tên của quốc trưởng. Lập tức, lấy một cái xe, chở hai ba nàng, tự lái lấy xe, đi chơi lập tức. Letourneau có đến, thì tùy tùng cứ báo cáo với nó rằng quốc trưởng chở gái đi chơi, mà quên cái hẹn ba giờ chiều nay. Ít hôm sau, có về, hiệp ước hết thời giờ xài rồi, tất nhiên nó sẽ không đeo đuổi mà đòi quốc trưởng ký nữa đâu.

Bảo Đại gật đầu, đứng dậy, vói tay lấy điện thoại quây số nói chuyện ngay với Nguyễn Đệ mà tôi nghe rõ :

— Đệ đưa cho Hồ Hữu Tường năm triệu quan.

Tôi không nghe tiếng Nguyễn Đệ trả lời ra sao cả. Một chặp, Bảo Đại trở lại, đưa tay bắt tay tôi và nói :

— Ông Tường yên trí. Sáng mai, đúng chín giờ, đến nhà riêng của Nguyễn Đệ mà nhận đủ số bạc. Tôi đi chơi đây.

Phải nhìn nhận rằng, trong các nhà chánh trị của xứ Việt-nam, ngoại trừ những người cộng sản Đệ tam và Đệ tứ mà tôi không đặt vào sự so sánh nầy, tôi phải nhìn nhận rằng Bảo Đại là nhà chánh trị thông minh hơn hết. Và đây không phải là dịp thứ nhứt mà tôi được kinh nghiệm điều nầy. Dịp đầu đã xảy ra năm 1945, khi Việt Minh cướp chánh quyền ở Hà-nội. Chỉ một bức điện

tín do chúng tôi từ Hà-nội gởi vào (Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Xiển, Ngụy Như Kontum), nếu người khác thì chẳng thấy xa mà hành động theo, nhưng Bảo Đại sáng suốt, biết nắm lấy cây sào mà chúng tôi đưa cho níu, thoát khỏi cơn giết chóc, và đến nay còn có một «vai trò» nào, không đến đỗi thân bại danh liệt. Chỉ có điều là sanh trưởng trong nhung lụa, Bảo Đại không chút tinh thần tranh đấu, rất nhát không dám hi sanh. Đòi hỏi nơi Bảo Đại những điều nầy, sẽ thất vọng ngay, và sẽ hỏng chuyện, dù lớn hay nhỏ.

Gặp người kém thông minh, ắt đã quịt ngay số tiền bán nước bọt của tôi trong năm phút ấy. Nhưng Bảo Đại biết rằng ngày sau, sẽ còn nhiều dịp «mua kế» của tôi, nên chuyến ấy, trả sòng phẳng.

Chiều hôm ấy, tôi mua vé đi Genève ngay. Mấy hôm sau, đứa con gái của tôi kế rồi người đàn bà thứ hai của tôi cũng sang tiếp tay. Tôi lại mướn một căn buồng tại nơi nhà báo chí, thuê hai luật sư Thụy-sĩ, và một thơ ký đánh máy có bằng cao học, biết năm thứ tiếng. Rồi tôi đánh điện qua Đức mời một học trò cũ của tôi là Lê Xuân sang giúp. Anh nầy, học toán với tôi năm 1935 đề thi tú tài. Tôi thấy anh có khả năng ngôn ngữ, nên bày cho anh học sanh ngữ, bằng phương pháp nhà nghèo. Bấy giờ, ảnh đã biết giỏi tiếng Pháp, lem nhem tiếng Anh. Tôi bày cho anh theo các mục sư Tin lành đề học Anh ngữ. Năm 1945, anh rất sành Anh ngữ, rồi qua Tàu, sau khi học được rành tiếng Nhựt trong thời Nhựt thuộc. Đến chừng năm 1954, thì anh Lê Xuân đã lưu lạc nhiều nước, như Thái, Lào, Y-pha-nho'

Đức, Ý-đại-lợi. Khi qua Thụy-sĩ làm thông ngôn cho tôi, thì anh nói chín thứ tiếng, cái nào cũng thao thao như là tiếng mẹ. Tất cả hệ thống điệp viên quốc tế thảy đều bù đầu bù cồ, thấy tôi với một số cán bộ hùng hậu, chỉ kém một phái đoàn chánh thức của một quốc gia.

Biết chúng nó thắc mắc, tôi lại càng ỏm ờ phá chơi. Bởi vì tôi cho số tiền năm triệu quan, mà tôi được không chút giọt mồ hôi là một món hoạnh tài. Nếu xài không hết, ắt di tai hại.

Xong hội nghị Genève, tiền cũng chưa xài hết. Nhơn có người ta rủ sang Anh để tham dự một hội nghị quốc tế, tôi sang Anh ở một tháng. Nhờ đó mà làm quen được một số nhơn vật, học giả, chánh khách, ký giả. Sau nầy, khi tôi lãnh án tử hình, những vị nầy đã tích cực hoạt động, can thiệp cho tôi khỏi bị hành quyết

Kể ra, trong đời làm chánh trị và làm báo của tôi, có mấy tháng nầy là tôi xài tiền bằng cách thò vào túi móc ra mà chẳng cần coi là bao nhiêu. Cố xài cho mau hết. Nhưng lương tâm không hề bị cắn rứt, vì đã không bán nước bán nôi cho ai cả.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Đất nước chia đôi

Đất nước chia đôi từ ngày 20-07-1954. Tôi đã biết trước việc đó từ hai năm trước, khi năm 1952, tôi chạy về xứ toan lôi cuốn các lực lượng chánh trị để ngăn chận tai họa nầy, rồi làm mọi việc gì có thể làm, kể cả bán kế mọn lấy tiền. Nhưng công việc chỉ thỏa mãn lương tâm, giống như việc Tôn Tẫn cãi số trời trong truyện *Phong Kiếm Xuân Thu,* cốt để thỏa mãn lòng trung hiếu đối với tổ quốc và dân tộc.

Đã biết trước, tôi cũng chuẩn bị. Tổ chức sẵn một nhà xuất bản ở Pháp, tạo xong cơ sở, gây chút đỉnh vốn, móc nối vài liên lạc cần thiết. Lòng tôi tưởng. đền xong cái nợ lương tâm, tin rằng khi mình đã cố gắng tối đa mà không được, thì dứt chánh trị đi, để mà «làm văn hóa». Nhưng mà «nhân nguyện như thử, thiên lý dị nhiên». Một tử đệ của tôi, là Nguyễn Phan Châu, sơ xuất mà kẹt vào một mê ly đồ chánh trị, khả dĩ là thân bại danh liệt một vài chục ngàn người. Hay tin, tôi lật đật về xứ, để gỡ ra. Gỡ cho người xong, thì tôi toan dựng một tờ báo cho họ làm. Ấy là báo Truyền Tin ra mắt chỉ được một số, là khủng hoảng chánh trị nổi lên, tôi kẹt trong vụ Bình Xuyên, mà vỡ cái mộng trở qua Pháp hành nghề xuất bản.

Trong vụ nầy, tôi mắc kẹt từ cuối tháng Ba năm 1955, đến cuối tháng Một năm 1964, mới ra khỏi nhà tù. Chỉ thiếu đúng hai tháng là đếm trọn chín năm.

Ra tù, thân thể suy nhược, ngồi viết cũng không nổi. Mãi đến tháng năm, mới lần lần tập ngồi viết lại những bài ngắn. Và Hoàng Hồ, lúc ấy làm giám đốc báo Ánh Sáng dành cho vài cột, để mỗi ngày tập viết lại.

Qua năm sau, vô tình, một tuần báo lọt vào tay tôi.

Một ông bạn, giáo sư Nguyễn Lương Hưng, giao thiệp với hội Hòa Đồng Tôn Giáo, được hội nầy giao phó cho việc đứng xin một tờ tuần báo, lấy tên là Hòa Đồng Tôn Giáo, để cổ động cho mục đích của hội. Nhưng khi báo được giấy phép, thì hội lấy cớ rằng chẳng có người viết. Ông Hưng rủ tôi vào bộ biên tập. Tôi cũng ngứa ngáy tay, muốn viết lách lại. Nhưng rồi, hội cũng chẳng chi ra tiền để tổ chức ban quản trị. Ông Hưng buồn quá, sợ mất uy tín đối với bộ thông tin, giao gánh nặng cho tôi. Lúc ấy tôi cũng chẳng có việc chi làm, buồn tình vay mấy trăm ngàn bạc, để cho báo ra đời. Nhưng lại bỏ hai chữ Tôn Giáo, mà chỉ lấy tên là Hòa Đồng.

Về biên tập, mỗi số báo đều có một bài của giáo sư Nguyễn Lương Hưng. Lúc ban đầu, thường trực, có anh bạn xưa, là Nguyễn Hữu Ngư, biệt hiệu Ngu Í cộng tác. Ngu Í, nhà báo, nhà văn nào chắc ai cũng biết. Vì sở trường của anh là phỏng vấn. Nên chắc ai cũng bị anh phỏng vấn cả. Con người anh có cả chục cạnh khía, không có cạnh khía nào giống cạnh khía nào. Mà mỗi cạnh khía có cái độc đáo của nó cả. Muốn làm với anh, cần phải lẳng quên những cạnh khía khác đi, và chỉ nhìn vào cái cạnh khía mà mình thích, thì Ngu Í là một người bạn rất tốt. Tốt đến nỗi anh trở nên độc đoán đối với

mình về chính những cạnh khía khác của anh. Nhưng mình cố gắng đừng lấy đó làm điều, thì vài hôm, anh thay đổi lại cạnh khía, thì anh hết độc đoán. Ta cứ kể anh là một người bạn đương cơn say một cái gì.

Tôi quen với Ngu Í từ năm 1945, tại Hà-nội, khi mà anh lãnh lịnh của Việt Minh, nhập nội để mà theo dõi hành tung của tôi. Một hôm, một thanh niên gầy đét bước vào phòng tôi, nói :

— Phòng Nam-bộ (của Việt Minh) đặc trách Lưu Hữu Phước và tôi đến nhập nội với anh, theo dõi anh để báo cáo hành vi của anh cho Việt Minh. Lưu Hữu Phước không dám lãnh công tác ấy. Vì quả quyết rằng con người anh hấp dẫn lắm. Gần bên anh, sẽ bị anh hóa mất đi. Còn tôi, thì tôi cho rằng nếu mà bị anh hóa, thì cũng chẳng sao. Nên tôi đến đây mà nói huỵch tẹt sứ mạng của tôi cho anh biết.

Nhìn chàng thanh niên ốm như con cá hố, tôi hỏi :

— Tên anh là chi ?

— Nguyễn Hữu Ngư.

Tên là Ngư, mà ốm o như con cá hố, tôi liền đặt cho chàng một biệt hiệu là «cá». Và các con tôi đều gọi anh ta là «chú cá». Mỗi lần anh Đông Hồ gọi Ngư cũng gọi là «chú cá» và cười hố hố.

Ngư là con người cực đoan, thấy người ta dùng y dài rườm rà, đã không hợp với âm học (phonétique), mà còn làm nghèo Việt ngữ. Nên Ngư một hai chủ trương viết chữ quốc ngữ như hồi Huình Tịnh Paulus Của viết *Đại Nam Quấc âm Tự vị*. Ngư xông xáo là thơ ký tòa soạn cho Hòa Đồng, và lần lần lấn ranh. Bài của

mình cũng viết i ngắn, rồi bài của thiên hạ cũng sửa i ngắn. Tác giả gây gỗ, độc giả gây gỗ. Nhà in cũng gây gỗ. Ngư tức mình hóa điên. Vợ phải gởi lên nằm Biên-hòa. Từ ấy, thỉnh thoảng Ngư bất bình, nổi cơn điên lại.

Hiện nay nhiều người tiếc sao tôi không ra lại tờ *Hòa Đồng*. Tôi hỏi lý do, thì đáp rằng Hòa Đồng góp công khá nhiều cho văn hóa nước nhà. Đối với tôi, việc nầy còn phải xét lại. Song thành quả ngó thấy, là tôi hạ một người bạn đau thần kinh nặng. Ngoài ra, vai lại gánh một món nợ khá to. Bởi, nếu không có những vụ đầu cơ giấy, và nhứt là trong một lúc, hàng không Việt-nam không chịu chở báo ra Trung, việc này làm cho Hòa Đồng mất một số lớn độc giả, thì tờ báo đủ ăn chung. Nhưng cuộc khủng hoảng chẳng bao lâu nầy trong làng báo đã báo hại Hòa Đồng chết ngủm.

Đồng một lúc với tờ Hòa Đồng, tôi có hợp tác ít lâu với tờ Ánh Sáng của Hoàng Hồ. Anh nầy, tôi cứu sống anh một phen, năm 1946, ở Ha-nội. Nhớ ơn, anh ghép họ của anh (họ Huỳnh hay là Hoàng) với họ tôi (họ Hồ) lại mà làm một bút hiệu. Sau nầy, anh đắc cử dân biểu ở Kiến-phong, rồi với bí danh Hoàng Hồ, anh lãnh một cái bản án tử hình khiếm diện.

Chính là trong tờ Ánh Sáng nầy, mà tôi trình bày một lối xét lại thuyết «trung lập chế» của tôi mà đề nghị việc «liên hiệp quốc hóa» Việt-nam, cái mà tôi gọi là «siêu lập».

Sau khi Hòa Đồng chết, tôi có viết trong báo Sống của Chu Tử một thiên tiểu thuyết nhan đề là «Người Mỹ ưu tư», đến nay vẫn chưa được phép xuất bản trở

lại thành sách tại Việt-nam. Nhưng ở Pháp, sách nầy được tôi xuất bản thành sách quí, dành cho thân hữu.

Sự hợp tác với báo Sống làm cho Chu Tử có cảm tình với tôi. Nên khi năm 1967, tôi ứng cử dân biểu, theo một mưu mẹo có thể là đánh đòn gió mà thôi, Chu Tử lại giốc toàn lực mà «lăn cục đá ù lì» là tôi vào Hạ Viện. Tôi đành đánh chữ làm thinh. Thế mà cuộc ứng cử mà không tuyên truyền, không truyền đơn, không bích chương, không diễn thuyết lại đem phiếu rất nhiều, làm cho tôi «bị đắc cử» dân biểu đô thành.

Từ ấy, tôi được nhiều báo mở rộng cho viết. Như Quyết Tiến, Đuốc Nhà Nam. Tiếng Nói Dân Tộc, Tin Sáng, Saigon Mới, Thanh Bình, Điện Tín. Đó là không kể một số tuần báo, tạp chí.

Hơn bốn mươi mốt năm trôi qua, đáng lẽ tôi phải được hưu trí, rút về vườn mà vui thú điền. Nhưng đất nước còn bị chia đôi, thanh bình chưa ló dạng, trọng bụng tằm còn cộm cộm những đường tơ. Lòng tôi muốn buông viết, mà thời thế còn đặt tôi vào cảnh CHẲNG ĐẶNG ĐỪNG.

Mục lục

BỐN MƯƠI MỐT NĂM LÀM BÁO, HỒI KÝ CỦA HỒ HỮU TƯỜNG, TRÍ ĐĂNG XUẤT BẢN. IN TẠI NHÀ IN RIÊNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN 19, NGUYỄN THIỆN THUẬT SAIGON.

Giấy phép số 86 BTT/PHNT ngày 12-11-1972